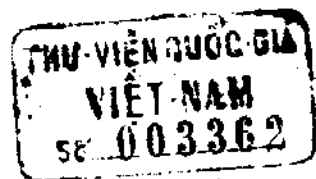


**HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH**

LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP

**PHẬT GIÁO và CÔNG GIÁO**  
trên  
**CHÍNH TRƯỜNG VIỆT NAM**



**Giáo sư NGUYỄN NGỌC HUY**

Tiến Sĩ Chính Trị Học

Hướng dẫn

**Sinh viên PHẠM NGỌC PHI**

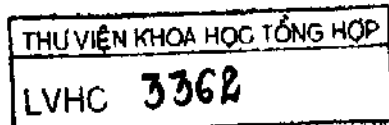
Cử Nhân Luật Khoa

Cao Học Ban Hành Chính

đệ trình

1970 - 1972

KHÓA VI



HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

không tán thành cũng không  
phản đối những ý kiến phát  
biểu trong luận văn. Những ý  
kiến đó do tác giả hoàn toàn  
chịu trách nhiệm.

Trong tinh thần học hỏi, chúng  
tôi xin hoàn toàn chịu trách  
nhiệm về ý kiến trình bày  
trong tập luận văn này. Nếu có  
ý kiến làm phát lòng quý vị  
hay cơ quan liên hệ. Kính mong  
quý vị lượng thứ.

THÀNH KÍNH CẢM ƠN

\* Giáo-sư NGUYỄN-NGỌC-HUY

Đã tận-tâm hướng-dẫn chúng tôi  
hoàn-tất cuốn luận-văn này.

\* Quý vị

Thượng Toa THÍCH HUYỀN QUANG

Linh Mục HOÀNG QUỲNH

Linh Mục TRẦN VĂN HIỂN MINH

Nghị sĩ TRẦN QUANG THUẬN

Đã phát biểu ý kiến và giúp tài-liệu  
qua các cuộc tiếp xúc dành riêng cho  
chúng tôi.

# MỤC LỤC

	Trang
MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH .....	VI
CHƯƠNG DẪN NHẬP .....	1
<u>Đoạn I</u> : XÃ HỘI VÀ TÔN GIÁO .....	4
1.- Tôn giáo một nhu cầu xã hội .....	4
2.- Tôn giáo và chính trị .....	5
<u>Đoạn II</u> : TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ .....	6
A.- Ảnh hưởng hỗ tương giữa tôn giáo và chính trị .....	7
B.- Lập trường tôn giáo đối với vấn đề chính trị .....	11
<u>Đoạn III</u> : TÔN GIÁO TẠI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN .....	14
I.- Các khu vực tôn giáo tại các quốc gia đang phát triển .....	15
II.- Thế lực các tôn giáo trên chính trường .....	15
A.- Nguyên nhân .....	16
B.- Vai hoạt động diễn hành .....	18
<u>Đoạn IV</u> : LỊCH SỬ CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM .....	21
A.- Lịch sử Phật giáo Việt Nam .....	21
B.- Lịch sử Công giáo Việt Nam .....	24

- II -

Phần I

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ PHẬT GIÁO - CÔNG GIÁO

<u>Tiết I</u> : TRƯỚC BIẾN CỐ 1963 (1968-1963).....	27
<u>Đoạn I</u> : THỜI KỲ ĐỘC LẬP (1968-1884).....	27
1.- Giai đoạn ảnh hưởng tích cực.....	27
2.- Sự lu mờ ảnh hưởng Phật giáo.....	29
<u>Đoạn II</u> : THỜI PHÁP THUỘC ĐẾN CUỐI THỜI CỘNG HÒA ĐỆ I (1884-1963).....	30
1.- Vấn đề cấm đạo và sự can thiệp của người Pháp.....	30
2.- Công giáo một đoàn thể được ưu đãi.....	31
3.- Công giáo trong cuộc chiến tranh Pháp - Việt Minh.....	32
<u>Tiết II</u> : TỪ BIẾN CỐ 1963 : GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP TÍCH CỰC	
<u>Đoạn I</u> : GIAI ĐOẠN PHÁT (1963-1965).....	34
<u>Phân đoạn 1</u> : Phật giáo tranh đấu.....	34
A.- Bối cảnh chính trị Việt-Nam Cộng-Hòa.....	34
B.- Nguyên nhân phát sinh cuộc tranh đấu.....	37
C.- Diễn tiến cuộc khủng hoảng.....	40
D.- Những động cơ bên ngoài.....	45
<u>Phân đoạn 2</u> : Công giáo vùng lên.....	49
A.- Nguyên nhân.....	49
B.- Sự thành hình ủy ban Trung ương Công giáo : lực lượng Đại Đoàn Kết.....	52

<u>Phân đoạn 3</u> : Các cuộc đụng độ giữa Phật giáo và Công giáo.....	56
A.- Nguyên nhân .....	56
B.- Sự kiện.....	57
<u>Phân đoạn 4</u> : Các cuộc vận động tôn giáo thay đổi chính quyền.....	58
A.- Phật giáo và chính phủ Trần-văn-Hương.....	58
B.- Công giáo và chính phủ Phan-huy-Quát.....	60
<u>Đoạn II</u> : GIAI ĐOẠN TAN RÃ.....	62
A.- Khung cảnh chính trị.....	62
B.- Cuộc tranh đấu Phật giáo.....	63
C.- Sắc thái và hậu quả cuộc tranh đấu.....	68
1. Hậu quả.....	68
2. Sắc thái mới cuộc tranh đấu.....	72
<u>Đoạn III</u> : GIAI ĐOẠN CỨNG CỐ LẠI LỰC LƯỢNG (1967-1972).....	74
A.- Công giáo với lực lượng Đại Đoàn Kết.....	74
B.- Phật giáo với hoạt động củng cố lực lượng.....	78
C.- Những cố gắng xích lại giữa 2 tôn giáo.....	82

## Phần II

### THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO

<u>Chương I</u> : MỘT VÀI KHÍA CẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO.....	86
A.- Các nét đặc thù sinh hoạt chính trị của Phật giáo và Công giáo.....	87
B.- Một vài hậu quả cuộc tranh đấu.....	91

<b>Chương II : CÁC YẾU TỐ CHI PHỐI THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO.....</b>	<b>94</b>
<b>Tiết I : YẾU TỐ KỸ THUẬT TRANH ĐẤU .....</b>	<b>94</b>
1.- Các kỹ thuật bất bạo động .....	94
2.- Các kỹ thuật tâm kỷ .....	95
<b>Tiết II : VAI TRÒ CÁC LỰC LƯỢNG KHÁC : QUÂN ĐỘI VÀ SINH VIÊN .....</b>	<b>97</b>
<u>Đoạn 1</u> : Quân đội và các hoạt động chính trị của Tôn giáo .....	97
<u>Đoạn 2</u> : Sinh viên trong các cuộc tranh đấu của tôn giáo .....	99
<b>Tiết III : YẾU TỐ TỔ CHỨC.....</b>	<b>102</b>
<u>Đoạn 1</u> : Cơ cấu .....	103
I.- Hiện trạng tổ chức hai tôn giáo .....	103
II.- Một vài đặc điểm về tổ chức hai tôn giáo .....	110
<u>Đoạn 2</u> : Yếu tố nhân sự .....	
1.- Việc đào tạo các nhà lãnh đạo tôn giáo .....	117
2.- Hệ thống chỉ huy .....	119
3.- Tu sĩ và vấn đề chính trị .....	120
4.- Vấn đề địa phương và sự thống nhất tổ chức .....	122
<b>Tiết IV : TÔN GIÁO TRONG BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VIỆT NAM CỘNG HÒA .....</b>	<b>126</b>
<u>Phân tiết I</u> : Tôn giáo và cơ cấu công quyền .....	126
A.- Tôn giáo và quốc gia Việt Nam .....	126
B.- Tôn giáo và chính quyền hiện tại (Việt-Nam Cộng-Hòa Đệ Nhị) .....	129
C.- Tôn giáo và vấn đề bầu cử .....	141

<u>Phân tiết II</u> : Tôn giáo và Cộng-sản.....	149
<u>Đoạn 1</u> : Công giáo và Cộng sản .....	150
A.- <i>Lập trường của giáo hội Thiên Chúa Giáo</i> .....	150
B.- <i>Công giáo Việt-Nam và Cộng Sản</i> .....	153
<u>Đoạn 2</u> : Phật giáo và Cộng sản .....	155
<u>Phân tiết III</u> : Tôn giáo và chiến cuộc hiện tại.....	158
A.- <i>Phật giáo và vấn đề hòa bình</i> .....	158
B.- <i>Công giáo và vấn đề hòa bình</i> .....	163
<u>CHƯƠNG KẾT LUẬN</u> .....	168
I.- <i>Tôn giáo và vấn đề đoàn kết quốc gia</i> .....	169
II.- <i>Tôn giáo và chính đảng</i> .....	170
<u>THƯ TỊCH</u> .....	172





## MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH

Khu đề cập tôn giáo - không phải là những tín đồ "ngao dao" - người ta thường e dè, sợ đụng chạm; Nói tôn giáo người ta tưởng đó là khu vực "thuật quân luật", kẻ vi phạm sẽ phải đương đầu với một đại họa khủng khiếp: sức mạnh "cường tín". Cho nên người ta càng ít nói tôn giáo càng tốt. Sự tránh né " này là thái độ của những kẻ khôn ngoan! Thái độ thứ hai có thể là một thái độ mặc cảm: người ta có khuynh hướng chỉ trích tôn giáo - kể cả tôn giáo mà họ đang theo - để chứng minh là mình vô tư, nhưng đa số những người này chỉ nhìn tôn giáo dưới một lăng kính bề quan: "Sự hiện diện tôn giáo trong bất cứ lãnh vực nào cũng làm cho tình trạng đó thêm rối rắm, căng thẳng" - nhất là trong địa hạt chính trị - một lãnh vực sẵn chứa những mâu thuẫn!

Nhưng trong lịch sử chính trị sự hiện diện tôn giáo trong địa hạt này được coi là một hiện tượng phổ thông và nhiều khi nó đã tỏ ra cần thiết cho sự sống còn của một dân tộc. Tôn giáo đã xâm nhập vào chính quyền, đã nắm chính quyền hay hướng dẫn quyền hành.

Đứng trước sự kiện thực tế đó, việc tìm hiểu hoạt động chính trị các tôn giáo đòi hỏi một thái độ khách quan và tránh mặc cảm.

Đây là những ước vọng mà chúng tôi cố gắng noi theo trong việc biên soạn đề tài này.

## CHƯƠNG DẪN NHẬP

Sau cuộc cách-mạng 1789 các nhà lãnh đạo thuộc giai cấp tư sản đã cố gắng thực hiện bản án mà chính họ tuyên xử: Ly dị giữa tôn giáo và chính trị. Bản án này đã gặp phản ứng mạnh mẽ của giới tăng sĩ Âu (hậu: từ sự kết án đến việc liên kết giữa các vị vua thuộc ảnh hưởng Thiên chúa giáo Âu (hậu để chống lại chính quyền cách mạng Pháp. Vừa đã phát triển của thể chế dân chủ tại các quốc gia Tây phương, người ta thấy vầng bóng dần các "áo chùng" trong những tổ chức công quyền. Nhưng không hẳn vầng bóng trong các biến cố chính trị!

Tại Nga-Sô, vấn đề tôn giáo là một trong những mối ưu tư của các lãnh tụ muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội theo chủ thuyết Karl Marx, vì "tôn giáo là thành trì của chủ nghĩa tư bản".

Vài nét đơn thanh kể trên đã nói lên phần nào tầm quan trọng của tôn giáo trên lãnh vực chính trị. Ngày nay, trong các văn kiện pháp lý của quốc gia, các nhà làm luật không có ý định dẹp bỏ tôn giáo nhưng lại có khuynh hướng muốn che phủ tôn giáo, hay ít ra muốn coi tôn giáo như bất cứ một đoàn thể nào khác và phải được đặt dưới uy quyền luật pháp quốc gia. Nhưng thực tế không hoàn hảo như thế, nhất là tại các quốc gia đang phát triển: mặc dù không còn đóng vai trò ưu đẳng như thời trung cổ với những giáo luật (droit canonique) hay những bản án khủng khiếp mà các vị vua chúa phải tuân phục hoặc những thờ đạ vòng son của Phật giáo dưới các

truyền đạo Lý, Trần. Tôn giáo ngày nay đã biến dạng để có thể phù hợp với bối cảnh xã hội: tôn giáo trở thành một đoàn thể quyền lợi, xữ dụng lợi khi "tín đồ" gây áp lực trên chính quyền nhằm bảo vệ sự sống còn cũng như tìm sự ưu thế của tôn giáo trong cộng đồng xã hội.

Tại Việt-Nam từ biến cố 1963, Phật giáo bừng sống dậy và cố gắng tìm lại thừa hưởng kim. Với số tín đồ đông đảo, thâm lạng đã là điểm tựa tốt cho hoạt động của các tu sĩ, nhân sĩ Phật-giáo trong lãnh vực chính-trị; Sự tham gia tích cực của Phật giáo trong địa hạt chính trị đã làm áy náy các nhà lãnh đạo quốc-gia và các lực lượng khác. Trong khung cảnh đó công giáo với một thể lực sẵn có và 1 hệ thống tổ chức chặt chẽ đã "vàng lên" chống lại những "đe dọa của cộng-sản và các phần tử tay sai" đang làm suy sụp quốc gia. Hai lực-lượng này đã tích cực tham gia vào sinh hoạt chính-trị với những lập trường "có vẻ mâu thuẫn" đã đưa tới những cuộc chạm trán dưới chính phủ Nguyễn Khánh; đồng thời Phật giáo cũng như Công giáo đều có những nỗ lực đáng kể để tạo một vị thế vững chắc cho tôn giáo mình trong cộng đồng chính trị với sự có mặt thường xuyên trong bất cứ biến cố nào của lịch sử.

Từ những nét tổng quát trên chúng tôi lần lượt khai triển đề tài dưới những nét đại cương sau đây:

- Chương dẫn nhập: Tương quan tôn giáo và chính trị.
- Phần I: Hoạt động chính trị của Phật giáo và Công giáo Việt Nam.
- Phần II: Thành quả hoạt động chính trị của Công giáo và Phật giáo Việt-Nam.
- Chương kết luận: Viễn tượng tôn giáo trong sinh- hoạt chính trị.

## TƯƠNG QUAN TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ

Tại Âu Châu dưới thời quân chủ người ta từng được chứng kiến những buổi lễ đăng quang huy hoàng của các vị tân vương, vị đại diện giáo hoàng - thường là một Hồng-y giáo chủ với tư cách đại diện Thượng-đế long trọng đặt vương miện cho vị quân vương. Kể từ giờ phút đó nhà vua đã nhận được sứ mạng cao quý Thượng đế ban cho : cai trị quốc dân.

Tại các quốc gia Á Châu, hàng năm các vị vua chúa cũng đại diện dân chúng trong nước để làm lễ Nam giao : tế Trời.

Dù tại Âu hay Á người ta thấy có những gạch nối, những nét hòa hợp thể hiện những hiện tượng vừa chính trị vừa tôn giáo, nhưng những tương quan không hẳn chỉ nằm trong phạm vi lễ nghi : Tôn giáo và chính trị đã cùng lan lộn, sống chung trong xã hội. Hiện tượng đó làm cho xã hội chuyển mình phát triển nhưng đôi khi gây bế tắc, xáo trộn, đổ vỡ... Việc đi tìm ranh giới cho hai lãnh vực là công việc khó khăn của các lý thuyết gia, chính trị gia, chính khách... Nhất là tại các quốc gia chậm tiến khi mà quần chúng chưa thoát khỏi sự kìm hãm tư tưởng mê tín, dị đoan và lòng cuồng tín.

## Đoạn 1

### XÃ HỘI VÀ TÔN GIÁO

#### 1)- Tôn giáo một nhu cầu cần thiết của xã hội :

Từ sơ khai con người đã phải đương đầu với mọi hiểm họa mà sự tập hợp giữa những con người trong xã hội không hóa giải được, do đó mà có sự tin tưởng vào các thần linh : thần sấm, thần sét v.v.. để hy vọng các vị thần linh này thương tình đừng giáng họa xuống con người.

Nhưng dần dần người ta thấy rằng các vị thần linh đó không thể thỏa mãn được sự chờ đợi của con người, để đối phó với mọi bất ổn cố do thiên nhiên cũng như xã hội gây ra và nhất là vì nhu cầu duy trì trật tự xã hội, một vị thần linh tối cao, toàn bích được con người ý thức với một khả năng vô biên, thống trị vũ trụ và nhân gian... Hiện tượng về một thần linh toàn năng đã bị các tác giả thuộc học phái vô thần cho là sự di nhượng, tất cả những gì cao quý nhất của con người, đặt vào một ngôi vị tưởng tượng gọi là Thiên chúa. Vị thần duy nhất của vũ trụ được mô tả trong sách "Sáng thế ký" của Do Thái giáo. Một vị Yavé Thiên chúa toàn năng, toàn thiện thương yêu con người nhưng sẵn sàng trừng phạt nếu con người không làm thiện theo ý của ngài. Những Adam, Cain và trận đại hồng thủy là những tiêu biểu cho quyền uy và sự trừng phạt của thượng đế với con người.

Tại Ấn-Độ, Balamôn cũng là một tôn giáo thờ một thần linh duy nhất, nhưng sau đó một giáo phái khác xuất hiện, đã phá quyền niệm của Bà la môn giáo và thiết lập một tôn giáo có đa số tín đồ tại các vùng Á Châu. Phật giáo tin tưởng vào khả năng của chính con người nhằm giải thoát con người khỏi khổ đau.

Sự xuất hiện của các tôn giáo trên thế giới được coi như đã đáp ứng tất cả những nhu cầu từ vật chất đến

những khát vọng tinh thần của con người; trước những vấn đề khó khăn mà chính con người chưa giải quyết được hoặc họ nghĩ rằng không thể giải quyết được : tôn giáo sẽ thay thế để giải quyết những công việc này. Chính vì thế Karl Marx cũng phải nhìn nhận rằng : "tôn giáo cần thiết trong một giai đoạn lịch sử nào đó..." Vẫn theo Karl Marx nhiệm vụ tôn giáo "phải chấm dứt, khi các hiện tượng được giải thích bằng kiến thức khoa học". Nhưng hiện tại khoa học vẫn chưa giải thích hết mọi sự kiện của vũ trụ cũng như những hiện tượng liên quan đến con người. Khi những vấn đề nan giải như sinh, lão, bệnh, tử đang còn ngoài tầm tay kiểm soát của con người, khi mà phương thuốc trường sinh bất tử - một mơ ước của Tần-Thủy-Hoàng xưa kia, chưa kiếm ra thì tôn giáo vẫn còn ngự trị trên trái đất này, tôn giáo vẫn còn đủ khả năng cùng với các lực lượng khác như khoa học, chính trị để giải quyết những nhu cầu và kiến tạo một xã hội công bình và tiến bộ.

## 2)- Tôn giáo ảnh hưởng vào xã hội :

Sự hiện diện của tôn giáo trong xã hội đã ảnh hưởng sâu xa vào sinh hoạt loài người trong nhiều địa hạt như chính trị, văn hóa, kinh tế v.v.. Tôn giáo cũng đã phân chia xã hội loài người ra nhiều giai cấp.

Bà la môn giáo đã phân chia Ấn-ĐỘ làm 4 giai cấp (caste) :

- giai cấp Brahmane : gồm những người dạy học, giảng đạo Bà la môn, giải thích luật.
- giai cấp Kshatriya : giới cai trị về quân sự và hành chính.
- giai cấp Vaisya : giới hành nghề thương mại và nông nghiệp.
- giai cấp Sudra : làm tiểu công nghệ, hầu hạ 3 giai cấp trên. Ngoài ra còn có một loại ô uế (Paries) chỉ có quyền làm công việc hèn hạ.

Tại Âu Châu Thiên chúa giáo cũng ảnh hưởng rất lớn trong việc phân định giai cấp xã hội thời Trung cổ :

- giai cấp giáo sĩ
- giai cấp quý tộc
- giai cấp thứ dân

Chính sự phân chia xã hội thành nhiều giai tầng, đã tác động vào đời sống kinh tế, văn hóa và chính trị của xã hội.

## Đoạn 2

### TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ

Tôn giáo và chính trị là hai hiện tượng xã hội, sự sống chung của hai hiện tượng trong cùng một môi trường, có cùng mục tiêu chung là mưu cầu hạnh phúc cho con người: Tôn giáo và chính trị đều có tham vọng tạo quyền uy chung quanh mình, thu hút và hướng dẫn quần chúng. Nhưng ngoài ra tôn giáo và chính trị vẫn có những khác biệt quan trọng: tuy cùng mưu cầu hạnh phúc cho con người, nhưng chính trị mưu hạnh phúc con người trong phạm vi trần gian; trong khi đó tôn giáo chỉ nghĩ tới hạnh phúc ở kiếp sau mà thôi. Tôn giáo giữ phần tinh thần, còn chính trị có khuynh hướng kiểm soát thể xác con người.

Với những điểm tương đồng nêu trên, tôn giáo và chính trị đôi khi đã cộng tác với nhau, có khi lợi dụng lẫn nhau; đôi khi cũng đâm chân lên nhau để tạo những nét xung khắc và tranh chấp với nhau nhằm tranh giành ảnh hưởng trong cộng đồng xã hội.

A.- ẢNH HƯỞNG HỒ TƯƠNG GIỮA TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ

1)- Chính trị vừa ảnh hưởng vừa dựa vào tôn giáo ;

Trong lịch sử loài người ; từ khi xuất hiện các tập thể xã hội sơ khai đến sự thành lập các cộng đồng rộng lớn; các nhà lãnh đạo tập thể thường phải cố gắng tạo chính danh cho quyền uy của mình qua niềm tin của xã hội.

a)- Âu Châu :

Dưới thời thượng cổ và trung cổ quyền hành nhà nước thường phải dựa vào tôn giáo, dưới chế độ quân chủ, thánh kinh Thiên chúa giáo được dùng để giải thích quyền hành của các vị vua chúa, từ thánh Augustin đến các học giả nổi tiếng như Bossuet (1627-1704). Theo các tác giả này mọi quyền hành thế gian đều thuộc về Thượng-đế (nulla potestas nisia deo) ; thánh Augustin cho rằng quyền chủ tể trong nước chỉ do thượng đế mới có được, nhà vua sở dĩ có nhiều quyền hành với thần dân vì được sự ủy nhiệm của thượng đế. Bossuet cũng đồng quan điểm khi cho rằng chế độ quân chủ sở dĩ thích hợp với xã hội loài người vì do ý chí của thượng đế nhằm duy trì xã hội khỏi bị tan rã, do đó nhà vua được thượng đế ủy nhiệm để thực hiện sứ mạng cao quý này.

b)- Tại Á Châu :

Nhà vua được gọi là Thiên-tử, đã dựa vào học thuyết thiên mệnh của các Nho gia : Nhà vua nhận được mệnh trời để cai trị muôn dân, chính vì thế nhà vua phải được kính trọng sùng bái trên các thần thánh (muốn được coi là một vị thần, được dân chúng tôn thờ phải có sắc phong của nhà vua). Tuy phải tỏ ra là một vị minh quân, xứng đáng với mệnh trời, nhưng nhà vua phải có đầy đủ mọi quyền hành trên nhân thân và tài sản của thần dân.

Từ địa hạt lý thuyết đó, chính quyền thường nhân danh bảo vệ đức tin tôn giáo để đàn áp đối thủ bị coi như



những chướng ngại vật cho quyền lợi của họ hoặc gây chiến với một số dân tộc khác không cùng tôn giáo để "truyền bá đức tin". Cuộc thánh chiến giữa giáo hội La mã và Hồi giáo nhằm tranh giành thánh địa Jérusalem là một trong những thí dụ điển hình cho cái thực thể của những tay lợi dụng tôn giáo, để đạt tới những mục tiêu chính trị bảo vệ quyền lợi cá nhân, phe nhóm như hoàng đế Frédéric II hay Bohémond de Tarente (1) đến các cuộc tranh giành của nhiều tướng lĩnh giành lấy cho mình một lãnh vực, một khu vực để xưng hùng xưng bá (2).

Ngày nay liên đoàn các quốc gia Ả-Rập gồm các chính quyền Ai-Cập, Syrie, Iray, Yemen, Arabie séoudite, Tran-jordanie tạo một lực lượng dựa vào Hồi giáo để chống kẻ thù chung là Do Thái.

Ngược lại nhiều khi tôn giáo đã trở thành những đối tượng cho các cuộc đàn áp của chính quyền, vì tôn giáo trở thành những chướng ngại vật của sự thống trị, và nhà nước cần phải triệt hạ để giữ vững quyền hành. Công giáo với 300 năm cấm đạo dưới thời đế quốc La-Mã, các cuộc đàn áp tại Hung-Gia-Lợi, Tây-Tạng, Quỳnh Lưu là những cố gắng của các chế độ cộng-sản nhằm khống chế tôn giáo.

## 2)- Tôn giáo ảnh hưởng vào chính trị :

Các vị giáo chủ tôn giáo lớn ít đề cập tới vấn đề chính trị trừ Mahomed - Đức Kito vị giáo chủ của Công-giáo được coi là nạn nhân của chính trị (ngài bị kết án với tội tự xưng mình là vua Do Thái). Nhưng sau với sự bành trướng của Giáo hội Công-giáo, những người thừa kế ngài thường nhân danh tôn giáo để xen lấn trong địa hạt chính trị, bắt chính trị phải phục tùng nhà thờ. Kể từ Hoàng-đế Constantan

(1) Nguyễn-huy-Lịch, có nên tái lập biện pháp thập tự quân  
Nhà Chúa số 11 ngày 1-10-1969 trang 56-57.

(2) B. Guillemain op.cit. trang 54.

Thiên chúa giáo trở thành quốc giáo bên trời Âu và vai trò của giáo hội ảnh hưởng sâu rộng trong tổ chức công quyền. Theo B. Guillemain việc Giáo-hoàng Urbain II thành lập đạo binh Thập tự quân để chống Hồi giáo là một trong những "dấu hiệu độc đáo nhất của thế giới công giáo để đạt tất cả sinh hoạt của một xã hội dưới sự bảo trợ của một hoạch định tôn giáo do Giáo hội phác họa" (1) như thế thánh chiến được coi như một phương tiện để tôn giáo can thiệp vào trần thế. Sự hội nhập tôn giáo vào chính trị đã là đề tài tranh luận không những trên thực tế (như trường hợp gây ra cuộc tranh chấp đẫm máu giữa St. Thomas - giáo chủ giáo khu Canterbury - và Anh hoàng Henri II) mà còn xảy ra trên bình diện lý thuyết : 2 khuynh hướng đối chọi nhau là học thuyết giáo quyền ưu thắng và học thuyết thế quyền ưu thắng.

a)- Thuyết giáo quyền ưu thắng :

Học thuyết bên vực giáo quyền trải qua hai giai đoạn : từ giáo quyền và thế quyền biệt lập đến giáo quyền độc tôn.

- Giáo hoàng St. Gélase và thánh Augustin : giáo hội Thiên chúa giáo chủ trương linh hồn con người thuộc về giáo hội, còn thế quyền giữ phần xác của con người. Theo giáo hoàng St. Gélase thì trên lãnh vực tôn giáo, giáo hoàng đứng trên hoàng đế, trái lại trên phương diện thế-tục hoàng-đế ở trên giáo hoàng. Thánh Augustin cũng chủ trương phân biệt giữa giáo quyền và thế quyền và hai quyền đó phải được biệt lập.

Tuy chủ trương thế quyền và giáo quyền biệt lập nhưng trong các luận cứ các học giả trên, đều ngầm chứa ý niệm ưu thế của hội thánh công giáo vì theo Thiên chúa giáo thì linh hồn quý hơn thế xác. Cho nên ta phải hiểu

---

(1) B. Guillemain : La Chrétienté sa grandeur et sa ruine, trang 58.

là giáo hội đáng được tôn trọng hơn là thế quyền, ý niệm này được nổi bật trong cuốn somme théologique của St Thomas d'aquin khi ông chủ trương có sự độc lập giữa hai quyền hành, nhưng nếu có sự tranh chấp giữa hai thứ quyền, giáo hội La-Mã bao giờ cũng được xét xử quân vương.

- Giáo quyền độc tôn : Với 3 tác giả là giáo hoàng Grégoire VII giáo hoàng Innocent III và St Bernard, cả ba tác giả đều cố chứng minh vai trò quan trọng của giáo hội so với thế quyền. Giáo hội được so sánh như mặt trời, thế quyền chỉ được coi như mặt trăng nên phải có địa vị thấp kém hơn giáo hội, giáo hoàng có quyền truất phế các vị quốc vương.

b)- Thuyết thế quyền ưu thắng :

Diễn hình cho học thuyết này là Marsile de Padoue. Theo tác giả này thì mọi quyền hành trong nước phải được tập trung trong tay vị hoàng-đế, tôn giáo được coi là một đoàn thể trong nước và phải bị chi phối bởi luật lệ và tòa án của hoàng đế, cuối cùng giáo hoàng phải được hoàng-đế tấn phong và hoàng-đế cũng có quyền truất phế giáo hoàng (1).

Trái ngược với Âu-Châu, tại các quốc gia có đông tín đồ Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo ít xảy ra những cuộc tranh chấp quyền hành giữa các tôn giáo và chính quyền vì hai lý do :

- Các tôn giáo không có tổ chức thống nhất
- Giáo lý của các tôn giáo này không quá cứng rắn.

Tôn giáo được chính quyền ưu đãi hay không cũng ít bị phản ứng. Phật giáo được đề cao đời Lý hay bị giới hạn

---

(1) Tóm lược phần : tranh chấp giáo quyền và thế quyền của giáo sư Vũ-quốc-Thông Cour "Lịch trình học thuyết chính trị" năm thứ 4 luật khoa - Ban công pháp - niên khóa 1968-1969.

một cách nghiêm khắc, như thời Lê-Thái-Tổ, Quang Trung vẫn chẳng gặp sự chống đối nào đáng kể.

## B.- LẬP TRƯỜNG TÔN GIÁO ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ

Việc hội nhập tôn giáo vào chính trị đưa đến những hậu quả không mấy sáng sủa trong lịch sử Âu Châu. Cách-mạng Pháp 1789 kết thúc sự tranh chấp quyền hành giữa giáo quyền và thế quyền với cái ưu thắng của chính quyền thế tục : quốc gia có quyền chi phối tôn giáo. Nhưng dần dà cái quả trón của các mạng giám dân, các học giả cố gắng tìm thế đứng cho tôn giáo, để ổn định cho cái vị trí "vật vờ" của tôn giáo trong cộng đồng quốc gia. Phản ứng lại các tôn giáo cũng xét lại thế lực của mình, tìm hiểu vai trò của mình trong lãnh vực chính trị hiện tại : Tôn giáo có nên quay về với phạm vi thuần túy của mình không, hay cần phải hòa mình vào mọi lãnh vực hoạt động quốc gia, nhằm giữ vị trí ưu thế của mình trong địa hạt chính trị.

### 1)- Tôn giáo có vị trí cô lập với chính trị :

Khuyh hướng này là phản ứng tất yếu của tôn giáo trước sự tấn công mãnh liệt của thế quyền : muốn duy trì sự trường tồn của tôn giáo, người ta kêu gọi tôn giáo quay về với chính mình với những bổn phận thuần túy của mình. Tôn giáo phải bên trên và bên ngoài chính trị; giữa tôn giáo và chính trị có một ranh giới rõ ràng : "của Thiên chúa trả về thiên chúa, của César trả về César" (1). Hơn thế nữa người tín hữu được thánh Paul kêu gọi "hãy phục tòng bất cứ quyền bính thế gian nào". Như thế từ nay tôn giáo từ bỏ vai trò can thiệp vào trần gian cũng như không cần biết đến tổ chức xã hội loài người vì "nước Chúa không thuộc về trần gian" (2). Nhiệm vụ của các giáo hội bây

(1) Mathew 22, 21

(2) Joan 18, 36.

giờ là hướng dẫn con người trở về nước chúa hay tìm giải thoát con người niết bàn mà thôi. Thái độ này được giáo sư Lý-chánh-Trung gọi là "thoát ly" có thể đưa tới sự che đậy hoặc biện minh cho sự bóc lột..., thợ thuyền càng bị bóc lột thì càng dễ được cứu rỗi (1).

## 2)- Tôn giáo dân thân :

Khuynh hướng cực đoan thứ hai cho rằng tôn giáo bó buộc phải dân thân vào lòng đời, tham gia vào mọi sinh hoạt xã hội : văn hóa, kinh tế, chính trị... khuynh hướng này quan niệm sự phát triển tôn giáo phải đi đôi với sự ảnh hưởng tôn giáo vào xã hội. Trong quan niệm này, người ta đòi hỏi chính sách và đường lối quốc gia "phải phù hợp với sự sinh tồn của Phật giáo và dân tộc (2). Do đó, cái gì không phù hợp với sinh tồn của các giáo hội phải bị lên án. Đại đức Nhất Hạnh tố về bất mãn trước những thái độ của các nhà cầm quyền tỏ ra ơ hờ hay thiếu thiện chí với những hoạt động của Phật giáo : "Tích Len và Việt-Nam vươn lên ý thức tự giác thì bị khống chế. Phật giáo Tây-Tạng chưa có dịp bùng nổ thì bị chế ngự. Phật giáo tại các nước Thái Lan, Cam-Bốt và Ai-Lao không cực kỳ được Hoàng thân Phouma của Ai-Lao rất sợ Phật giáo làm chính trị... vua sai Cam-Bốt mĩa mai tăng sĩ Việt-Nam "làm chính trị"... ở ba nước này đạo Phật được coi là quốc-giáo, nhưng chính-quyền không dung bất cứ một vị tăng nào có tư tưởng tiến bộ (3). Rõ ràng hơn nữa Thượng-tọa Thích-Tâm-Châu đã phân tích tại sao Phật giáo Việt-Nam phải hoạt động chính trị : "Chính trị là gồm những hoạt động của đời sống con người. Chính trị và tôn giáo chỉ tách rời khi nền kinh-tế, giáo-dục của quốc gia ấy tiến bộ. Với các quốc gia nhược tiểu tách rời tôn giáo ra khỏi chính trị là một sai lầm. Mọi việc trên đời đều liên hệ với nhau" (4).

(1) Lý-chánh-Trung, 3 năm xáo trộn, trang 79.

(2) Thích-Trí-Quang - Tâm lực ánh, tập 4 trang 76 - 1964.

(3) Nhất-Hạnh Đạo Phật ngày mai, Bách-Khoa 327, 15-8-1970, trang 11.

(4) Thích-Tâm-Châu - Thông bạch 10-06-1966.

Mặt khác linh mục L.J. Lebret, O.P. đòi hỏi các tín đồ công giáo phải dẫn bước trong địa hạt xã hội nhằm cải tạo mọi lãnh vực xã hội theo tinh thần thánh kinh : "Từ nhiều năm qua, vì ngăn cản hoạt động chính trị của một số đảng phái, những người Kito giáo chân thành cho rằng không thể trong trắng trong vấn đề chính trị, mạo hiểm trong địa hạt đó tức là vấy thân bản mình... Vì thế họ để cho những tay chính trị tùy tha hồ thao túng, đặt quyền lợi phe phái lên trên công thiện công hảo... Theo ông thì "ưu tiên dành cho thiêng liêng không làm cho ưu tiên dành cho chính trị, pháp lý, kinh tế, xã hội bị mất mát, thiệt thòi - ai để cho kẻ bất xứng làm chính trị phải mang trách nhiệm..."

Cuối cùng ông lên án những thái độ ăn chày cầu nguyện thờ ơ với vấn đề chính trị "đã đến lúc họ phải chấm dứt thái độ ngây ngô ấy" (1).

Từ quan niệm cho rằng giáo hội phải tham gia vào sinh hoạt chính trị, những người chủ trương tách rời chính trị và tôn giáo sẽ bị lên án. Thủ-tướng Trần-văn-Hương bị bắt tín nhiệm vì cố gắng tách rời tôn giáo và chính-trị, hành động này bị coi là "vô ơn đối với các vị thánh tăng đã hy-sinh xương máu để đưa đến cuộc cách mạng 1-11-1963". Do đó người ta cho rằng giáo hội có quyền vận dụng mọi phương tiện của tôn giáo để đạt tới những mục tiêu chính trị. "Đem bèn thờ ra đường chặn chiến xa là một hành-động có giá trị biểu tượng rất lớn, là sự thách thức bị thống và hùng tráng của lực lượng tâm linh nhân bản và dân tộc đối với những thế lực hiệp đáp ngoại bang" (2).

Trước hai lập trường quá cứng rắn, việc ngã theo chiều này hay chiều khác còn tùy thuộc vào khung cảnh

(1) Lebret Guide du militant tom V economie et Humanisme Paris l'ardresle 1946, trang 72.

(2) Nhật Hạnh "Cuộc tranh đấu bất bạo động" - Hồi diện số 2, tháng 8-1966, trang 26-27.

chính trị và sự khôn ngoan, uyển chuyển của các nhà lãnh đạo chính trị tôn giáo. Tuy nhiên, thái độ "trở về nguồn" với các vòng đai cổ thụ, buông xuôi, bất cần tới xã hội được coi không còn thích hợp hoặc thái độ không thêm đếm xỉa tới những yêu sách của tôn giáo trên lãnh-vực chính trị. Cũng bị coi không còn thức thời. Tôn giáo ngày nay phải được coi như những động cơ quan trọng trong sinh hoạt chính trị, sự trực trực của một bộ phận có thể đưa đến sự ngưng trệ hay hư hỏng của cả một guồng máy.

Qua những nét vừa trình bày chúng ta nhận thấy giữa tôn giáo và chính trị có những tương quan khá chặt chẽ. Đặc điểm này được coi như nổi bật trong sinh hoạt chính trị tại các quốc gia hiện chưa có những điều kiện ổn cố về cơ cấu và sinh hoạt chính trị.

### Đoạn 3

## TÔN GIÁO TẠI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN

Những quốc gia Châu Mỹ La Tinh, Phi Châu, Á-Châu (trừ Nhật-Bản) được người ta gán cho danh từ quốc gia chậm tiến (underdeveloped countries) hay đẹp đẽ, ve vướn được tự ái hơn, người ta dùng danh từ quốc gia đang phát triển (developing countries). Các quốc gia này thường được các tác giả mô tả dưới những nét bi thảm : yếu kém về kinh tế, văn hóa lạc hậu, tình trạng chính trị bất ổn. Các cuộc đảo chánh, cách mạng được coi là một hiện tượng tự nhiên, cần thiết, thiếu nó người ta cảm thấy "sốt ruột". Tại các quốc gia này, tôn giáo đã trở thành một lực lượng đáng kể để cùng các lực lượng khác như quân đội, nghiệp đoàn hay thế lực ngoại bang (tư bản hay cộng sản) thi đua tạo những biến cố chính trị để giải tỏa tình trạng chờ đợi đó!

## I.- CÁC KHU VỰC TÔN GIÁO TẠI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN

### 1)- Phật giáo :

Sự hiện diện Phật giáo rõ rệt tại các quốc gia Á-Châu : Miến-Điện, Mã-Lai, Ai-Lao, Kampuchia, Thái-Lan, Tây-Tạng, Việt-Nam số tín đồ được mô phỏng là 200.000.000 (gồm 100.000.000 người Trung-Hoa (1)).

### 2)- Thiên chúa giáo :

Các quốc gia tại Nam-Mỹ, Trung Mỹ phần lớn là các cựu thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha vì thế đa số dân ở các quốc gia vùng Trung và Nam Mỹ theo Thiên chúa giáo (90%).

### 3)- Hồi giáo :

Các quốc gia Trung và Phi-Châu đa số theo Hồi-giáo, theo thống kê thì Hồi-giáo trên thế giới có vào khoảng 424 triệu (kể cả các quốc gia Hồi-quốc và Nam-Dương thuộc vùng Á-Châu).

Các khu vực trên chỉ có tính cách tổng quát hóa, thực ra tại Á-Châu và Phi-Châu ảnh hưởng giáo hội công-giáo cũng có rải rác tại vài quốc gia như Congo, Trung-Hoa, Việt-Nam và nhất là tại Phi-Luật-Tân.

## II.- THẾ LỰC CÁC TÔN GIÁO TRÊN CHÍNH TRƯỜNG

Trên phương diện pháp lý tại đa số các quốc gia chậm tiến, người ta không dành cho các đoàn thể tôn giáo những đặc quyền nào so với các đoàn thể khác (ngoại trừ các quốc gia nhận một tôn giáo là quốc-giáo). Nhưng thực

(1) Trần-Ngọc-Ninh. Ánh sáng của Đạo Phật - Bách Khoa 351, trang 28.



tế với những khả năng của mình tôn giáo thường vượt ra ngoài giới hạn mà luật pháp đã đặt định.

Vấn đề được đặt ra là nguyên nhân nào đã giúp tôn giáo có những ưu thế đó ? và nhờ những ưu thế đó tôn giáo đã có những ảnh hưởng gì trong địa hạt chính trị.

#### A.- NGUYÊN NHÂN

Có hai nguyên nhân chính thường được nêu ra để giải thích sự hiện hữu của lực lượng tôn giáo trong đời sống chính trị của các quốc gia chậm tiến.

##### 1)- Tín ngưỡng và quần chúng

a)- Quần chúng và trình độ văn hóa : mặc dù tiếp xúc với Tây phương và chủ trương bành trướng giáo dục sau khi độc lập. Đa số quần chúng các quốc gia chậm tiến vẫn ở tình trạng thất học. Theo thống kê của Liên-hiệp-quốc, các quốc gia có tỷ số thất học cao nhất đều là quốc gia chậm tiến : Ấn-Độ, Ai-Cập, Ba Tây, Tích-Lan. Chúng ta có thể kể vài con số trẻ em thất học dưới 10 tuổi : Ai-Cập, Mã-Lai 86%, Hắc-Phi và Ấn-Độ 90%.

b)- Sự lẫn lộn đạo và đời : Chính vì thiếu hiểu biết, dân chúng thường phải dựa vào niềm tin cổ truyền, những người dù tiếp xúc với văn hóa Tây-phương nhưng những mê-tín dị đoan vẫn chưa gột rửa hết, niềm tin vẫn còn mãnh liệt và đôi khi cuồng tín. Vì thế một lời khuyên của giáo sĩ có mãnh lực cưỡng bách thi hành đối với giáo dân hơn một chỉ thị của 1 viên xã trưởng hành chánh kèm theo những chế tài. Hơn nữa, các tín đồ sẵn sàng nghe theo mệnh lệnh của các vị tu sĩ để liều thân chết vì đạo mặc dù những mệnh lệnh đó chẳng hề có tính cách bảo vệ đạo pháp : chính tính cách cuồng tín này đã tạo cơ hội tốt cho những chính khách, các tu sĩ có tham vọng chính trị đưa tôn giáo vào chiến trường, tranh giành ảnh hưởng và quyền lực trong cộng đồng quốc-gia.

2)- Sự yếu kém các đoàn thể chính trị

Theo giáo sư A. Haurriou sự hiện hữu của các đoàn thể áp lực có hai nguyên do chính yếu : một mặt chính đảng chưa được coi có tính cách đại diện đầy đủ cho mọi tầng lớp dân chúng. Tại Hoa-Kỳ, chỉ có lưỡng đảng mạnh thay nhau nắm quyền, nhưng mỗi đảng đại diện cho toàn thể chứ không riêng biệt cho từng chủng tộc, tôn giáo, giai cấp, địa phương... Tại các quốc gia đa đảng như Pháp, không đảng nào tự nhận là liên đới với một giai cấp, nhóm quyền lợi riêng biệt... (1).

a)- Tại các quốc-gia chậm tiến có hai hiện tượng trái ngược : hoặc có một đảng mạnh, chi phối chính trị trong nước như tại một số các quốc gia độc tài không cộng sản, đó là trường hợp đảng Néo Destour tại Tunisie, đảng Sang Kam tại Cambodge (dưới thời thái tử Sihanouk), đảng Alliance tại Mã-Lai-Á, Lào dưới thời đệ nhất Việt-Nam Cộng-Hòa, hoặc có nhiều đảng phái (Nam-Dương có tới 40 đảng, Việt-Nam Cộng-Hòa dự luận cho là có gấp đôi) nhưng thiếu thực lực, thường chỉ có các đảng hữu danh vô thực. Như thế không đủ biểu hiệu cho quyền lợi chung như nhận định của A. Haurriou đối với các đảng tại các nước dân chủ Âu Mỹ. Trái lại, đảng phái tại quốc gia chậm tiến lại tiêu biểu cho các quyền lợi cục bộ chứ không đại diện cho tất cả quyền lợi.

b)- Trong một bối cảnh chính trị thiếu ổn cố : tại Nam Mỹ có tới 8 quốc gia thay đổi 10 lần Hiến pháp, Cộng-Hòa Dominique và Vénézuéla thay đổi Hiến pháp 20 lần. Việt Nam Cộng-Hòa từ 1963-1965 thay đổi hiến ước, hiến chương, ước pháp liên hồi. Thông thường sự thay đổi các văn kiện pháp lý căn bản này, theo sau một chuỗi ngày xáo trộn chính trị : khủng hoảng nội các, chính lý, đảo chính, cách mạng...

(1) A. Haurriou, Cours de droit constitutionnel étranger, trang 250.

Trong khi đó các đảng phái không đủ khả năng thay thế chính quyền; chính phủ không đủ mạnh để chống lại sự phóng túng tư lợi và giải quyết được những khó khăn của quốc gia trước nhu cầu đòi hỏi tiến bộ. Vì thế, các đoàn thể áp lực nhất là tôn giáo với lực lượng hùng hậu sẵn có, sẵn sàng đứng lên : một mặt thay thế vai trò các chính đảng, một mặt thúc đẩy những động cơ phát triển quốc gia.

## B.- VÀI HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO TRÊN LÃNH VỰC CHÍNH TRỊ

1)- Dưới thời lệ thuộc ngoại bang : Dưới thời cai trị của các quốc gia đế quốc tư bản, các tôn giáo cũng có những tổ chức vận động quần chúng chống nhà cầm quyền bảo hộ. Tại Tích-Lan, Miến-Điện, Hôi-Quốc, Ấn-Đô đã có những biến cố do các Phật-tử chủ trương nhằm lật đổ sự thống trị của các chế độ thực dân. Tòa án quân sự Anh đã kết án nhiều vi đại đức và thượng tọa với lý do làm xáo trộn an ninh quốc gia (1).

### 2)- Thời kỳ độc lập :

a)- Tìm một đường hướng cho sinh hoạt quốc gia : Khi các quốc gia bị trị dưới các cường quốc Tây phương lần lượt thu hồi lại chủ quyền, các nhà lãnh đạo mới thường đứng trước sự lựa chọn theo chủ thuyết tự do dân chủ Tây-phương hoặc giả theo chủ nghĩa xã hội theo kiểu Nga-Sô. Một số các quốc gia lại muốn tìm lại triết lý các tôn giáo để định hướng cho sinh hoạt chính trị và phát triển quốc gia. Tại Ấn-Độ, Bác-sĩ Ambedkar coi "Phật giáo là hy vọng duy nhất khiến các "tiện nhân" (parias) được chấp nhận như một con người và đòi hỏi ghi vào hiến pháp công nhận quyền bình đẳng của mọi công dân. Phật giáo được quốc hội Miến-Điện lấy giáo lý Phật-giáo hòa hợp với ý niệm Tây phương

(1) GS Ernst Benz Buddhism or communism, which hold the Future of Asia.

và Marx để tạo ý thức hệ cho quốc gia Miến-Điện (1) trong khi tại Tích Lan, Thái Lan, Ai Lao, Cao Miên công nhận Phật giáo là quốc giáo, tại Phi-Luật-Tân vì số tín đồ trên 90% nên Thiên chúa giáo được ghi nhận là quốc giáo.

b)- Một vài hoạt động chính trị điển hình : Chính quyền cũng như một số các chính trị gia đã nhận thấy vai trò quan trọng của tôn giáo trên lãnh vực chính trị nên thường có thái độ ve vãn hoặc lợi dụng tôn giáo. Một số người có khuynh hướng bất chúc lối tổ chức đảng thiên giáo tại Âu-châu để thành lập các đảng phái, hay các đoàn thể chính trị dựa vào tôn giáo. Tại Hồi-Quốc, người ta quan niệm căn cứ 1 đảng duy nhất là đảng của các đệ tử Mahomet gồm các thanh niên đến tuổi trưởng thành (là đảng viên Hồi-giáo một cách đương nhiên), Nam-Dương có hai chính đảng quan trọng là Iasjami và Nahdalal ulamcor lấy tín ngưỡng của Hồi giáo làm căn bản cho đảng qui, đảng hiện đang cầm quyền tại Mauritanien là đảng Parti du regroupement Mauritanien gồm các tín đồ Hồi giáo. Lực lượng Hồi-giáo chống Nasser mạnh nhất là nhóm Les Frères Musulmans. Ngoài những hoạt động có tính cách đảng phái này, các tôn giáo thường can thiệp vào các biến cố chính trị với tư cách một đoàn thể áp lực (pressure-group).

c)- Phản ứng của chính quyền đối với hoạt động chính trị tôn giáo : Sự tham gia của các tôn giáo vào đời sống chính trị đã đưa đến vài xung khắc trong đời sống chính-trị. Tại Hồi-Quốc, Tích-Lan, Ai-Cập chính quyền thường mạnh tay đối với các hoạt động của các đoàn thể tôn giáo, Ayub Khan đã bị liên đoàn Hồi-giáo chống đối, nhưng ông lại cố gắng loại trừ các đảng viên của liên đoàn ra khỏi quốc hội, Tổng Thống Nasser cũng đã ra lệnh giải tán nhóm Les Frères Musulmans lập trường chống đối chính sách của ông. Tại Lào, Việt-Nam, Kampuchia chính quyền thường chẳng

(1) Trần-Ngọc-Ninh - Ánh sáng đạo Phật - Bách Khoa 352, trang 24-25.

thân thiện gì với hoạt động chính trị của các tôn giáo mặc dù những tôn giáo này được thừa nhận là quốc giáo hay có tham vọng trở thành quốc giáo.

Đoàn thể tôn giáo cũng như bất cứ một tổ chức nào sau khi đủ khả năng tự tồn, thường có khuynh hướng bành trướng uy thế của mình, sự nổi rộng này thế nào cũng gặp phải các lực lượng khác có tính cách đồng qui hay đối kháng để tạo ra những sự hợp tác hay xung khắc : chính trị tại các quốc gia chậm tiến như Việt-Nam là một môi trường thuận tiện cho các cuộc tranh đua hào hứng này.

\*  
\* \*

Tại Việt-Nam hiện có 4 tôn giáo lớn là Cao-Đài, Hòa-Hảo, Phật giáo và Công-giáo.

Hai tôn giáo Hòa-Hảo và Cao-Đài được thành lập tại Việt-Nam, các đảng giáo chủ cũng là người Việt-Nam, số tín đồ Hòa-Hảo tập trung tại quân khu 4 : An-Xuyên, Long-Xuyên, An-Giang, Châu-Đốc, Cần-Thơ... Cao-Đài giáo tại Tây-Ninh và các vùng phụ cận... Các tôn giáo này có số tín đồ tương đối khá đông đảo (2 triệu rưỡi tín đồ Cao-Đài, Hòa-Hảo cũng có số tín đồ tương đương). Nhưng các tín đồ hai tôn giáo này tập trung xa các trung tâm chính trị Saigon, Huế, Đà-Nẵng cho nên các hoạt động chính trị của các tôn giáo này ít gây tiếng vang và cũng ít có đủ phương tiện để khuynh đảo, gây xáo trộn trên toàn quốc (vì số tín đồ chỉ tập trung tại một vài nơi). Trái lại Công-giáo và Phật-giáo ngoài số tín đồ đông đảo lại hội đủ hai điều kiện :

- Có số tín đồ rải rác toàn quốc.

- Các trung tâm chính trị như Saigon, Huế, Đà-Nẵng có đông tín đồ Công giáo và Phật giáo (Công-giáo tại Saigon

sau hiệp định Genève lên tới 600.000 người sống chung quanh các vùng phụ cận Saigon).

Với những ưu điểm đó Công-giáo và Phật-giáo đã tích cực tham gia vào sinh hoạt chính trị trong những năm vừa qua (từ 1963 trở đi).

#### Đoạn 4

### LỊCH SỬ CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

#### A.- LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

##### 1)- Một vài nét về Phật giáo :

Vị giáo chủ khai sáng Phật giáo là Đức Thích Ca Mâu Ni, Phật sinh tại Kapilavastou thuộc Ấn-Độ 550 trước Tây-lịch. Ngài từng có gia đình và hưởng hạnh phúc của một quý tử, nhưng vì được chứng kiến những cảnh khổ não, nên ngài rời bỏ gia đình đi tu tìm cách giải thoát con người; sau bao năm khổ ải tìm chân lý, Đức Phật đã tìm ra câu giải đáp dưới gốc cây bồ đề. Từ đó Phật đã chu du khắp Ấn-Độ để giảng thuyết cho chúng sinh; giáo lý của ngài được đặt trên căn bản : muốn giải thoát, con người phải từ bỏ mọi niềm mong dục vọng (1). Trên phương diện xã hội ngài chủ trương cứu vớt mọi chúng sinh, chống lại sự phân chia giai cấp của Bà-la-môn giáo. Ngài đòi hỏi sự bình đẳng giữa mọi người.

##### 2)- Phật giáo Việt-Nam :

Lịch sử Phật giáo Việt-Nam được chia làm 3 thời kỳ.

(1) Phạm Quỳnh - Phật giáo lược khảo. Nam Phong tạp chí số 40 tháng 10, trang 5.

a)- Thời kỳ truyền đạo và thịnh hành của Phật giáo

α)- Phật giáo xuất hiện tại Việt-Nam từ thế kỷ thứ 2 sau tây lịch. Sau khi vua Hán Linh Đế mất (189) nước Trung-Hoa có nội loạn nên các sư đạo Phật sang lánh nạn ở Bắc-Việt (1). Theo Minh Tuấn và Chánh Trí thì trong số các vị sư này có Meou-Tseu (2), Khang Tăng Hội Mâu bác, K'Ang-seng Hoi. Theo Trần Văn Giáp Phật giáo Việt-Nam có thể do các nhà sư Ấn-Độ qua Trung-Hoa và thường ghét Việt-Nam, chính các vị tu hành này đã truyền bá Phật giáo cho người địa phương. Phật giáo được dân chúng Việt-Nam đón nhận dễ dàng và bành trướng mau lẹ. Có thể với quan niệm đời là bể khổ của Phật-giáo, phù hợp với hoàn cảnh cơ cực của dân bị trị trước áp bức của người Trung-Hoa. Phật-giáo đã trở thành nguồn an ủi cho những thân phận hẩm hiu, cùng cực mong tìm một giải thoát kiếp sau trong cõi niết bàn: "Sự tàn sát người bản xứ từ Phong-Châu đến Tượng-Quận và Cửu Chân bởi Mã Viện và Ngô-Lục-Duệ có lẽ chưa phai mờ trong ký ức của dân tộc Việt. Trong khung cảnh đàn áp và bạo tàn ấy, Đạo Phật tới như một ngọn gió mát (3).

β)- Thời thịnh đạt: Phật giáo truyền bá vào Việt-Nam với sự thành lập các thiền phái, các vị sư là các bậc chân tu và uyên bác nên từ nhà Đinh đến nhà Lý, Trần, Phật giáo được sùng bái, các vị Thượng-tọa được trọng dụng trong cả vấn đề triều chính, kinh sách nhà Phật được thu thập và phổ biến, chùa chiền được xây cất dưới sự yểm trợ đắc lực của triều đình. Phật giáo trong giai đoạn này đào tạo được nhiều nhân tài xuất sắc Bảo Thịnh, Minh Tâm, Văn Hạnh, Đạo Hạnh, Minh Không, Vạn Hạnh, Trần Thái Tôn (1225-1258).

(1) Dương-Quảng-Hàm Việt-Nam văn học sử yếu, trang 58.

(2) Minh Tuấn và Chánh Trí - lược sử Phật giáo Việt-Nam

(3) Trần Ngọc Ninh - Phật giáo và Xã hội - Bách Khoa 15.9.1971.

b)- Thời kỳ suy đồi (từ thế kỷ XV)

Dưới thời Nhà Trần tư tưởng Nho giáo được phổ biến mạnh mẽ tại Việt-Nam. Đời vua Trần-Nhân-Tôn (1279 đến 1293) đã cho mở các khoa thi tam giáo, đặt Quốc học-viện dạy tú thư ngũ kinh, trước sự lớn mạnh tư tưởng Nho-giáo tại Việt-Nam, Phật giáo lần lần bị suy yếu. Sang các thời Lê, Nguyễn, Phật giáo trở thành tôn giáo của những kẻ quê mùa, dốt nát. Các nhà sư thì vô học, thường lợi dụng lòng mê tín dị đoan của quần chúng để kiếm kế sinh nhai. Những hình ảnh bi đát của Phật giáo đã được ghi lại trong các thơ văn :

Đầu trục lóc như bình vôi  
Nhảy tốt lên chùa ngồi  
Ê, a kinh một bộ  
Lóc cóc gõ ba hồi

( Nguyễn Khuyến)

Thi sĩ Trần Kế Xương còn mỉa mai chua chát hơn :  
"Công đức tu hành sư có lòng"

c)- Thời kỳ phục hưng

Trước những suy đồi của Phật giáo, phong trào phục hưng Phật giáo được bắt đầu từ Trung-Hoa và ảnh hưởng qua Việt-Nam các hội Nghiên cứu Phật học được thành lập : Nam kỳ 1931, Bắc-Kỳ 1934 và Trung kỳ 1932 nhằm mục đích chấn chỉnh thiên môn, giáo dục một thế hệ tăng sư có học, phổ thông lý thuyết Phật giáo bằng chữ quốc ngữ. Ngày 6-5-1951 đánh dấu một giai đoạn mới của Phật giáo : Hội-nghị Phật giáo toàn quốc gồm 50 đại biểu tăng sĩ và cư sĩ nhằm đưa tới sự thống nhất Phật giáo, đồng thời cử một đại biểu ký tên gia nhập Phật giáo thế giới ( họp tại Colombo Tích Lan 1950).

1955 thành lập Tổng hội Phật giáo Việt-Nam, sau ngày 1.11.1963 một tổ chức thống nhất mệnh danh Phật giáo



Việt-Nam thống nhất được thành lập sau kỳ đại hội 4-1-1964. Song song với sự kết hợp thành một lực lượng duy nhất, các đoàn thể và các cơ sở được thiết lập, hoạt động xã hội của Phật giáo được phát huy nhằm phục hồi uy thế Phật giáo đã chìm đắm qua nhiều thế kỷ.

## B.- LỊCH SỬ CÔNG GIÁO VIỆT NAM

### 1)- Vài nét về Thiên chúa giáo :

Giáo lý công giáo bắt nguồn từ Do Thái giáo, vị giáo chủ là Đức Jésus Christ tự nhận mình là con Thiên chúa sai xuống để cứu chuộc tội lỗi nhân loại. Ngài xuất hiện để giảng đạo trong một bối cảnh lịch sử đen tối của dân Do-Thái đang bị đế-quốc La-Mã cai trị. Dân chúng và nhất là các nhà ái quốc tượng trưng qua thành phần giáo sĩ lãnh đạo tinh thần dân tộc đang mong chờ một vị cứu tinh giải thoát dân Do Thái khỏi ách thống trị. Qua những buổi giảng thuyết và những hoạt động của Ngài, người ta đã thất vọng vì Đức Jésus không đề cập tới vấn đề chính trị, nhất là lại có khuynh hướng chỉ trích lối sống đạo đức giả của các giáo sĩ đương thời. Hội đồng giáo sĩ trong phiên họp đã quyết định tố cáo với nhà cầm quyền La-Mã với tội danh: xúi giục dân chúng chống lại hoàng đế César và tự xưng mình làm vua, cuối cùng ngài đã bị kết án tử hình trên thập tự giá. Giáo lý của Ngài được tóm tắt trong câu "Người phải kính mến Thiên chúa người hết lòng hết sức và thương yêu người như chính bản thân" (1).

### 2)- Công giáo Việt-Nam :

Theo chân các thương gia các giáo sĩ công giáo đến Việt-Nam từ 1533 đời vua Lê-Trang-Tôn (Khâm Định Việt-Sử)(2).

(1) Mathew câu 37, 38 đoạn XVII.

(2) Trần-Trọng-Kim - Việt Nam sử lược - Bộ giáo dục xuất bản, trang 98.

Tín lý của tôn giáo mới này khác biệt hẳn với niềm tin của xã hội Việt-Nam thời đó. Sự truyền giáo ngày một gia tăng, số tín đồ càng ngày càng đông đảo khiến giới sĩ phu - nhất là giai cấp đang cầm quyền lo ngại và quyết tâm loại trừ tôn giáo mới này. Dưới thời nhà Nguyễn, sự xâm lăng của thực dân Pháp vào nước ta với lý do bảo vệ giáo sĩ Tây phương và quyền tự do tín ngưỡng đã gây công phần cho các nhà cầm quyền. Vua Minh-Mạng đã ra chỉ dụ cấm đạo Công giáo và trừng phạt gắt gao kẻ cố tình theo tôn giáo này. Nhưng kể từ Hòa ước Patenotre, công giáo được nhà cầm quyền Pháp nâng đỡ : tổ chức được phát triển, ảnh hưởng lan rộng khắp mọi lãnh vực hoạt động quốc gia. Năm 1960 Đức giáo hoàng Gioan XXIII ra sắc chỉ thiết lập phẩm trật giáo hội công giáo Việt-Nam gồm 3 tòa tổng giám mục coi sóc 3 giáo khu Hà-nội, Huế, Saigon (1) đánh dấu sự trưởng thành của giáo hội công giáo Việt-Nam.

- a)- Giáo tỉnh Hà-nội gồm các địa phận : địa phận Hà-Nội, Lạng-Sơn, Hải-Phòng, Bắc-Ninh, Hưng-Hóa, Thái-Bình, Bùi-Chu, Phát Diệm, Thanh Hóa và Vinh.
- b)- Giáo tỉnh Saigon gồm địa phận Saigon, Vĩnh-Long, Cần-Thơ, Đà-Lạt, Mỹ-Tho, Long-Xuyên, Xuân-Lộc.
- c)- Giáo tỉnh Huế : gồm địa phận Huế, Qui-Nhơn, Nha-Trang, Kontum.

Đứng đầu một địa phận là một vị giám mục do Tòa Thánh La-Mã bổ nhiệm. Mỗi địa phận chia thành các hạt, xứ đạo, họ đạo thường do các linh mục cai quản.



(1) Phan phát Huân - Việt Nam giáo sử quyển II, trang 218.

PHẦN I  
**CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ**  
**PHẬT GIÁO - CÔNG GIÁO**

# CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ PHẬT GIÁO - CÔNG GIÁO

## Tiết I

TRƯỚC BIẾN CỐ 1963 (TỪ 968-1963)

### Đoạn 1 : THỜI KỲ ĐỘC LẬP (968-1884)

Sau khi giành được quyền tự chủ, vì nhu cầu giao thiệp với người Trung-Hoa, các vị vua đầu tiên nước ta thường nhờ các vị sư đóng vai trò trung gian (thông ngôn, hiểu người Trung-Hoa nhiều) dần dần vì nhu cầu cải tổ, sửa sang luật lệ quốc gia, trong triều chính xuất hiện các vị sư cố vấn cho nhà vua; vai trò của các vị thượng tọa mạnh dần và ảnh hưởng tới những thăng trầm của triều chính: triết lý Phật giáo trở thành những nguyên tắc định hướng cho sinh hoạt chính trị. Với thời gian sự ưu thắng của Phật giáo giảm dần và dành những ưu thế đó cho Khổng giáo và Thiên chúa giáo.

#### 1)- Giai đoạn ảnh hưởng tích cực : Lý, Trần

Sau khi dẹp loạn sứ quân, Vua Đinh-Tiên-Hoàng bắt đầu sửa sang giềng mối trong nước, có lẽ vì sự bành trướng Phật giáo với sự hiện diện đông đảo các nhà sư, nên nhà vua ra sắc chỉ để ấn định giai phẩm các tăng. Một nhà sư nổi tiếng được nhà vua tin dùng là Ngô-Châu-Lưu, ông có công trong việc sửa sang luật lệ quốc gia nên được triều đình phong cho chức vị "Khuông Việt thiên sư". Dưới thời tiền Lê, các vị sư sai thường hay lui tới triều đình để

bàn vấn đề quốc sự với các vị vua chúa. Sau khi Lê-Dại-Hành mất, các vị vua kế tiếp nhỏ tuổi, bỏ bê việc nước, nhân cơ hội này, một nhà sư có uy tín trong triều đình là Sư Vạn Hạnh đã cố gắng sửa soạn dự luận, chuẩn bị đưa người cướp ngai vàng nhà Lê; khi Lê-Long-Đĩnh băng, sư Vạn Hạnh mưu cùng Đào-Cam-Mộc tôn Lý-Công-Uẩn lên làm vua(1), mở đầu cho một kỷ nguyên hưng thịnh của Phật giáo. Ảnh hưởng của Phật giáo được thể hiện qua các bộ hình luật đầy nhân đạo của nhà Lý. Vua sai hai vị sư Nguyễn-đạo-Thành và Phạm-Học sang Tàu lấy kinh Tam Tạng. Qua đời Trần, mặc dù Trần-Thủ-Độ tỏ ra gay gắt với nhà Lý, nhưng ảnh hưởng Phật giáo không vì thế mà suy giảm, các vị vua nhà Trần đều là những người mộ đạo : Sau khi truyền ngôi cho con, lên Thái Thượng Hoàng các vị vua thường xuất gia, quý y nương nấu của thiên.

Tóm lại dưới thời Lý, Trần, Phật giáo được coi là quốc giáo : việc xây cất chùa chiền, đúc chuông v.v.. đều do ngân quỹ quốc gia đài thọ, các nhà sư tài giỏi được trọng dụng, nhiều vị được phong là quốc sư chẳng hạn như nhà sư Trung-Hoa là Thảo-Đường, chương môn Thiên phái thứ 3 tại Việt-Nam.

Qua những điểm vừa trình bày, chúng ta thấy vai trò của Phật giáo trên lãnh vực chính trị dưới thời Lý, Trần có hai sắc thái đặc biệt :

- Sự có mặt của Phật giáo trên chính trường do nhu cầu của triều đình; các vị sư tằng là những người có học, có nhiều liên lạc với người Trung-Hoa (qua các hệ phái); Sự có mặt của các vị sư tại triều đình nhằm giúp triều đình trong mỗi bang giao với người Trung-Hoa, đồng thời giúp các vị vua chúa chấn chỉnh đường lối cai trị.

- Hoạt động chính trị của Phật giáo chỉ có tính cách cá nhân, tùy thuộc sự tín nhiệm của các vị sư. Trong khi

(1) Trần trọng Kim - "Việt Nam sử lược", trang 94.

đó, quần chúng thường không qui tụ thành các đoàn thể chặt chẽ để có thể tạo áp lực mạnh mẽ trên chính trường như ngày nay. Các tăng sĩ được coi là những cố vấn của nhà vua chứ không đại diện quyền lợi của một tập thể, chính vì lý do này Phật giáo khi không được sự ủng hộ và tín nhiệm đã đi dần tới suy yếu, mà không hề có một phản ứng mạnh mẽ nào đáng kể.

2)- Sự lu mờ ảnh hưởng Phật giáo : Lê - Nguyễn :

Song song với sự phát triển Phật giáo. Nho giáo cũng bắt đầu được bành trướng dưới thời Nhà Lý, nhà Trần (vua Lý-Thánh-Tôn lập vạn miếu thờ Khổng-Tử và 72 vị hiền. Vua Lý-Nhân-Tôn mở khoa thi để chọn nhân tài giúp nước (1)).

Khi dẹp được quân Minh, Lê-Thái-Tổ nhận thấy có nhiều lạm dụng trong những kẻ tu hành, nhiều kẻ nương náu của chùa để trốn lính và lợi dụng sự mê tín quần chúng để kiếm an. Vì thế nhà vua đã ra một đạo dụ bắt những người tu hành phải qua một kỳ khảo hạch Phật pháp, kẻ nào không biết phải hoàn tục và còn bị trừng trị nặng nề.

Thời Tây-Sơn, vua Quang-Trung còn khát khe hơn khi bắt các thầy tu phải nhập ngũ, hủy các tượng bụt, phá bình địa chùa chiền tại làng, chùa chỉ được duy trì tại tổng mà thôi (2). Sự suy đồi của Phật giáo kéo theo sự phai mờ ảnh hưởng chính trị của tôn giáo này đến cuối đời nhà Nguyễn.

Sự lu mờ ảnh hưởng Phật giáo trên chính trường được giải thích qua những lý do chính sau :

Nguyên do triết thuyết : Trước những đòi hỏi, tìm kiếm một căn bản cho việc củng cố ngai vàng của nhà vua, triết lý Phật giáo không giải đáp được những nhu cầu cần

(1) Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử lược, trang 99-100.

(2) Cadière : Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens, trang 3.

thiết này, nhất là cái địa vị ưu thắng của các vị vua chúa không thấy được đề cập trong kinh sách Phật giáo. Trong khi đó Phật giáo lại đề cao sự bình đẳng giữa mọi người. Vì không tìm được điểm tựa cho các quyền uy chính trị trong Phật pháp, đã khiến các triều đình bớt lưu tâm tới việc nghiên cứu Phật giáo. Trái lại, tư tưởng của Nho giáo được coi là học thuyết chính trị rõ rệt, với thuyết thiên mệnh đề cao sứ mạng của nhà vua trong việc trị quốc. Học thuyết Nho giáo, tỏ ra phù hợp với một chế độ quân chủ chuyên chế nên được triều đình nghiên cứu và đề cao.

Giới cai trị mới : Vì sự bành trướng lãnh thổ, gia tăng các công việc quốc gia, các vị vua chúa trong việc cai trị cần đến các vị quan lại đóng vai trò trung gian giữa triều đình và dân chúng. Phương pháp tuyển chọn quan lại căn cứ vào các kỳ thi, những người được chấm đầu là những người thuộc giới Nho học, chịu ảnh hưởng sâu đậm triết lý Khổng Mạnh và những người này trở thành giới lãnh đạo trung cấp ảnh hưởng nhiều tới đường lối cai trị quốc gia.

Sự thụ động của quần chúng : Có thể nói dưới các thời Lê Nguyễn đa số dân chúng Việt-Nam là Phật giáo; nhưng trong những thời kỳ đó dân chúng Việt-Nam thường thụ động, ù lì, ít quan tâm tới vấn đề chính trị; Vấn đề chính trị được quan niệm là những sinh hoạt thu hẹp trong phạm vi triều đình mà thôi.

## Đoạn 2 : THỜI PHÁP THUỘC ĐẾN CUỐI THỜI ĐỆ NHẤT CÔNG HÒA (1884-1963)

### 1)- Vấn đề cấm đạo và sự can thiệp của người Pháp :

Năm 1802 vua Gia-Long nhờ các thừa sai người Pháp đặc biệt là giám mục Bá Đa Lộc giúp đỡ trong việc phục hưng sự nghiệp nhà Nguyễn. Sau khi thống nhất sơn hà, nhà vua dành nhiều đặc quyền cho một số người Pháp có công

và cho phép các giáo sĩ Tây phương truyền đạo. Nhưng vì các người công giáo bấy giờ áp dụng giáo lý một cách quá cứng rắn, thiếu uyển chuyển, nên đã bỏ nhiều phong tục tập quán cổ truyền và kết án đó là những điều mê tín dị đoan; chính vì lý do này, công giáo đã trở thành đối tượng cho việc công kích của giới sĩ phu là những người đang có nhiều thế lực trong địa hạt chính trị, công giáo bị kết án là đạo ngoại bang. Sự chống đối này đến thời Minh Mạng được bùng nổ mạnh mẽ, và kết quả là một đạo dụ của triều đình ra lệnh trừng trị những người theo "tà giáo". Người Pháp lợi dụng tình trạng này để đem quân can thiệp với chiêu bài "bảo vệ các giáo sĩ Tây phương và tự do truyền đạo", yếu tố này khiến triều đình Huế càng tỏ ra khắt khe với người công giáo hơn, cho công giáo là những phần tử tay sai bán nước. Đó là tình trạng lẫn lộn : vua quan ta sợ mất nước nên bắt bớ chém giết người công giáo, vì bị chém giết và sợ bị tiêu diệt, giáo sĩ và giáo dân đã phải kêu cứu người Pháp, cùng người Pháp biến Việt-Nam trở thành thuộc địa của họ.

2)- Công giáo một đoàn thể được ưu đãi dưới thời Pháp thuộc :

Dưới thời Pháp thuộc các giáo sĩ Tây phương được tự do truyền đạo, các cơ cấu tổ chức công giáo được củng cố và nới rộng. Người Pháp tin tưởng vào sự ủng hộ của người công giáo Việt-Nam nên càng ngày càng có khuynh-hướng giúp đỡ sự phát triển đoàn thể này.

Hai sự kiện sau đây có thể mô tả được tình trạng công giáo dưới khía cạnh chính trị :

- Người công giáo được các giáo sĩ dạy phải tuân theo trật tự của người Pháp, tuyệt đối xa lánh mọi hành động chính trị, không được gia nhập các đoàn thể chính-trị. Trong khi đó, các giáo sĩ (kể cả các vị giáo sĩ bản xứ) rất thân mật với các quan cai trị của người Pháp, ... lắm khi còn là công cụ trị an của người Pháp.



- Các nhà ái quốc chống Pháp, các phong trào cách-mạng nghi kỵ xa lánh người công giáo, nếu không xem họ là kẻ thù đồng bọn với thực dân.

Tình trạng này khiến công giáo dần dần trở thành bảo thủ, mặc dầu tổ chức có phát triển, nhưng con người công giáo có thể ví như con chim nuôi trong lồng, ngoan ngoãn, nhưng thiếu kinh nghiệm sống và tranh đấu, nhất là trong chính trường (1).

### 3)- Công giáo trong cuộc chiến tranh Pháp-Việt Minh (1946-1954)

Sự có mặt của công giáo trên chính trường Việt-Nam bắt đầu với một vài nhân vật nổi tiếng như : Bá-Đe-Lộc, Nguyễn-Trường-Tộ, Trần Lục v.v.. Nhưng sự có mặt với tính cách tập thể bắt đầu từ cuộc chiến tranh giành độc lập : khi giám mục Lê-Hữu-Từ chấp nhận là một trong những cố vấn tối cao của chính phủ Hồ-chí-Minh, sau đó vì chính phủ lâm thời tỏ rõ khuynh hướng cộng-sản, công giáo đã tổ chức các phong trào "tự vệ" chống cộng tại Bùi Chu và Phát Diệm; công khai dùng vũ lực chiến đấu chống Việt Minh. Sau đó lực lượng tự vệ này được sát nhập vào Bảo chính Đoàn của chính phủ.

Bảo Đại để cùng với quân đội Pháp chống cộng. Kể từ đó "công giáo đã trở thành bơ vơ trước một tình trạng vô cùng tối tăm" (2) của đất nước.

Tóm lại, từ thời Pháp thuộc đến cuối thời đệ nhất Cộng-Hòa, công giáo là một lực lượng ít quan tâm tới những hoạt động chính trị. Công giáo thường tỏ vẻ thân thiện với chính quyền, đáp lại chính quyền cũng nâng đỡ công giáo. Trong khi đó một lực lượng khác, ít được các chính phủ để ý đã ngấm ngấm hồi sinh và bùng sống lại trong những biến cố cuối thời đệ nhất cộng-hòa : Phật giáo.

(1) Nguyễn-hữu-Thanh - "Người công giáo đứng trước sứ mệnh của mình", trang 22, 23.

(2) Nguyễn-hữu-Thanh - Sách dẫn trang 28.

## Tiết II

## TỪ BIẾN CỐ 1963 : GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP TÍCH CỰC

Các tôn giáo ở trong tình trạng khá yên tĩnh qua nhiều năm dưới thời đệ nhất cộng-hòa : tất cả mọi hoạt động của các tôn giáo thường nhằm vào sự phát triển nội bộ, sự có mặt của vài tu sĩ trên sân khấu chính-trị chỉ đạt trên căn bản cảm tình hay liên hệ gia đình, những hoạt động của các cá nhân này không lôi kéo cả đoàn thể vào những ràng buộc chính trị. Công giáo đa số ủng hộ cá nhân Tổng thống Ngô-dình-Diệm vì họ cho là có đức độ, đồng thời bao hàm lòng tri ơn của họ đối với một vị lãnh đạo đã đặc biệt lưu tâm tới họ trong cuộc di cư từ Bắc vào Nam. Phật giáo bắt đầu củng cố, bành trướng tổ chức và hầu như tỏ ra ít quan tâm với những vấn đề chính trị nhất là đa số các Phật tử; họ cảm thấy xa lạ, đôi khi nghi ngờ đối với vị lãnh đạo không cùng tín ngưỡng với họ, nhất là khi vị Tổng Thống đó tỏ ra là người công giáo rất ngoan đạo.

Việc đạt cái nhìn của quần chúng đối với vị lãnh tụ là một điểm quan trọng, liên hệ tới phản ứng của họ đối với những biến cố chính trị, vì mặc dầu sống dưới chế độ dân chủ pháp trị, những người dân tại các quốc gia Á-Châu vẫn nhìn chế độ qua các nhà lãnh đạo. Sự tín nhiệm hay bất tín nhiệm cá nhân lãnh đạo thường đưa tới sự chấp nhận hay chống đối chế độ của nhà lãnh đạo.

Sự nghi ngờ của Phật tử đối với chính quyền Ngô-dình-Diệm được tô đậm và chuyển sang hình thức chống đối từ những lý do chính trị nội bộ đến những nhu cầu biến chuyển theo mục tiêu của các siêu cường trên bàn cờ quốc-tế. Việc đánh thức một con khủng long sau một thời gian dài ngủ yên, đã làm ba đào nổi lên, mà chính những kẻ đánh thức không còn đủ khả năng kìm hãm sức vùng vẫy của nó.

Với những nét bao quát trên, chúng ta lần lượt xét hoạt động của các tôn giáo từ những cuộc biến động năm 1963.

Đoạn 1 : GIAI ĐOẠN BỘC PHÁT (1963-1965)

Phân đoạn I : Phật giáo tranh đấu

A.- Bối cảnh chính trị Việt-Nam Cộng-Hòa

1)- Chế độ Cộng Hòa nhân vị : Tại miền Nam, sau hiệp-định Genève ông Ngô-dình-Diệm được quốc trưởng Bảo-Đại tín nhiệm trong chức vụ Thủ Tướng. Qua cuộc tranh chấp quyền hành với tham mưu trưởng quân đội là tướng Nguyễn-van-Hình và các lực lượng ly khai Hòa Hảo, Bình-Xuyên, Ông Ngô-Dình-Diệm tổ chức trung cầu dân ý truyết phế quốc-trưởng Bảo Đại, thiết lập nền đệ nhất cộng hòa và ông là vị Tổng-Thống đầu tiên với chủ thuyết Nhân Vị làm căn bản cho sinh hoạt và phát triển quốc gia. Tổng Thống Ngô-dình-Diệm thuộc thành phần quan lại triều Nguyễn, có tinh thần ái quốc và thanh liêm. Mặc dù là người lãnh đạo một quốc gia theo chế-độ dân chủ, ông vẫn còn giữ quan niệm cai trị quốc gia theo lẽ lối "dân chi phụ mẫu"; không chấp nhận đổi lập dù là đổi lập xây dựng (1). Quan niệm này đưa tới việc đối xử không đẹp với các đảng phái không do nhà nước thiết lập. Đây có thể là quan niệm chung của các lãnh tụ Á-Phi chứ không phải riêng ở Việt-Nam. Lẽ lối cai trị này đưa tới 2 hậu quả quan trọng :

- Dân chúng ủng hộ lãnh tụ đồng thời ủng hộ luôn chính sách.

- Nếu lãnh tụ bị bất tín nhiệm, người ta phủ nhận mọi đường lối, mọi chính sách của lãnh tụ - dù là hay, hợp pháp! Sự chống đối có tính cách mãnh liệt, không chấp nhận thương thảo, thỏa hiệp : hoặc bị chính quyền đàn áp, hoặc chính quyền bị lật đổ. Việt-Nam dưới thời đệ nhất cộng hòa có hai lực lượng do chính quyền tổ chức là Phong

(1) Nguyễn Quốc Trị - Hành chánh công quyền, trang 12 (phần kết luận).

trào cách mạng quốc gia và đảng Cần Lao. Ngoài hai tổ chức này, các đảng phái khác đều ngưng hoạt động hoặc hoạt động bí mật nhằm lật đổ chính quyền. Chúng ta có thể liệt kê một vài hoạt động thuộc loại đó :

- Hoạt động nhóm Nguyễn bảo Toàn
- Nhóm Caravelle
- Nhóm tướng tá đảo chính 1960
- Vụ oanh tạc dinh độc lập.

Những nhóm trên đều có chung một mục đích là thủ tiêu nền đệ I Cộng-Hòa.

2)- Chính sách công-sản quốc tế tại Việt-Nam : Hiệp-định Genève 1954 đã làm chính phủ Hà-Nội thực sự không thỏa mãn vì cho rằng đó là sự ép buộc của các cường quốc nhằm chia cắt Việt-Nam, các lãnh tụ miền Bắc chỉ còn nuôi hy vọng vào cuộc tuyển cử 1956, nhưng chính quyền Ngô-đình-Diệm với sự hỗ trợ của siêu cường quốc Mỹ đã từ chối không chấp nhận tổ chức cuộc tuyển cử này vì cho rằng chính phủ Hà-Nội không cho nhân dân miền Bắc được tự do trong việc lựa chọn chính trị. Đây là lý do khiến chính quyền miền Bắc phải dùng biện pháp vũ lực để chiếm nốt miền Nam theo đúng lý thuyết của Marx nhằm lật đổ bọn tư bản đế quốc để thiết lập chế độ cộng đồng xã-hội. Áp dụng sách lược của Mao-Trạch-Đông, Bắc-Việt cố gắng chiếm miền Nam qua tiến trình gồm 3 giai đoạn :

- giai đoạn quấy rối và chia rẽ hàng ngũ quốc gia
- giai đoạn chiếm nông thôn bao vây thành thị
- giai đoạn tổng công kích.

Miền Nam Việt-Nam được công-sản nhận định là một thí điểm lý tưởng để thực nghiệm sách lược mới của Mao.

3)- Chính sách Hoa Kỳ : Một miền Nam chống cộng : Hoa-Kỳ thay thế Pháp trong nhiệm vụ bảo vệ miền Nam, một "tiền đồn" của thế giới tự do và coi Bắc-Việt là một mũi dùi sắc

bén chĩa thẳng vào Đông-Nam-Á mà Hoa-Kỳ có nhiệm vụ chặn đứng sự bành trướng này để cộng sản không thể làm chủ được nguồn tài nguyên vô tận này. Với chủ trương bảo vệ Đông Nam Á khỏi rơi vào tay Cộng-sản, Hoa-Kỳ đã thành lập tổ chức liên phòng Đông Nam Á theo chủ thuyết ngăn chặn của ngoại trưởng Dulles. Hoa Kỳ cũng đã can thiệp tại Lào quốc và sau đó tại Việt-Nam Cộng-Hòa.

Tại Ai-Lao, Hoa-Kỳ cố gắng thiết lập một chính-phủ hữu khuynh nhưng vì chính phủ Boun Oum và Phoumi Nosavan không có khả năng hóa giải những tranh chấp giữa các phe phái, nên Hoa-Kỳ phải ủng hộ một Lào quốc trung lập với thủ tướng Phouma từ khuynh hướng thiên tả đã ngã dần về phía Hoa-Kỳ như ngày nay.

Tại Việt-Nam, Hoa-Kỳ đã tích cực tạo một chính-quyền chống cộng vững mạnh. Tháng chạp năm 1960, Cộng sản lập Mặt trận giải phóng miền Nam hoạt động nhằm lật đổ chính quyền miền Nam Việt-Nam. Hoa-Kỳ quyết định trợ giúp chính quyền miền Nam để chống lại cộng sản vì "Việt-Nam có một đường biển dài, thuận lợi cho việc sử dụng không quân và hải quân Hoa Kỳ. Người Việt-Nam lại sẵn sàng và quyết tâm chống lại các cuộc tấn công khủng bố. Nên cần được giúp đỡ phương tiện và tổ chức chiến đấu (1).

Tháng 2 năm 1962, chính bào đệ của Tổng Thống John Kennedy là ông Robert Kennedy đã tuyên bố tại Saigon : "chúng ta sẽ thắng tại Việt-Nam, chúng ta sẽ ở lại đây cho tới khi thắng trận".

Những dữ kiện trên cho thấy Hoa Kỳ quyết tâm giữ vai trò ưu thế tại Việt-Nam cũng như tại Đông Nam Á nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Trung Cộng tại vùng này và sẵn sàng san bằng mọi chướng ngại vật làm trở ngại cho sự thực thi chính sách của họ.

(1) Harriman "What we are doing in SEA. The Newyork time Magazine - may 27, 1962 trang 53-54.

B.- Nguyên nhân phát sinh cuộc tranh đấu Phật giáo :

Cuộc tranh đấu Phật giáo bùng nổ vào ngày 7-5-1963 âm lịch, nhưng ngày đó người ta cho là "cơ hội tốt" cho những toán tính đã được thai nghén và trù hoạch : nhiều dữ kiện được khai triển để chờ đợi những biến động chính trị. Như thế ngoài những nguyên do bề mặt, chúng ta cần phải tìm hiểu những động cơ bên trong cũng như từ bên ngoài đã thúc đẩy sự bộc phát cuộc tranh đấu, mà cái hậu quả là sự thủ tiêu chế độ Ngô-đình-Diệm.

1)- Những ảo tưởng kỳ thi và ưu đãi :

a)- Chính phủ Ngô-đình-Diệm một chế-độ của người công giáo : cái trở trêu của chế độ đệ nhất cộng hòa là vị lãnh đạo quốc gia lại là một tín đồ ngoan đạo của công-giáo, anh của ông là một người có địa vị cao cả trong tổ chức công giáo Việt-Nam : tổng giám mục giáo khu Huế.

Khi về chấp chánh, Thủ-tướng Ngô-Đình-Diệm đã phải đương đầu với những khó khăn của cuộc di cư từ Bắc vào Nam, ông tỏ ra rất tận tình nâng đỡ những người di cư này, nhưng đa số những người di cư này là công giáo nên nhiều khi họ nhầm tưởng rằng mình được ưu đãi vì họ là công giáo, cái ảo tưởng "dựa hơi" chính quyền này được nhiều người cho là đúng, kể cả khối người không phải là giáo dân : cái hệ quả là có nhiều sự lạm dụng nhân danh người công giáo được chính quyền "biệt đãi"; Nhiều người tỏ vẻ sợ sệt, e ngại, chấp nhận mọi thiệt thòi do sự lạm dụng của những cá nhân hay cả những tập thể nhỏ của công giáo gây ra. Sự ngộ nhận này đưa đến sự đụng chạm với các tập thể khác, người ta có cảm tưởng rằng đoàn thể của mình không phát triển được vì bị kiềm hãm, bị phá rối hay ít ra là không có sự trợ giúp đồng đều của chính quyền.

Trên khía cạnh pháp lý, dụ số 10 về qui chế các hiệp hội bao gồm sinh hoạt tôn giáo, ngoại trừ hội truyền giáo Thiên chúa giáo, luật này có từ thời Pháp thuộc nhưng

không được hủy bỏ hay sửa chữa. Điểm này làm cho nhiều tôn giáo khác nhất là Phật-giáo tỏ ra khó chịu cho đây là một bằng chứng về tinh thần kỳ thị tôn giáo của chế độ đế nhứt cộng hòa. Nhưng sự thực có phải thế không? Câu trả lời còn tùy thuộc vào quan điểm của phe nhóm có lập trường riêng tư.

b)- Những câu trả lời của chính phủ hay những người có liên hệ tới chế độ (từ biến cố Phật giáo xảy ra đến thời đệ nhị cộng hòa). Theo những lập luận này thì công giáo không phải là "con cưng" của chế độ đệ II cộng hòa, trái lại Phật giáo mới là khu vực mà chính quyền lưu tâm và cố gắng nâng đỡ.

- Những mặc cảm của chế độ đệ nhất cộng hòa : Đứng trên khía cạnh tâm lý vì mặc cảm mình là người công giáo cai trị đa số không công giáo, Tổng-thống Ngô-đình-Diệm và các nhà lãnh đạo đệ I cộng hòa thường tỏ ra khó chịu, bực tức, mỗi khi thấy có tình trạng dường như các giáo sĩ (công giáo) dấy vào chánh quyền, lấn át chính quyền hoặc gây áp lực với chính quyền, nhất là ở các địa phương (1).

- Chính quyền đệ I cộng hòa ưu đãi Phật giáo. Theo Bác sĩ Trần-Kim-Tuyên, nhân vật thân cận của chính phủ đệ nhứt cộng hòa thì chính quyền thời đó "muốn lôi cuốn, ưu ái và ưu đãi các tổ chức giáo hội khác, không phải là công giáo".

Theo ký giả Suzanne Labin trong cuốn "an eye-witness account" cho rằng số chùa trong 9 năm thời đệ nhất cộng hòa tăng 100%, trong khi đó số nhà thờ công giáo chỉ tăng 30%. Ngoài ra chính quyền còn hỗ trợ thành lập tổ chức tổng hội Phật giáo, chính phủ đã bỏ ra 12 triệu ngân quỹ để xây chùa chiền (chùa mới là 1.275 và trùng tu 1.295

---

(1) BS Trần Kim Tuyên "Vinh nhục của ngày 1-11-1963" - Hòa bình, các số tháng 10, năm 1971.

ngôi chùa đã bị hư hại vì thời gian chiến tranh). Trong khi đó các nhân viên quanh chế độ Ngô-dình-Diệm là Phật-giáo : Phật giáo chiếm đa số trong các tướng lãnh (19 tướng lãnh chỉ có 3 người là công giáo); các bộ trưởng và phó tổng-thống là Phật giáo (5 người công giáo trong 18 bộ).

- Một vài bất mãn công giáo với chính phủ Ngô-dình-Diệm : Chính phủ Ngô-dình-Diệm còn tỏ vẻ khắt khe với công giáo khi đặt các chủng viện của giáo hội Thiên chúa giáo dưới qui chế tư thục, đặt dưới quyền kiểm soát của nhà nước; từ ban giáo sư đến chương trình giảng dạy đào tạo các linh mục, đều do nhà tư thục bộ quốc gia giáo dục kiểm soát và thanh tra (các quốc gia Tây phương không áp dụng qui chế này), sự kiện này đã đưa đến sự chống đối của giới linh mục trẻ, nhưng vì nhu cầu ngoại giao của tòa thánh Vatican nên vụ này không bùng nổ mạnh.

Một số giáo sĩ Thiên chúa giáo bị chính quyền nghi kỵ : giám mục Lê-hữu-Từ, linh mục Hoàng-Quyển những lãnh tụ chống cộng tại miền Bắc bị lãng quên; linh mục Hồ-van-Vui, Nguyễn-quang-Oánh phải bỏ trốn, tránh vì công khai chỉ trích chính quyền.

Ngay việc ra chỉ thị cấm treo cờ tôn giáo ngoài khu vực tôn giáo "nhằm vào công giáo hơn là Phật giáo vì người công giáo hay lạm dụng trong các dịp lễ công giáo" (1).

Những sự kiện kể trên vẫn không đủ làm lu mờ các ảo tưởng sẵn có. Dư luận quốc nội lẫn quốc tế chỉ nhìn chính phủ Ngô-Dình-Diệm là một chính phủ công giáo. Những hiểu lầm này dễ dàng gây ra tình trạng xung đột và công khai hóa bằng các cuộc tranh đấu của Phật giáo có số tín đồ đông đảo mà lại bị cai trị bởi thiểu số công giáo!

(1) BS Trần Kim Tuyên, Vinh nhục 1-11-1963 - Hòa Bình các số tháng 10 năm 1971.



2)- Nguyên nhân trực tiếp : vấn đề treo cờ :

Cuộc khủng hoảng Phật giáo được khởi động do một công điện mang số 9.165 ngày 6-6-1963 nhằm cấm treo cờ tôn giáo. Phật giáo phản ứng bằng một bài thuyết pháp tại chùa Từ-Đàm, Thượng tọa Thích-Trí-Quang đã kịch liệt quyết-định của chính quyền cho đó là hành vi kỳ thị tôn giáo.

Những ngày kế tiếp là một số cuộc biểu tình phản đối chính quyền, một vụ nổ gây thương tích cho một số người và một số người bị chết khi Phật tử biểu tình tại đài phát thanh Huế đòi chính phủ cho phát thanh lại bài thuyết pháp của thượng tọa Thích-Trí-Quang hôm trước.

Chính cái tai nạn khủng khiếp này đã mở màn cho một cuộc tranh đấu của Phật tử chống lại "cường quyền" để bảo vệ Phật pháp, mặc dù có phải hy sinh tính mạng!

C.- Diễn tiến cuộc khủng hoảng :

Từ lúc ủy ban bảo vệ Phật giáo ra đời đến cuộc đảo chính 1-11-1963 chấm dứt chế độ Ngô-dình-Diệm. Cuộc tranh đấu nhiều tháng trời; khi hòa hoãn, khi mãnh liệt với nhiều kỹ thuật khác nhau - chính phủ cũng phản ứng từ ôn hòa đến những giải pháp quyết liệt. Chúng ta có thể theo dõi diễn biến qua những điểm chính sau :

- Phản ứng của Phật giáo và chính quyền trước các biến cố liên hệ.
- Bản thông cáo chung và cái chết của thượng tọa Quảng-Đức.
- Phản ứng mạnh của chính quyền và chiến thắng của Phật giáo.

1)- Phản ứng của Phật giáo và chính quyền trước các biến cố liên hệ :

a)- Thành lập ủy ban tranh đấu : Mở đầu cho những cuộc đấu tranh công khai và chính thức là bản tuyên ngôn 10-5-1963 tại Huế. Trong bản tuyên ngôn này Phật giáo xác định :

- Không chống đối nhằm thay thế cấp lãnh đạo mà chỉ tranh đấu đòi thay đổi chính sách.
- Không chống Thiên chúa giáo.

Sau cùng bản tuyên cáo đưa ra 5 nguyện vọng của Phật giáo đó :

- Thâu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo.
- Xin hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên chúa giáo.
- Chấm dứt tình trạng bất bớ.
- Được tự do hành đạo và truyền đạo.
- Bồi thường một cách xứng đáng cho kẻ bị chết oan, và kẻ mưu giết hại phải trừng phạt đền bù xứng đáng.

Tại Saigon trước các biến cố xảy ra tại Huế, một ủy ban liên phái được thành hình do thượng tọa Thích-tâm-Châu làm chủ tịch với mục tiêu Bảo vệ Phật giáo và cũng đưa ra một bản tuyên ngôn ủng hộ bản tuyên ngôn 10-5-1963 Ủy ban liên phái Bảo vệ Phật giáo này đã trở thành cơ quan đầu não cho cuộc tranh đấu của Phật giáo với chính quyền trong khoảng thời gian kế tiếp.

b)- Một vài hành động cụ thể của Phật giáo : Để hỗ trợ cho cuộc tranh đấu đòi thực thi 5 nguyện vọng của Phật giáo nhiều cuộc biểu tình, tuyệt thực cầu siêu đã được tổ chức.

- Ngày 19-5-1963 cuộc biểu tình tại công trường Lam Sơn, kêu gọi học sinh và sinh viên hỗ trợ cuộc tranh đấu của Phật giáo.

- Ngày 21-5-1963 buổi lễ cầu siêu tổ chức tại chùa Ân-Quang với sự tham dự 5, 6 trăm tang ni; cuộc rước linh từ rất trọng thể từ Ân-Quang qua Xá-Lợi.

- Ngày 30-5-1963 các cấp lãnh đạo gồm 6 đoàn thể Phật giáo thi hành chỉ thị của hòa thượng hội chủ tổng hội Phật giáo Việt-Nam tuyệt thực 18 giờ.

- Tổng đoàn sinh viên Phật tử gửi tâm thư hô hào sinh viên học sinh tranh đấu cho tự do tín ngưỡng đồng thời gửi bản kiến nghị lên Tổng Thống Ngô-dình-Diệm yêu cầu chánh quyền ra lệnh triệt để đình chỉ những mảnh lối trẻ con, thiếu trí thức đàn áp cán bộ và tín đồ Phật giáo.

c)- Phía chính quyền : Trước những biến cố xảy ra tại Huế, chính quyền trung ương đã cử phái đoàn do ông Bộ Trưởng Bùi Văn Lương ra điều tra tại chỗ (sự có mặt của phái đoàn điều tra tại Huế trùng hợp với ngày tổ chức biểu tình tại chùa Từ-Đàm với bản tuyên ngôn 5 điểm làm căn bản chính yếu cho cuộc tranh đấu Phật-giáo).

Qua nhiều cuộc thương lượng, chính quyền ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo đã thỏa thuận hai điểm :

- Chính phủ bảo đảm an ninh cho phái đoàn Phật tử ra Huế và an ủi các nạn nhân do vụ nổ gây ra.

- Chính phủ cũng đồng ý tổ chức cầu siêu cho các Phật tử đã bị chết trong biến cố tại miền Trung.

2)- Bản thông cáo chung và cái chết của thượng tọa Quang-Đức :

a)- Các cuộc thương thuyết : Tổng Thống Ngô-dình-Diệm ký sắc lệnh thành lập ủy ban liên bộ để điều giải yêu sách

của Phật giáo, thành phần gồm phó tổng thống Nguyễn-ngọc-Thơ, các bộ trưởng Nguyễn-dình-Thuần và Bùi-van-Lượng. Ngày 5-6-1963 phiên họp đầu tiên giữa ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo và ủy ban liên bộ để tìm những thỏa hiệp chung cho việc dàn xếp cuộc khủng hoảng. Phái đoàn Phật giáo gồm các thượng tọa Tâm-Châu, Thiện-Minh, Thiện-Hoa, Huyền-Quang, Đức-Nghiệp. Các cuộc thương thuyết đang được tiến hành một cách tốt đẹp.

b)- Cái chết gây xúc động : Song song với cuộc thương thảo bên Phật giáo vẫn duy trì những hoạt động chống đối chính quyền qua những cuộc biểu tình lẻ tẻ, những vụ rải truyền đơn v.v.. cũng trong khoảng thời gian này bà Ngô-dình-Nhu, em dâu tổng thống Ngô-dình-Diệm nhận danh hội phụ nữ liên đới phổ biến thông cáo đã kích cuộc tranh đấu Phật giáo một cách thậm tệ. Sự kiện này khiến cho dư luận quần chúng nghi ngờ thiện chí giải quyết của chính quyền và đã là động cơ thúc đẩy cuộc tranh đấu bùng cháy mãnh liệt : việc tự thiêu của Hòa-thượng Quảng-Đức để bảo vệ đạo pháp. Cái chết kỳ lạ này đã gây xúc động mạnh trước dư luận thế giới, đồng thời biến cuộc tranh đấu thành cuộc đọ sức có tính cách sống còn.

c)- Bản thông cáo chung : Trước những xô xáo do cái chết của thượng tọa Quảng Đức gây ra thì ủy ban liên bộ đã tìm được sự thỏa hiệp với ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo qua bản thông cáo chung 16-6-1963.

- Nội dung bản thông cáo : Qua bản thông cáo chung chúng ta thấy chính quyền và Phật giáo đã cùng thỏa thuận 3 vấn đề chính yếu sau :

- . Cờ : không có sự thay đổi, chỉ có quyền cắm cờ thuộc khu vực tôn giáo.
- . Về dụ số 10, sẽ được giải quyết bằng 1 đạo luật cuối năm 1963 hoặc đầu 1964, không áp dụng dụ số 10 một cách khắt khe.

- . Xác định thông tư 116 TTP-TTK 23-9-1960 không áp dụng cho việc tiếp nhận tạo mãi động sản và bất động sản của Phật giáo.

- Vấn đề thực thi bản thông cáo chung : việc tìm ra một thỏa hiệp đã là một chuyện khó khăn, việc thực thi những điều đã ký kết lại là một việc vô cùng khó khăn và tế nhị, vì hai bên đều ở tình trạng nghi kỵ, nghi ngờ thiện chí của nhau. Chính đây là lý do chính yếu khiến bản thông cáo chung trở thành bung xung để hai bên phá vỡ mọi công trình mà họ cố tâm tạo ra.

Về phía Phật giáo thì xác tín rằng tất cả chỉ được giải quyết trên "giấy tờ và lời nói" (1) vì thế cuộc tranh đấu được chuyển từ việc đòi thực thi 5 nguyện vọng sang việc đòi thực thi đúng đắn bản thông cáo chung.

Một mặt Phật giáo qua các văn thư chính thức gửi chính quyền và các bản thông cáo của ủy ban liên phái liệt kê các vi phạm của chính quyền đối với bản thông cáo chung và phản nản về một số những lời đồn đãi là chính quyền sẽ áp dụng biện pháp mạnh xâm phạm quyền lợi Phật giáo. Sau cùng bản thông cáo ngày 18-7-1963 ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo cho rằng chính quyền tỏ ra thiếu thiện chí nên Phật giáo sẽ không tiếp tục tham gia ủy ban hỗn hợp giải quyết khủng hoảng Phật giáo nữa.

Đàng khác các cuộc tranh đấu càng ngày càng gia tăng về cường độ và số lượng : sau cái chết của thượng tọa Quảng-Đức là những vụ tự thiêu liên tiếp.

- . 4-8-1963 cuộc tự thiêu của đại đức Nguyễn Hương trước dinh tỉnh trưởng Bình-Định.
- . 13-8-1963 đại đức Thanh-Tuệ tự thiêu tại Huế.
- . 15-8-1963 ni cô Diệu-Quang tự thiêu tại Ninh Hòa.

(1) Thông cáo của ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo 18-7-1963.

3)- Phản ứng mạnh của chính quyền và sự chiến thắng của Phật giáo :

Sau cuộc biểu tình lớn của Phật giáo 17-7-1963 chính phủ Ngô-dình-Diệm đã phải đứng giữa sự lựa chọn : tiếp tục điều giải hay phải dùng biện pháp mạnh nhằm triệt hạ mọi mầm mống xáo trộn; Những sự lựa chọn có hậu quả cho sự an nguy của chế độ. Ngày 20-7-1963 chính quyền đã phải xử dụng đến giải pháp thứ hai, khi tổng thống ký sắc lệnh 84/TTP ban hành lệnh giới nghiêm và giao cho quân đội trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia.

- Các trường đại học, trung học, tiểu học tạm đóng cửa.

- Chùa chiền bị khám xét, các nhân vật quan trọng trong cuộc tranh đấu Phật giáo bị câu lưu.

- Các cuộc biểu tình sau khi có lệnh giới nghiêm bị dẹp tan : hậu quả là nữ sinh Quách-thị-Trang bị tử thương và trên 1.000 thanh niên tham dự biểu tình bị đưa vào Quang-Trung làm thủ tục nhập ngũ. Tình trạng căng thẳng này kéo dài tới ngày 1-11-1963, ngày cuối cùng của chế độ đệ I cộng hòa.

D.- Những động cơ bên ngoài :

Sự tranh chấp giữa chính quyền và Phật giáo không hẳn là những sự kiện đơn thuần, có tính cách song phương; các yếu tố ngoại lai như sức mạnh của Hoa Kỳ, cộng-sản và các tổ chức khác đã là chất xúc tác giúp các phản ứng hoàn thành một cách trọn vẹn.

1)- Các lực lượng tác động : Hoa-Kỳ và Cộng-sản.

a)- Hoa-Kỳ : Theo ký giả Suzanne Lebin thì vụ Phật-giáo xảy ra phù hợp với kế hoạch của nhóm trí thức tự do tại bộ ngoại giao Hoa-Kỳ, muốn loại trừ chế độ Ngô-dình-

Diệm vì chế-độ này tỏ ra thiếu sót nghiêm trọng trong việc cai trị. Theo nhận định của các giới này, chế độ tại miền Nam cần phải dân chủ hơn, phải giống chế độ Hoa-Kỳ hơn.

Điều đó có nghĩa là :

- Chính quyền Ngô-dình-Diệm phải cải tổ, phải chấp nhận đổi lập.
- Tổ chức chính quyền phải có Tối Cao Pháp Viện, phải có lương viện như Hoa-Kỳ.

Ý-kiến này đã được ông Ngô-dình-Nhu nhắc lại khi đề cập tới áp lực Hoa-Kỳ đối với chính phủ Ngô-dình-Diệm: "Họ cho chúng tôi độc tài vì cho rằng không có Tối Cao Pháp Viện, nên hành pháp điều khiển tư pháp. Họ kết án chúng tôi là độc tài vì cho rằng quốc hội chỉ có một viện và do đó quốc hội không kiểm soát được hành pháp" (1).

Cũng theo các nhà trí thức tự do thì một chính phủ được xem là chính đáng khi được đa số dân chúng trong nước tín nhiệm. Tại Đông Nam Á nói chung và tại Việt-Nam nói riêng, đại đa số dân chúng là Phật giáo, vì thế Hoa-Kỳ không thể chấp nhận sự đàn áp Phật giáo, một lực lượng lớn lao có thể xử dụng vào công cuộc chặn đứng sự bành trướng của cộng sản.

Những mưu toan của Hoa-Kỳ nhằm thay thế chính-quyền Ngô-dình-Diệm còn có mục đích giúp Hoa-Kỳ có thêm cơ hội tham dự tích cực trong công cuộc chống cộng tại Việt-Nam qua sự gia tăng quân số Hoa-Kỳ vào Việt-Nam, nhưng không được chính phủ Ngô-dình-Diệm đáp ứng thuận lợi.

Sự khiêm khuyết trong việc thực thi những đòi hỏi của Hoa Kỳ, nhất là thái độ bướng bỉnh của chính phủ Ngô-dình-Diệm đã khiến đường dây liên lạc giữa Saigon và Hoa-

---

(1) Lương-Khải-Minh, Cao vị Hoàng "Làm thế nào để giết một tổng thống", trang 449.

thịnh-Đồn trở nên căng thẳng. Chính vì thế chính giới Hoa Kỳ đã tiến tới một kết luận : chính quyền Ngô-đình-Diệm cần phải thay thế : "cơ hội ông Diệm đáp ứng các đòi hỏi của chúng ta hiển nhiên là số không, vì vậy đề nghị của chúng ta là đi thẳng với các tướng lãnh, với đòi hỏi của chúng ta mà không cho ông Diệm biết. Vì thế vấn đề cứu xét một kế hoạch thay thế ông Diệm là một điều trở nên cần thiết" (1).

Trong khi chính quyền Ngô-đình-Diệm đang bối rối trước cuộc khủng hoảng Phật giáo. Hoa-Kỳ không ngần ngại:

- Ngưng viện trợ kinh tế cho chính phủ Ngô-đình-Diệm
- Hoa Kỳ bãi bỏ số tiền 250.000 Mỹ kim hàng tháng viện trợ quân sự để tài trợ việc trả lương cho lực lượng đặc biệt.
- Sự hiện diện đại sứ Henry Cabot Lodge, một "chuyên viên đảo chính", đã làm phẫn khởi những người đang có mặt trong các phong trào tranh đấu Phật giáo. (Ông Cabot Lodge được coi là ân nhân Phật giáo qua cuộc tiên đưa của các đoàn thể Phật giáo ngày ông rời chức vị đại sứ Hoa Kỳ tại Việt-Nam năm 1964).

Thêm vào đó có cả một phong trào báo chí, hệ thống truyền thanh, truyền hình, ngay cả đài tiếng nói Hoa-Kỳ (VOA) cũng đã kịch liệt chỉ trích chính sách kỳ thị tôn giáo của chính phủ Ngô-đình-Diệm : Những bản thông tin, những bài bình luận gián tiếp ca ngợi cuộc tranh đấu Phật giáo, mà dư luận Hoa-Kỳ lại được coi là một tập thể thương bị kích động và hướng dẫn bởi báo chí!

Qua những lời tiết lộ của một số yếu nhân Hoa-Kỳ mới đây, nhất là của tổng thống Nixon đã cho phép mọi người

---

(1) Phúc trình đại sứ Lodge gửi ngoại trưởng Dean Rusk ngày 25-8-1963 - Hòa Bình 1-11-1971.



xác tín rằng "chế độ Ngô-dình-Diệm bị lật đổ đã nằm trong kế hoạch trừ liệu của Hoa-Kỳ" vì thế nếu không có vụ Phật giáo xảy ra thì cũng có những vụ khác tương tự sẽ xảy ra.

b)- Cộng sản : Sự cố gắng của Hoa-Kỳ nhằm loại bỏ chính quyền Ngô-dình-Diệm an khớp với sách lược của cộng sản : tạo mâu thuẫn giữa các phần tử quốc gia và cố gắng tạo những khoảng trống chính trị để rút ngắn thời gian cộng sản hóa miền Nam.

Lúc đầu Cộng-sản chỉ hô hào ủng hộ cuộc tranh đấu Phật giáo. Nhưng khi phong trào tranh đấu bành trướng, và có mọi thắng thế, Cộng sản đã lợi dụng tình trạng thiếu tổ chức của Phật giáo xâm nhập cán bộ vào hàng ngũ tranh đấu, vì nhu cầu tranh đấu các giới lãnh đạo Phật giáo có thể chấp nhận cả các phần tử Cộng-sản (qua sự tiết lộ của thượng tọa Thích-trí-Quang với linh mục Hoàng-Quỳnh và được báo chí đăng tải lại).

Nói tóm lại, Phật giáo, Cộng-sản và Hoa-Kỳ trong năm 1963 cùng có chung một mục tiêu : lật đổ chính quyền Ngô-dình-Diệm; sự trùng điệp mục tiêu của hai địch thủ là Cộng-sản và Hoa-Kỳ được ký giả Suzanne Labin gọi là : "Hai dòng nước chảy cùng chiều".

## 2)- Các lực lượng hỗ trợ : các đảng phái và sinh viên học-sinh :

Trong bất cứ một chế độ nào cũng có những đoàn thể, phần tử bất mãn với chế độ hiện hữu : vì quyền lợi bị va chạm, bị khùng bố hay không được tin dùng, vụ Phật giáo xảy ra là cơ hội ngàn vàng để các phần tử bất mãn lợi dụng bày tỏ, thể hiện sự chống đối của mình : các phần tử Đại-Việt quan lại với ông Phan-huy-Quát, một số lãnh tụ Việt-Nam Quốc Dân Đảng v.v.. cái chết của nhà văn Nguyễn-trường-Tam có lập trường ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật giáo đã là sự kiện tang gia mức độ chống đối chế độ của những người từng ái mộ nhà cách mạng kiêm văn sĩ lão thành này.

Thêm vào đó sự đóng góp của các phần tử trẻ tuổi trí thức như học sinh, sinh viên, giáo sư đã khiến phong trào tranh đấu trở nên ồn ào gây nhiều tiếng vang nhất là sau cái chết của nữ sinh Quách-thị-Trang và sự từ chức tập thể của các giáo sư đại học Huế.

### Phân đoạn 2 : Công giáo vùng lên

Sự xung đột giữa Phật giáo và chính quyền được chấm dứt bằng cái chết bí thảm của tổng thống Ngô-dình-Diệm và bảo vệ của ông : cuộc cách mạng 1-11-1963 đã mở một trang sử mới cho tôn giáo dẫn thân vào lãnh vực chính trị. Phật giáo với hào quang chiến thắng đã lao mình vào khu vực mới mẻ mà họ ít quan tâm tới qua nhiều năm (từ thời Hậu Lê) đồng thời lôi cuốn một tôn giáo khác với tổ chức chặt chẽ, với truyền thống và kinh nghiệm chính trị (có do giáo hội Vatican chứ không phải qua quá trình hoạt động của công giáo Việt-Nam) lâu đời, cùng sinh hoạt và cạnh tranh trên cùng môi trường chính trị. Hai tôn giáo này đã trở thành những động cơ kích thích những dữ kiện chính trị thành hình và là những áp lực mạnh mẽ làm biến dạng hay thay đổi dữ kiện đó. Sự hiện diện của hai lực lượng tôn giáo đã khiến sinh hoạt chính trị tại miền Nam trở nên ồn ào và có sắc thái lạ kỳ so với các hiện tượng chính trị tại các quốc gia tiên tiến.

#### A.- Nguyên nhân

Cuộc cách mạng 1-11-1963 đưa tới sự thành lập một hội đồng quân đội cách mạng do trung tướng Dương-van-Minh làm chủ-tịch và một nội các với nhiều bộ trưởng là tướng lãnh. Sau biến cố 1-11-1963 giới quân nhân tỏ ra không có đủ khả năng kiềm chế những cái quá trớn của cách mạng khiến các cuộc tranh đấu được đà dâng cao : Phật giáo đòi thanh trừng tận gốc các thành phần chế độ cũ; công giáo sau 6 tháng yên lặng, cũng tìm ra được vài lý do để đứng lên tranh đấu đòi loại trừ các phần tử phá hoại công cuộc chống cộng.

1)- Những ảo tưởng thua thiệt :

Tại các quốc gia chậm tiến, yếu tố tình cảm được coi là những động lực chính yếu nhằm chi phối tác phong con người : sự phê phán có tính cách trực diện hơn lý trí: với đà phát triển và niềm kiêu hãnh của Phật giáo, nhiều người công giáo có cảm tưởng bị thất thế sau cái chết của vị tổng thống công giáo. Tín đồ công giáo trở thành ơ hờ, lạnh nhạt với các biến cố xảy ra và hầu như có thái độ bất mãn với tân chế độ, nghi kỵ các đoàn thể đã góp mặt vào việc lật đổ chính quyền Ngô-dình-Diệm.

2)- Vấn đề quyền lợi : Sau cách mạng một số quyền lợi

Sau cách mạng một số quyền lợi công giáo đã thụ đắc trong những thời Pháp thuộc và Đệ nhất Cộng-Hòa bị chính quyền cách mạng tước bỏ. An ninh các tín đồ công-giáo bị đe dọa. Trong khi đó Phật giáo được chính quyền cho hưởng một số quyền lợi mà người công giáo cho là không chính đáng.

a)- Các quyền lợi bị va chạm :

- Việc tịch thu tài sản những người liên quan với chế độ cũ : các xí nghiệp bị tịch thu là những xí nghiệp người công giáo có số vốn lớn, hay giáo hội có phần vốn trong đó.

- Ngày 12/11/1963 chính phủ Nguyễn-ngọc-Thơ loan báo sẽ duyệt xét lại việc trợ cấp cho các trường tư thục công giáo.

- Với thông tư bộ quốc gia giáo dục 1388/GD/TTTrH ngày 26.3.1964 đòi các trường tư thục muốn dạy giáo lý phải xin phép bộ giáo dục mới được giảng dạy.

Thêm vào đó, những đe dọa tới an ninh của người công giáo sau ngày cách mạng với phong trào bãi cần lao mà nạn nhân phần lớn chỉ nhằm vào người công giáo. Việc linh

mục Cao-van-Luận phải từ chức Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế vì bị một nhóm giáo sư và sinh viên thuộc thành phần Mặt Trận Nhân Dân Cứu Quốc" gửi tới hậu thư đòi phải từ chức với lý do "để khỏi trở ngại cuộc tranh đấu của Hội đồng nhân dân cứu quốc với mục đích bài trừ cần lao". Sự từ chức của linh mục Cao-van-Luận được bộ giáo dục chấp nhận ngay, sự kiện này bị giáo sư Lý-chánh-Trung mỉa mai: "Sự mau mắn hiếm có của con rùa hành chánh" và cho đó là sự bóc lột tinh thần giáo hội công giáo Việt-Nam (1).

b)- Những quyền lợi Phật giáo được hưởng sau 1-11-63:  
Sau khi tổ chức Phật giáo Việt-Nam thống nhất được thành hình được chính quyền thừa nhận bằng một sắc lệnh, chính-quyền cũng chấp nhận việc thành lập một nha tuyên úy Phật giáo trong tổ chức quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

Cũng do sự hoạt động và sự yêu cầu của Phật giáo, chính quyền đã phóng thích 13.854 chính trị phạm (2); 12.111 thường phạm ngày 5.6.1964 bộ Nội-Vụ ra thông cáo trả tự do cho 25.969 người. Theo dự luận công giáo thì nghi ngờ trong số các người được Phật giáo vận động để chính quyền phóng thích có nhiều thành phần cán bộ Cộng-sản. Do đó người công giáo càng tỏ ra bất mãn với chính quyền và Phật giáo.

3)- Những vụ án được coi là bất công :

Không khí cách mạng không kéo dài được lâu, thì cuộc chỉnh lý nhằm "lật đổ những phần tử cách mạng có khuynh hướng thân cộng"! Do tướng Nguyễn Khánh đứng ra lãnh đạo và đưa ông lên địa vị chủ tịch Hội-Đồng quân nhân cách mạng kiêm thủ tướng chính phủ. Cuộc chỉnh lý này đã khai sinh được một tòa án đặc biệt xét xử các phần tử liên quan tới

(1) Lý-chánh-Trung - 3 năm xáo trộn, loạn để trị trang 110.

(2) Quân chủng số 5/1964.

chế độ Ngô-dình-Diệm, các người thuộc chế độ cũ được tòa án chiếu cố lại là công giáo! Ngô-dình-Cần, Đặng-Sĩ v.v.. và các người khác được dự luận đề cập là Ngô-trong-Hiếu, Trương-công-Cừu, Trần-Kim-Tuyển v.v.. sẽ được lãnh án tử hình. Phía công giáo cho rằng những người đó bị kết án vì lý do là người công giáo hơn là tội liên quan tới chế-độ cũ.

Người công giáo đã phải tích cực hoạt động để giải tỏa những hậu quả đen tối này, nhưng kết quả trở thành tuyệt vọng: "vì tướng Khánh đã trả lời với Đức Tổng Giám Mục là bị áp lực" (1) (ám chỉ bị áp lực của Phật giáo).

Song song với tòa án đặc biệt, thì trong quần chúng phát sinh phong trào mệnh danh "Nhân dân cứu quốc ra đời tại Huế nhằm xét xử và thanh toán dư đảng cần lao (đảng do chế độ đệ I cộng hòa thành lập). Nhưng trên thực tế Hội Đồng này nhằm vào người công giáo nhiều hơn, Tổ chức này biến mình thành lực lượng làm chủ chân lý "xếp sòng cách mạng", chiếm đài phát thanh, ra chỉ thị quần chúng, và bắt bỏ dư đảng cần lao (2) mà "theo thượng tọa (Thích Tâm Giác thì phải) cần lao là Công giáo" (3).

Từ những ảo tưởng thua thiệt, những e ngại trước một lực lượng mới, trước những mất mát về quyền lợi tinh thần, vật chất. Công giáo đã "vùng lên" ngày 7-6-1964 để trở thành một đối lực với lực lượng Phật giáo trong những hoạt động chính trị sau này.

### B.- Sự thành hình ủy ban trung ương tránh đấu công giáo (sau là công giáo đại đoàn kết)

#### 1)- Các cuộc biểu tình để biểu dương sức mạnh:

Mở đầu cho sự tham gia chính trị của công giáo là cuộc biểu tình vĩ đại (theo báo Xây Dựng) gồm có 300.000

(3),(1) Diễn văn của Linh-mục Hoàng-Quỳnh đọc trước đại hội toàn quốc của các Đức giám mục, ở trên địa phận, các bề trên đồng - Tài liệu khối công-dân công giáo Đại Đoàn Kết, trang 34.

(2) Lý-chánh-Trung - 3 năm xáo trộn, trang 133.

người tại công trường Lam-Son Saigon, cũng trong cuộc biểu tình một bản tuyên ngôn của khối công giáo được tuyên đọc : khối công-giáo Việt-Nam xác nhận Việt-Nam đang trải qua những thử thách lớn lao chưa từng thấy trong lịch sử và người công giáo sẵn sàng đứng lên chiến đấu để cứu nguy tổ quốc và giải cứu giáo hội trước những đe dọa trầm trọng.

Trước tình thế hiện tại người công giáo cương-quyết tranh đấu bất luận giá nào để đòi hỏi những nguyện vọng sau:

- Khẩn thiết yêu cầu chính quyền Việt-Nam hãy trung-thành với tinh thần cuộc cách mạng 1-11-1963 là thực thi một nền dân chủ chân chính và đẩy mạnh công cuộc diệt cộng cứu quốc.

- Chúng tôi cực lực yêu cầu chính quyền Việt-Nam Cộng Hòa chấm dứt ngay hình thức cai trị mỵ dân.

- Chúng tôi cương quyết đòi hỏi chính quyền Việt-Nam Cộng-Hòa phải dứt khoát lên án và trừng trị bọn tay sai Cộng-sản vô thần nguy trang dưới bộ áo quốc gia và lưng-đoạn hàng ngũ nhân dân.

- Chúng tôi đòi hỏi chính quyền Việt-Nam Cộng-Hòa phải áp dụng ngay những biện pháp thích nghi, ngõ hầu chấm dứt ngay mọi hành vi có tính cách kỳ thị tôn giáo rõ rệt, điển hình là vụ đàn áp công giáo tại các tỉnh miền Trung.

- Chúng tôi mạnh dạn tố cáo trước dư luận quốc dân Việt-Nam và dư luận quốc tế âm mưu chia rẽ tôn giáo của bọn Cộng-sản vô thần và tay sai của chúng.

- Chúng tôi cực lực phản đối những hành động và những lời nói trong 6 tháng vừa qua có tính cách nhục mạ xúc phạm đến danh dự và tổn thương đến quyền lợi của giáo dân, của hàng giáo phẩm và của toàn thể giáo hội công giáo:

- Sau hết để cụ thể hóa ý chí đoàn kết của khối công giáo, chúng tôi mạnh dạn và công khai tuyên bố chủ trương

phát động và đẩy mạnh kể từ giờ phút này Phong trào hòa hợp dân tộc để đi đến cuộc hòa giải quốc gia, đó là phương được duy nhất và linh nghiệm để cứu vãn đất nước chúng ta thoát khỏi họa diệt vong (1).

Tiếp sau cuộc biểu tình tại Saigon là những điện văn của các giáo tỉnh Quảng-Tín, Đà-Nẵng, Quảng-Nam, Phước Lễ, Quảng-Ngãi, Kiến-Phong và giáo dân miền Tây liên tiếp từ ngày 7/6 đến 10/6 ủng hộ cuộc tranh đấu của ủy ban tranh đấu trung ương công giáo.

Các cuộc biểu tình liên tiếp được tổ chức tại Đà-Nẵng, Quảng-Tín, Huế, các giáo xứ miền Tây nhằm xác nhận tinh thần đoàn kết và ủng hộ lập trường tranh đấu của ủy ban Trung-ương tranh đấu công giáo.

2)- Mục tiêu cuộc tranh đấu công giáo :

Những cuộc biểu tình công giáo thường nhắc lại những lập trường cố hữu của khối công giáo :

Lập trường chống cộng, chống trung lập, ủng hộ quân nhân đòi sửa đổi bất công của tòa án. Chỉ trích và sửa chữa những hoạt động quá khích của nhóm Phật tử Huế. Ngoài ra giáo dân công giáo đứng lên làm chính trị với mục đích biểu dương :

- sự có mặt (acte de présence)
- có lực (acte de force)
- có kỷ luật (acte de discipline)(2).

Nói tóm lại, trong những ngày vùng lên công giáo đã nói lên trước dư luận : công giáo là một lực lượng có

(1) Tuyên ngôn của khối công giáo Việt-Nam ngày 7-3-1964.

(2) Diễn văn linh mục Hoàng-Quỳnh trước hội-đồng giám mục, các bề trên địa-phận, các dòng. Khối công dân đại đoàn kết, trang 35.

thực lực mà chính quyền cũng như mọi lưu lượng khác tại Việt-Nam phải nể vì và nhất là không thể tự do theo từng chính trường.

3)- Thành phần tham gia :

Sau cuộc biểu tình ngày 7-3-1964 một ủy ban được thành lập mệnh danh ủy ban tranh đấu công giáo do linh-mục Hoàng-Quỳnh làm chủ tịch với sự cộng tác một số linh mục và một số cán bộ thuộc nhiều thành phần khác nhau.

a)- Linh mục Hoàng-Quỳnh : sinh tại Dục Đức, tỉnh Ninh Bình Bắc phần thụ phong linh mục năm 1933, là giáo sư tiểu chủng viện Phúc Nhạc, 1943 làm tổng tuyên úy đoàn Thanh niên công giáo Phát Diệm. Tại Quỳnh-Lưu, linh mục tổ chức công giáo cứu quốc trong mặt trận Việt-Minh chống Pháp, 1947 lại bắt đầu chống Cộng tại Phát-Diệm, Bùi-Chu với chức vị Tổng Bộ Tự Vệ Bùi Chu - Phát Diệm. 1954 ông đi Genève vận động chống chia cắt đất nước; dưới chế độ Ngô-dình-Diệm linh-mục làm chính xứ tại vùng ngoại ô Saigon. 1964 tên tuổi của ông lại được đề cập tới sau cuộc biểu tình tại công trường Lam-Son 7-6-1964, và việc ông thành lập khối Trung-Uơng Thanh Đấu công giáo. Về sau, vì bất đồng ý kiến với một số linh mục trong tổ chức, ông tách rời khỏi tổ chức trên và thành lập Mặt Trận Công dân các tôn giáo, hoạt động với mục đích gây đoàn kết giữa các tôn giáo trong chiều hướng chống Cộng. Ngày nay, tại nhiều tổ chức khác nhau ông được suy cử làm cố vấn, nhưng có lẽ trong giai đoạn hiện tại ông không được coi là cực thu hút hấp dẫn các tín đồ công giáo như những năm 1947 và 1964 nữa.

b)- Thành phần cán bộ của lực lượng tranh đấu công giáo : có thể nói trong giai đoạn đầu của cuộc tranh đấu công giáo đã lôi cuốn mọi thành phần của khối công giáo tại Việt-Nam kể cả công giáo gốc miền Nam, tinh thần đoàn kết của khối công giáo kéo dài đến hết thời chính phủ Phan-huy-Quát. Xét về các cán bộ của tổ chức tranh đấu công giáo người ta có thể phân tích như sau :



- thành phần Công giáo di cư (thành phần ái mộ chế độ cũ), họ chưa bị áp bức trực tiếp, cũng chưa hiểu những "nguy cơ" giáo hội và tổ quốc. Họ sẵn sàng đứng lên cộng tác với bất cứ ai chống các lực lượng thù ghét chế độ cũ.

- thành phần chế độ cũ : lợi dụng cuộc tranh đấu để tránh hậu quả của những cuộc "thanh trừng cần lao".

- những nạn nhân công giáo bị đàn áp sau cuộc chính biến 1-11-1963.

### Phân đoạn 3 : Những cuộc đụng độ giữa Phật giáo và Công giáo

#### A.- Nguyên nhân

##### 1)- Những thất vọng của tôn giáo với chính phủ Nguyễn Khánh :

Sau cuộc chính lý, thần tượng cách mạng Dương-văn-Minh được tôn làm quốc-trưởng bù nhìn, các ngôi sao Trần-văn-Đôn, Tôn-Thất-Đỉnh bị câu lưu, uy tín lặn lặn bị bôi nhọ. Phật giáo đang ở trong giai đoạn say sưa và niềm kiêu hãnh thì các ân nhân Phật giáo đồng thời là các người hùng cách mạng phải ra đi không trống không kèn, để nhường chỗ cho một tướng lãnh chỉ tham gia cách mạng vào giờ thứ 25. Để thoả diu phần nào sự tức tối của Phật giáo tướng Nguyễn-Khánh thành lập tòa án đặc biệt xử các phần tử của chế độ cũ, không theo cách mạng. Sự kiện này tạo sự bất mãn của công giáo và lực lượng này đã phản ứng mãnh liệt, khiến các bản án không theo đúng những đòi hỏi, nên Phật-giáo lại càng tỏ ra thất vọng với chính phủ chính lý.

##### 2)- Xảo thuật cai trị của giới lãnh đạo :

Tướng Nguyễn Khánh là một nhà lãnh đạo gặp thời, nhưng thiếu lực lượng hậu thuẫn, nên ông cai trị quốc gia

theo xu hướng áp lực : bên nào mạnh ông sẵn sàng nghe theo và cũng không ngần ngại phản lại nếu lực lượng đó không đủ mạnh; lúc ông theo lập trường của các đoàn thể áp lực Phật giáo, lúc ông ngã theo công giáo... Sự sống còn chế độ hoàn toàn dựa vào các lực lượng mâu thuẫn, vì thế sự tranh chấp được dung thứ và đôi khi khuyến khích tạo sự hỗn loạn chưa từng có trong quốc gia và mối giao hảo giữa các tập thể tôn giáo.

B.- Những cuộc đụng độ đổ máu :

Sẵn có những nghi kỵ, lại được chính quyền cố tình tạo cơ hội tranh chấp, nên hai lực lượng công giáo và Phật giáo đã thực sự đụng độ với nhau trong nhiều chiều bài khác nhau :

- Công giáo : chống trung lập, chống kẻ thù phá hoại công giáo (được hiểu là các phân tử cộng sản núp trong hàng ngũ Phật giáo).

- Phật giáo : ủng hộ các tướng có công cách mạng được người công giáo hiểu là có khuynh hướng trung lập!); bài trừ cần lao (được hiểu là người công giáo!).

Hậu quả là những cuộc biểu tình tại bộ tổng tham mưu 27-8-1964 đưa tới các tai nạn khủng khiếp (không khác gì vụ Phật giáo miền Trung!) 6 người chết, hơn 50 người bị thương.

Các cuộc đụng độ bằng bạo lực giữa thành phần quyết tử Phật giáo và công giáo tại Đại Phát Thanh Saigon, Nguyễn-Trường-Tộ, tòa báo Xây Dựng, trường trung học Nguyễn bá Tông.

Tại địa phương các cuộc lùng soát Cần lao tại Huế, Qui-Nhon, Đà-Nẵng và nhất là tại Thanh Bò - Đức Lợi trước

sự bất lực của chính quyền và đôi khi còn tiếp tay cho bọn phá hoại (1).

Phân đoạn 4 : Các cuộc vận động tôn giáo  
thay đổi chính quyền

Các tôn giáo là những lực lượng quần chúng, được tập hợp để đòi hỏi những quyền lợi mà họ cho là chính đáng, hay cần được ưu đãi. Sự thành hình tổ chức tranh đấu thường được gia tăng nhiệm vụ và quyền hạn theo luật thông thường mà Montesquieu đã nhắc lại trong cuốn "vạn pháp tinh lý" (esprits des lois) : "con người có khuynh hướng nói rộng quyền hành". Các tổ chức từ những yêu sách với chính quyền, tiến dần đến tham vọng chi phối chính quyền. Các đoàn thể tôn giáo Việt-Nam cũng không thoát khỏi định luật khắt khe đó : công giáo và Phật giáo đóng cả hai nhiệm vụ, điều đó có nghĩa hai tôn giáo này vừa là "loại đoàn thể tìm cách để cho chính quyền ban cấp quyền lợi cho mình vừa là loại đoàn thể không thỉnh nguyện mà lại sai khiến, không khai thác quyền hành mà lại sử dụng quyền hành (2). Trong giai đoạn này 2 chính phủ Trần-van-Hương, Phan-huy-Quát lần lượt là những đối tượng cho các hoạt động chính trị của Phật giáo và Công giáo.

A.- Phật giáo và chính phủ Trần-van-Hương :

Tướng Khánh trong âm mưu loại bỏ quốc trưởng Dương văn-Minh, thiết lập chế độ độc tài quân phiệt. Ông đã khai sinh ra bản hiến chương Vũng Tàu, nhưng bị sinh viên học sinh phản đối, ngày 27-8-1964 bản hiến chương bị xé bỏ; thành lập tam đầu chế gồm các tướng Khánh - Minh - Khiêm, cơ quan này tuyên bố trao trả quyền lãnh đạo quốc gia lại

(1) Lĩnh vực Hoàng Quỳnh, phân đã dẫn.

(2) Burdeau, Traité de science politique, trang 138 quyển VIII.

cho nhân dân trẻ nhất ngày 27-10-1964. Một cơ quan lập-pháp được triệu tập mệnh danh là thượng hội đồng quốc gia, cơ quan này đề cử ông Phan-khắc-Sửu làm quốc trưởng và chỉ định ông Trần-van-Hương đứng ra thành lập nội các. Sự rút lui của giới quân nhân ra khỏi chính trường được các đại diện tôn giáo gồm Phật giáo thống nhất, Công giáo, Cao đài, Hòa-Hảo ủng hộ và tán thành giải pháp dân sự qua bản quyết nghị ngày 23-10-1964.

1)- Những mâu thuẫn giữa chính phủ Trần-van-Hương và Phật giáo :

Nhìn qua thành phần trong nội các chính phủ Trần-van-Hương người ta không thấy bóng dáng các bộ trưởng, tổng trưởng có khuynh hướng đại diện Phật giáo. Thêm vào đó, chính phủ Trần-van-Hương lại chủ trương tách rời chính trị và tôn giáo : điều đó có nghĩa Thủ-tướng Trần-van-Hương không muốn bị các tôn giáo chi phối và khuynh đảo như thời thủ tướng Nguyễn-Khánh.

2)- Các cuộc tranh đấu lật đổ chính phủ Trần-van-Hương

Cuộc vận động của Phật giáo nhằm lật đổ chính-phủ Trần-van-Hương khởi đầu bằng những bài nhận định về chính sách của chính phủ Trần-van-Hương trên nhật báo Đất Tổ. Nhất là việc lên án đường lối tách rời tôn giáo ra khỏi chính trị, kế tiếp là những yêu sách đòi cải tổ chính phủ, đòi hỏi có một nội các có đủ thành phần đại diện các tôn-giáo... Nhưng chính phủ Trần-van-Hương tỏ ra không quan-tâm tới nguyện vọng của Phật giáo, vì thế các đại diện Phật giáo đã bắt đầu các cuộc vận động công khai như biểu tình, tuyệt thực đòi lật đổ chính phủ Trần-van-Hương. Thượng-tọa Thích-Tâm-Châu đã không ngần ngại khi tuyên bố : "Chính-phủ Trần-van-Hương phải xuống một cách hợp pháp hay Phật giáo sẽ tiến tới dẹp bỏ chính quyền đó". Điều này có nghĩa Phật giáo sẽ dùng mọi giải pháp kể cả những hành động bạo động bất hợp pháp để khai trừ một chính phủ "tàn ác hơn cả chế độ Ngô-đình-Diệm".

3)- Hội-đồng quân lực bất tín nhiệm chính phủ :

Trước những bất an của một chính phủ dân sự thì một hội đồng mệnh danh là hội đồng quân lực được thành hình mà chủ tịch là tướng Nguyễn-Khánh, hội đồng này đã lần lượt giải tán thượng hội đồng quốc gia, rồi chẳng bao lâu bất tín nhiệm chính phủ Trần van Hương, giúp cuộc khủng hoảng chính trị chấm dứt, tang thêm ưu thế cho Phật giáo.

B.- Công giáo và chính phủ Phan huy Quát :

Sau khi chính phủ Trần-van-Hương ra đi, Hội đồng quân lực chỉ định ông Phan huy Quát làm thủ tướng. Trước sức mạnh của Phật giáo ông Phan-huy-Quát tỏ ra nhún nhường, nhượng bộ những đòi hỏi của Phật giáo, điều này đã làm công giáo uất hận và quyết đứng lên lật đổ chính phủ Phan-huy-Quát.

1)- Tương quan thuận lợi giữa Phật giáo và chính phủ :

Chính phủ Phan-huy-Quát có nhiều hành vi làm hài lòng giới Phật giáo như :

- Kiểm kê tài sản gia đình của Tổng-thống Ngô-dình-Diệm.

- Thành lập các ủy ban liên bộ xét việc phóng thích tất cả người bị bắt giữ vì tham gia các cuộc biểu tình trước (Phần lớn là tín đồ Phật giáo).

Vì được chính quyền ưu đãi Phật giáo tỏ vẻ thân-thiện và ủng hộ triệt để chính-phủ Phan-huy-Quát.

- Phật giáo lên án cuộc biểu dương lực lượng ngày 19-2-1965 của một số tướng tá : Dương-van-Đức, Phan-Ngọc-Thảo, Lâm-van-Phát nhằm hạ bệ tướng Khánh và chính phủ Phan-huy-Quát.

- Phật giáo ủng hộ hội đồng quân lực.

- Phật giáo ủng hộ cuộc bầu cử hội đồng đô thành, tỉnh, thị xã ngày 30-5-1965 do chính phủ Phan-huy-Quát tổ chức.

Ngày 25-5-1965 chính phủ Phan-huy-Quát thay đổi thành phần nội các đưa nhiều nhân vật viển vông vào chính phủ. Trong khi đó công giáo lại tỏ thái độ chống đối và áp dụng mọi phương cách để lật đổ chính phủ này.

2)- Công giáo và các cuộc vận động lật đổ Phan-huy-Quát

Lý do bất tín nhiệm chính phủ Phan-huy-Quát được lực lượng đại đoàn kết do linh mục Hoàng-Quyển làm chủ tịch đệ trình trước quốc trưởng Phan-khắc-Sửu ngày 26-5-1965.

- Sự thành lập chính phủ Phan-huy-Quát là bất hợp pháp và bất chính vì lý do tướng Khánh lạm quyền chỉ định.

- Bản dự thảo qui chế tôn giáo của chính phủ Phan-huy-Quát có tính cách độc tài và nhằm tiêu diệt căn bản tự do tín ngưỡng và tự do hành đạo của tôn giáo.

- Chính phủ Phan-huy-Quát không đẩy mạnh được công cuộc chống cộng, cấu kết với thực dân Pháp và trung lập làm lợi cho cộng sản.

Trong cuộc tranh đấu chống chính phủ Phan-huy-Quát, công giáo đã lôi kéo được một số các lực lượng khác như Cao Đài, Hòa Hảo, tổng hội Phật giáo và sự hỗ trợ của quốc trưởng Phan-khắc-Sửu. Công giáo đã thành công trong việc lật đổ chính phủ Phan-huy-Quát với sự thành hình Hội-đồng quân lực, ủy ban lãnh đạo quốc gia và ủy ban hành pháp Trung-ương và giải pháp dân sự sau 9 tháng èo ọt với chính phủ Trần-van-Hương và Phan-huy-Quát đã được chính các tôn giáo ủng hộ và khai sinh, nhưng cũng chính tôn giáo đứng lên thủ tiêu và mở đường cho quân đội trở lại chính trường.

Đoạn II : GIAI ĐOẠN TAN RÃ (1965-1967)

Sự trở lại chính quyền của quân đội không làm hài lòng các chính trị gia cũng như các đoàn thể tôn giáo. Nhờ sự hỗ trợ tích cực của Hoa-Kỳ, với bản chất và tác phong "nhà binh" các tướng lĩnh giữ vai trò lãnh đạo quốc gia thường tỏ ra cứng rắn trong mọi vấn đề chính trị. Điển hình là vụ Phật giáo đòi hỏi một chế độ dân cử không có bóng dáng Thiệu Kỳ. Nhưng chính quyền đã áp dụng mọi biện pháp cứng rắn để duy trì an ninh, hậu quả đưa đến sự thất bại và chia rẽ trong hàng ngũ Phật giáo. Cũng trong giai đoạn này công giáo cũng bắt đầu phân tán trong việc bày tỏ lập trường trước các vấn đề thời cuộc. Sự phân hóa trong các hàng ngũ tôn giáo vẫn còn kéo dài tới hiện nay và người ta chưa hề thấy có những triệu chứng gì báo hiệu cho sự kết hợp các lực lượng ly tâm.

A.- KHUNG CẢNH CHÍNH TRỊ MỚI

Khi Ủy ban lãnh đạo quốc gia và Ủy-ban hành pháp trung ương ra đời, tình trạng chính trị, xã hội cũng như quân sự của Việt-Nam Cộng-Hòa vô cùng bi đát.

1)- Gia tăng mức độ chiến tranh :

Chiến cuộc trong giai đoạn này càng ngày càng leo thang : các cuộc tiến quân ào ạt của quân chính qui Bắc-Việt vào miền Nam, tạo những áp lực mạnh mẽ đe dọa an nguy cho chính phủ Saigon. Để tạo thế quân bình lực lượng Hoa-Kỳ có đủ lý do đổ quân vào miền Nam đưa đến các cuộc đụng độ ác liệt giữa hai lực lượng này trên chiến trường miền Nam; cũng trong giai đoạn này Hoa-Kỳ đã oanh tạc toàn thể lãnh thổ Bắc-Việt. Trong khi đó sau cuộc cách mạng 1-11-63 là những chuỗi cơn sốt chính trị khiến cho các chính phủ kế tiếp nhau rời khỏi chính trường, trung bình chưa đầy 6 tháng thì có một nội các mới.

2)- Sự suy đồi tình trạng kinh-tế, tài chánh và xã hội

Những biến động chính trị, quân sự đã kéo theo tình trạng đen tối của đời sống xã hội : nạn nhân chiến cuộc mỗi ngày mỗi gia tăng, tại các vùng nông thôn thiếu an ninh đã tạo luồng sóng di cư từ quê ra tỉnh tạo ra những hệ quả thảm hại về hai phương diện xã hội và kinh tế. Đó là tình trạng khiếm hụt lúa gạo, gia tăng tệ đoan xã hội như du đàng, mại dâm do đời sống khó khăn và sự hiện diện quân đội đồng minh gây ra. Tình trạng bi thảm của nền kinh tế được đánh dấu bằng cuộc phá giá tiền tệ 18-6-1966; Một biến cố gây nhiều xúc động tâm lý, ảnh hưởng tới thái độ của dân chúng đối với chính quyền.

B.- CUỘC TRANH ĐẤU ĐÒI HỎI DÂN CHỦ

1)- Tướng Nguyễn-chánh-Thị bị cách chức :

Hội đồng quân lực và Ủy ban lãnh đạo quốc gia trong những ngày 11/3, 13/3 năm 1966 quyết định cho tướng Nguyễn-chánh-Thị tư lệnh vùng I chiến thuật kiêm đại biểu chính-phủ nghỉ việc với 32 phiếu thuận và 4 phiếu trắng (1); sau đó với 2 tội danh được Hội đồng kỷ luật quân đội nêu ra ngày 9-7-1966 để tuyên phạt 60 ngày trọng cấm và cho giải ngũ (2) vì tướng Thị :

- Cố tình hợp tác với các phe tranh đấu để âm mưu lật đổ chính phủ Trung-ương.

- Bất tuân thượng lệnh (mệnh lệnh do các công điện 705 và 735 ngày 16-5-1966 và ngày 21-5-1966 của bộ quốc-phòng).

Trên thực tế tướng Nguyễn-chánh-Thị đã bị mất chức ngay ngày 12-3-1966, và cũng trong ngày đó một số phản ứng

(1) Đoàn Thêm - "1966 Việc từng ngày" trang 42, 43.

(2) Đoàn Thêm - "1966 Việc từng ngày" trang 132.



đã được thể hiện qua việc Viện trưởng Viện Hóa Đạo, thượng toạ Thích-Tâm-Châu họp báo bày tỏ quan điểm trước các vấn đề thời sự, ngày 16-3-1966 tướng Nguyễn-chánh-Thị trở về Đà-Nẵng để mở đầu cho các biến động tại miền Trung.

2)- Lập trường của các tôn giáo đối với chính phủ :

Đặc biệt về lập trường của Phật giáo (qua vụ tướng Thi).

a)- Lập trường của Phật giáo : Thượng toạ Tâm-Châu trong buổi họp báo ngày 12-3-1966 đòi hỏi Ủy-ban lãnh đạo quốc gia chấm dứt giai đoạn lãnh đạo tạm thời, và lập-trường của Phật giáo được ghi rõ trong bản thông cáo ngày 21/VHD/TCBD được Viện Hóa Đạo phổ biến cùng ngày, gồm hai điểm then chốt.

- Phải có một quốc hội, một chính phủ đoàn kết quốc gia.
- Trọng dụng các tướng lãnh có công, xử đàng hoàng với tướng Thi.

b)- Về phía công giáo : Đối với chính phủ quân nhân được giới công giáo tin tưởng sẽ chống cộng tới cùng, nên có khuynh hướng ủng hộ hay ít ra không gây khó dễ cho chính quyền trong nỗ lực dồn mọi khả năng vào công cuộc chống Cộng. Nhưng thực ra lực lượng đại đoàn kết công giáo cũng không hài lòng mấy với các thành phần nhân sự trong ủy ban hành pháp trung ương và ủy ban lãnh đạo quốc gia. Trong bản nhận định phổ biến ngày 26 tháng 9 năm 1965 của Lực-lượng Đại đoàn kết nhằm "kiểm điểm tình hình chính trị sau 3 tháng chấp chánh của các tướng lãnh". Công giáo đã cho nội các chiến tranh là chính phủ Quát hơn thời Phan-huy-Quát : Những Đinh-trình-Chính, Nguyễn-tấn-Hồng, Trần-van-Kiện, Nguyễn-tất-Ứng, Trần-Ngọc-Ninh, Phạm-van-Liêu là thành phần Đại Việt.

Tuy phản đối chính phủ quân nhân của tướng Thiệu, tướng Kỳ. Nhưng khối công giáo không tiến tới giai đoạn bất tín nhiệm chính phủ.

3)- Các cuộc vận động của Phật giáo chống chính phủ :

a)- Thượng tọa Thích-trí-Quang : Thượng tọa Thích-trí-Quang được coi là một nhân vật tôn giáo có nhiều huyền thoại, chính ông đã trở thành thần tượng cho các cuộc tranh đấu sống còn của các Phật-tử tranh đấu và mộ đạo. Ký giả Suzanne Labin không ngần ngại gán cho ông là công sản Thích-trí-Quang, nhưng người ta vẫn cho đó là những nhận định lệch lạc, thiên vị, thiếu dữ kiện. Nhưng chính điểm này đã tạo cái vẻ bí mật quanh ông. Thượng tọa Trí-Quang tham gia cuộc tranh đấu Phật giáo chống tổng thống Ngô-dình-Diệm. Sau biến cố 1-11-1963 Ông được bầu làm Tổng thư ký Viện tang thống của giáo hội Việt-Nam thống nhất, nhưng ông ít khi tuyên bố và ít xuất hiện trước quần chúng. 1966 lực-lượng Phật giáo bị phân chia thành Ấn-Quang và Việt-Nam quốc tự, ông đã trở thành linh hồn của cuộc tranh đấu, đích thân điều động, hướng dẫn các cuộc vận động. Cuộc tranh đấu bị tàn lụi dần và lôi kéo theo những suy giảm uy tín của chính ông. 1968 trong biến cố Mậu-Thân ông bị chính quyền câu lưu vì coi là thành phần nguy hiểm cho an ninh quốc phòng. Tuy nhiên hiện tại ông vẫn là một trong những lãnh tụ uy tín nhất của Phật giáo Ấn-Quang.

b)- Các cuộc vận động : Ngày 10-3-1966 miền Trung bắt đầu sôi động khi đại tá Đàm-quang-Yên tư lệnh quân khu Đà-Nẵng và đại diện sinh viên học sinh Phật tử lên tiếng đòi hỏi chính phủ trung ương phải giữ tướng Thi trong chức vụ cũ, trên hệ thống truyền thanh quốc gia tại Đà-Nẵng.

Tại Saigon, tổng vụ thanh niên Phật-tử cho ra đời lực lượng thanh niên Phật-tử hội thảo về bản thảo số của Viện Hóa Đạo; buổi hội thảo được kết thúc bằng bản nhận định nhìn nhận các điểm mà Viện Hóa Đạo nêu ra ngày 13-3-66

là chính đáng và hợp lý vì vậy lực lượng thanh niên Phật-tử quyết tranh đấu đòi chính phủ thực hiện.

Với thời gian cuộc tranh đấu càng ngày càng quyết liệt và có màu sắc bạo động :

- Biểu tình có võ trang, bắn phá vào các cơ sở đảng phái và tôn giáo khác điển hình là vụ Tam tòa và việc đốt trụ sở Việt-Nam Quốc Dân Đảng tại miền Trung.

- Chiếm đài phát thanh để phổ biến tuyên ngôn, tuyên cáo của lực lượng tranh đấu chống chính-phủ Trung-Ương.

- Việc tranh đấu lôi kéo nhiều tiểu đoàn có võ trang theo phe tranh đấu chống chính phủ.

- Đốt phá các cơ sở ngoại quốc.

#### 4)- Đường hướng giải quyết của chính quyền Trung-Ương

Việc thay tướng Thi có lẽ là một giải pháp phòng hờ của chính phủ trung ương trước hiểm họa tạo vùng "tự trị tại miền Trung" của tướng Thi. Chính phủ không tiên liệu trước những mầm mống phát khởi cuộc tranh đấu, vì thế lúc đầu chính phủ tỏ ra lúng túng, không dứt khoát trước những yêu sách của Phật giáo. Đến khi cuộc tranh đấu trở thành dữ dội chính phủ đã phải xử dụng tới những biện pháp cứng rắn song song với những nhượng bộ nhằm xoa dịu những chống đối.

##### a)- Giải pháp cứng rắn :

Trước những cuộc biểu tình liên tiếp tại Việt-Nam quốc tự, Ấn-Quang và những mầm mống chia rẽ hàng ngũ quân-dội và công chức tại các tỉnh miền Trung và các tỉnh thuộc quân khu II, chính phủ đã phải áp dụng một số biện pháp sau để duy trì trật tự :

- Giải tán các ban tuyên úy Phật giáo cấp tiểu đoàn và đại đội (1).

- Dùng lực lượng cảnh sát và quân đội để giải phóng miền Trung, dẹp loạn ly khai tại Huế, Đà-Nẵng, Đà-Lạt, Nha-Trang.

- Cho quân đội tiến chiếm và lục soát Trụ sở Tổng vụ thanh niên Phật-tử (Trung tâm Quảng-Đức), Việt-Nam Quốc Tự ngày 23-6-1966, Ấn-Quang ngày 27-6-1966 là những cứ điểm của các cuộc tranh đấu.

- Các cuộc biểu tình bị chính quyền thẳng tay trừng trị.

- Lên án và truy tố ra tòa các phần tử tranh đấu : tòa án quân sự vùng 2 lên án phạt : 2 án 10 năm khổ sai, 2 án 10 năm tù ở cho các phần tử tranh đấu. 1968 an trí thượng tọa Trí-Quang, Hộ-Giác, Liễu-Minh, Nhật-Trường và cán bộ Phật giáo. 1969 lên án 15 năm khổ sai cấm cố cho thượng tọa Thiện-Minh (tòa án quân-sự vùng III).

b)- Những giải pháp nhằm tiến tới chế độ hợp lý : Song song với những biện pháp cứng rắn Ủy ban lãnh đạo quốc gia cố gắng tìm mọi phương cách nhằm xoa dịu những chống đối và đòi hỏi của Phật giáo cũng như của dân chúng. Chính phủ đã bước lần từ chế độ quân sự đến một chế độ dân chủ và có tính cách dân sự.

- Trước hết là đại hội chính trị do chính quyền triệu tập nhằm tìm hiểu nguyện vọng dân chúng. Trong buổi khai mạc đại hội người ta thấy sự hiện diện của một số lãnh tụ tôn giáo ngoại trừ lực lượng Ấn-Quang do thượng tọa Trí-Quang đứng đầu.

. Về phía Công giáo có Tổng giám mục Nguyễn van Bình, linh mục Hoàng-Quỳnh.

(1) Đoàn Thêm "1966 Việc từng ngày" trang 115.

. Về phía Phật giáo có thượng tọa Thích-Tâm-Châu.

- Mở rộng thành phần lãnh đạo quốc gia với sự tham dự của 10 nhân-vật dân sự, tiêu biểu cho các tôn giáo lớn (ngoại trừ Phật giáo) Nguyễn-van-Huyền, Vũ-ngọc-Trần (công giáo) Trần van Ân, Van-thành-Cao (Cao Đài), Quan-hữu-Kim, Huỳnh-van-Nhiệm (Hòa-Hảo) (1).

- Triệu tập đại hội quân dân.

- Ban hành sắc luật bầu cử quốc-hội lập hiến để soạn thảo hiến pháp ngày 14-4-1966.

c)- Phản ứng Phật giáo đối với những đường lối giải quyết : Những giải pháp nhằm thỏa mãn yêu sách của Phật-giáo thường đi sau hay song hành với những biện pháp mạnh. Khiến các lực lượng tranh đấu Phật giáo có mặc cảm bị chính quyền dồn vào chân tường nên họ cũng có những phản ứng rất quyết liệt. Ngoài các cuộc biểu tình bạo động còn có các cuộc tuyệt thực tập thể các tang ni, chính thượng tọa Trí-Quang đã tuyệt thực kéo dài 100 ngày? Quyết liệt hơn ông đã kêu gọi Phật tử đưa bàn thờ Phật ra đường để chặn các cuộc hành quân của cảnh sát và quân đội, cùng trong khoảng thời gian này, các vụ tự thiêu được gia tăng (có tới 6, 7 vụ).

Đảng khác Phật giáo Ấn-Quang cũng tỏ ra tiêu cực, hờ hững trước các cuộc bầu cử quốc hội lập hiến, bầu cử tổng thống và thượng nghị viện, hạ viện pháp nhiệm I do hai tướng Thiệu - Kỳ đứng ra tổ chức, mặc dù trước kia Phật giáo tranh đấu với mục tiêu đòi hỏi một chính phủ dân cử!

C.- Hậu quả và sắc thái mới của cuộc tranh đấu :

1)- Hậu quả :

a)- Sự chia rẽ trong hàng ngũ lãnh đạo tôn giáo : Trong giai đoạn này đưa tới sự phân tán lực lượng Phật-giáo

(1) Đoàn Thêm, Những việc xảy ra từng ngày 1966, trang 168.

đồng thời đưa tới sự rạn nứt quan điểm chính trị của khối công giáo vẫn tự coi mình là lực lượng thuần nhất trên mọi lãnh vực.

\* Phật giáo : Có thể nói lực lượng Phật giáo không phải mãi tới cuộc tranh đấu 1966 mới có sự chia rẽ. Thực sự sau cách mạng 1-11-1963 hội nghiên cứu Phật học Nam Việt của ông Mai-thọ-Truyền tổ ra ở hồ và không tham gia tổ chức giáo hội Việt-Nam thống nhất. Trong thời chính phủ Trần-van-Hương, một nhóm thượng tọa tách khỏi Phật giáo thống nhất thành lập Tổng hội Phật giáo do hòa thượng Thích-minh-Trực làm hội trưởng. Nhưng sang giai đoạn tranh đấu chống chính phủ Thiệu Kỳ thì lực lượng Phật giáo thực sự bị chia rẽ trầm trọng do sự cách biệt về lập trường và phương cách tranh đấu của các cấp lãnh đạo cao cấp trong giáo hội.

- Một bên chủ trương tranh đấu ôn hòa, tiến tới thỏa hiệp với chính quyền (Thích-Tâm-Châu).

- Một bên chủ trương tranh đấu quyết liệt, quyết loại bỏ hai tướng Nguyễn-van-Thiệu và Nguyễn-cao-Kỳ ra khỏi chính trường (Thích-trí-Quang).

Sự khác biệt về lập trường và phương cách tranh đấu này đã khiến Phật-giáo thống nhất bị chia hai : Phật giáo Quốc-tự thân chính quyền soạn thảo một bản hiến chương mới và được chính quyền thừa nhận, trái lại Phật giáo Ấn-Quang chống đối chính quyền áp dụng bản hiến chương cũ.

\* Công giáo : Như trên đã trình bày lực lượng công-giáo thực sự cũng không thỏa mãn gì với chính quyền quân nhân có nhiều hình bóng các phần tử Đại Việt quan lại, nhưng công giáo lại ủng hộ lập trường chống cộng của giới quân nhân. Đến khi có cuộc khủng hoảng Phật giáo với chính quyền, công giáo ở trong trạng thái chờ đợi (wait and see) không ủng hộ Phật giáo nhưng cũng không bênh chính quyền, khi cuộc tranh đấu của Phật giáo sang giai đoạn quyết liệt,

nhiều xáo trộn xảy ra làm suy giảm tiềm lực chống cộng, công giáo bắt đầu phản ứng nhưng rời rạc và không có tính cách toàn thể : từ các cuộc biểu tình tại vùng Xóm Chiếu ngày 5-4-1966 đến ngày vùng dậy của thanh niên Lam-Son do lực lượng đại đoàn kết tổ chức nhằm lên án những vụ biểu tình gây rối loạn. Trong khi đó, linh mục Hoàng-Quỳnh tự ý rút lui khỏi lực lượng đại đoàn kết vì bất đồng ý kiến với các linh mục trong chủ tịch đoàn của lực lượng đại đoàn kết, linh mục Hoàng-Quỳnh đứng ra lập một tổ chức mới mệnh danh là "mặt trận công dân các tôn giáo", tỏ vẻ thân thiện với Ấn-Quang. Cùng lúc đó, lực lượng đại đoàn kết bầu lại ban chấp hành gồm có chủ tịch đoàn và một phát ngôn viên kiêm chức tổng thư ký là linh mục Trần Du; lực lượng thanh niên đại đoàn kết do ông Nguyễn-gia-Hiến làm chủ tịch biến dần thành một đảng phái chính trị. Kể từ đó, khối công giáo bị phân tán ra nhiều tổ chức, nhiều nhóm mà chủ tịch đoàn lực lượng đại đoàn kết không còn đủ uy tín chỉ phối và kiểm soát các lực lượng đó như thời linh mục Hoàng-Quỳnh làm chủ tịch.

b)- Sự thất bại của Phật giáo : Những phản ứng của Phật giáo đối với những biện pháp của chính phủ, không tạo được những thành quả như các cuộc vận động trước : chính phủ Thiệu-Kỳ vẫn còn, các cuộc rối loạn lần lần bị dẹp tan, lực lượng Phật giáo lại bị chia rẽ, tiềm lực bị suy giảm và khếch tán.

\* Lý do thành công của các cuộc vận động trước : Trong các giai đoạn đầu của các cuộc vận động của tôn giáo trong địa hạt chính trị, Phật giáo thành công trong cuộc tranh đấu sống còn với chế độ Ngô-dình-Diệm, Trần-van-Hương. Công giáo là một e ngại cho chính phủ Nguyễn Khánh, lật đổ được chính phủ Phan-huy-Quát là nhờ vào hoàn cảnh và các yếu tố ngoại lai thuận tiện cho cuộc tranh đấu :

- Sự thống nhất ý chí của tổ chức tranh đấu nhằm vào mục tiêu duy nhất : bảo vệ đạo pháp, cứu nguy sự sinh tồn quốc gia...

- Có sự hỗ trợ hay ít ra có sự im lặng của các lực lượng bên ngoài là Cộng-sản và Hoa-Kỳ.

\* Sự xuống dốc của các lực lượng tôn giáo  
(trong giai đoạn II)

Cuộc tranh đấu của Phật giáo đòi chính phủ dân cử bị kết thúc thể thảm cho lực lượng Phật giáo, theo đúng định luật thăng trầm của lịch sử, có 3 lý do quan trọng đưa đến sự thất bại này.

- Sự chán nản và bất mãn quần chúng trước những xáo trộn : Trước hết chúng ta thấy trong cuộc vận động chống chính phủ Nguyễn-van-Thiệu, Nguyễn-Cao-Kỳ được tiếp theo chuỗi ngày xáo trộn từ 1963 mà hậu quả đưa tới nhiều khó khăn trong đời sống xã hội, nên dân chúng có khuynh hướng ủng hộ một chính phủ mạnh, có khả năng ổn định trật tự với bất cứ giá nào. Và lại, những kỹ thuật tranh đấu như biểu tình, tuyệt thực, tự thiêu không còn gây xúc động trong dư luận, ngay cả việc đưa bàn thờ Phật ra đường cũng không đủ tạo áp lực và gây tiếng vang thuận lợi, vì lý do bảo vệ đạo pháp đã trở thành lu mờ trước những mục tiêu chính trị của cuộc tranh đấu.

- Dư luận quốc tế không còn hữu ích : Đối với các cuộc tranh đấu trước của Phật giáo nhất là dưới thời đệ I Cộng-Hòa, dư luận thế giới, hầu như ủng hộ triệt để các cuộc vận động của Phật giáo. Nhưng tiếp sau là những cuộc tranh đấu có tính cách phi tôn giáo, đã khiến dư luận thế giới nghi ngờ mục tiêu tranh đấu của giới lãnh đạo Phật-giáo, từ trạng thái nghi ngờ dư luận trở thành bất thân thiện với các cuộc tranh đấu dưới thời ủy ban lãnh đạo quốc gia. Giáo hội Phật-giáo Đài-Loan gửi thư khuyên Phật giáo Việt-Nam ôn hòa và tránh xung đột với chánh quyền để còn chống cộng (1), ông Tổng thư ký Uthant (Liên Hiệp Quốc)

(1) Đoàn Thêm, 1966 Việc xảy ra từng ngày 94, 102, 116, 119.



cũng cho rằng các vụ tự thiêu không lợi cho mục tiêu đấu tranh của Phật giáo (1). Trong khi đó, tổ chức Phật giáo thế giới có thái độ quyết liệt hơn khi tổ chức này bắt đầu sửa bản nội qui nhằm cấm các tang sĩ Phật giáo làm chính trị (2), chủ tịch Phật giáo là công chúa Pismai tại Vọng-Các đã tuyên bố không thể giúp gì cho Phật giáo Việt-Nam khi các tang sĩ hoạt động chính trị (3).

- Những cố gắng của Hoa-Kỳ : Giai đoạn này, chúng ta chứng kiến một sự kiện khá hài hước : 1963 chính Hoa-Kỳ đã tích cực ủng hộ Phật giáo chống chính phủ Ngô-dình-Diệm, nhưng cũng chính Hoa-Kỳ trong 1966 lại trợ giúp chính phủ Nguyễn-Cao-Kỳ dẹp tan những cuộc tranh đấu của Phật giáo, Thứ trưởng ngoại giao đặc trách Á-Châu sự vụ là Geogre Ball Bundy cho rằng "Phật giáo muốn thao túng chính trường với những mục đích không rõ rệt". Nhưng điểm quan trọng có lẽ là cuộc tranh đấu của Phật giáo tỏ ra mâu thuẫn với chính sách Hoa-Kỳ. Khi họ đang đổ quân vào Việt-Nam với nhiều nỗ lực để đè bẹp đối phương, trong khi có các cuộc tranh đấu của Phật giáo theo nhận xét của bộ trưởng quốc phòng Mac Namara thì "sức chiến đấu quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa ở vùng I và vùng II bị giảm sút vì sự xáo động của các tuyên úy Phật giáo". Vì thế, tổng thống Hoa-Kỳ Johnson đã sử dụng uy tín và khả năng của mình giúp các tướng lãnh giải quyết các cuộc tranh chấp với Phật giáo. Điều này có nghĩa Hoa-Kỳ không muốn Phật giáo phá vỡ kế hoạch chống cộng của họ tại Việt-Nam, do đó họ đã cố gắng duy trì một chính phủ quân nhân thân Mỹ, ngõ hầu chính sách Hoa Kỳ tại Đông Nam Á không ra ngoài những mục tiêu mà họ đã dự trù.

## 2)- Sắc thái mới của cuộc tranh đấu :

a)- Các cuộc vận động có tính cách chính trị nhiều hơn là tôn giáo. Kể từ các cuộc vận động dưới thời chính phủ Trần-van-Hương, các hoạt động của Phật giáo khác hẳn

(1)(2)(3) Đoàn Thêm, 1966 việc xảy ra từng ngày 94, 101, 116, 119.

cuộc tranh đấu dưới chế độ đệ nhất cộng hòa mang màu sắc bảo vệ đạo pháp, các cuộc tranh đấu sau này đều nhuộm màu chính trị hơn là đạo pháp. Chính sự kiện này đã xóa bỏ hẳn những lời xác nhận của một vài nhân vật Phật giáo khi tuyên bố : "các tăng sĩ không làm chính trị". Thực tế các nhà sư đã tích cực làm chính trị nhằm thay đổi chế độ, thay đổi các nhà lãnh đạo "chúng ta đứng dậy không phải chỉ bảo vệ giáo kỳ mà còn lật đổ chính phủ độc tài hầu xây dựng một chế độ dân chủ" (1). Điều này có nghĩa trong giai đoạn này Phật giáo đã từ bỏ đường lối chỉ tranh đấu đòi thay đổi chính sách, chứ không thay đổi chế độ (có nghĩa là chính phủ hiện hữu). Sự thay đổi mục tiêu và đường lối tranh đấu, đã làm cuộc tranh đấu không lối cuốn được quần chúng và dư luận, điều này cũng có thể giải thích phần nào lý do tại sao chính phủ đã thành công trong việc dẹp tan cuộc tranh đấu.

b)- Vừa vận động vừa chống Hoa-Kỳ : Cuộc tranh đấu của Phật giáo không những chỉ hướng vào chính phủ hiện hữu tại Việt-Nam mà còn nhằm vào một đối tượng khác nữa là người Hoa Kỳ.

Phật giáo đòi hỏi quân đội đồng-minh phải rút ra khỏi Việt-Nam, việc chống đối sự hiện diện của Hoa Kỳ được thể hiện qua các cuộc biểu tình đốt phá thư viện, phòng thông tin và tòa lãnh sự Hoa-Kỳ tại Huế các ngày 26-5-1966 và 1-6-1966.

Mặc dù chống Mỹ, Phật giáo cũng có những cuộc vận động yêu cầu người Mỹ giúp đỡ cuộc tranh đấu, thôi ủng hộ chính phủ quân nhân : Thượng Tọa Thích-trí-Quang 3 lần yêu cầu Tổng-Thống Johnson và quốc-hội Mỹ đừng ủng hộ chính-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ (2). Khi làm công việc này, giới lãnh-đạo Phật giáo đã hiểu được khả năng của Hoa-Kỳ trên chính-trường Việt-Nam : "nếu không có sự trợ giúp của Hoa-Kỳ, bất cứ một chế độ nào ở Việt-Nam khó mà đứng vững".

(1) Thích Thiện Hoa, 25-5-1967.

(2) Đoàn Thêm "việc xảy ra hàng ngày 1966" trang 95.

Đoạn III : GIAI ĐOẠN CỨNG CỐ LẠI LỰC LƯỢNG (1967-1972)

Mặc dù cuộc chống đối của Phật giáo vẫn tiếp tục, nhưng cường độ cuộc tranh đấu lần lần suy giảm. Chính-quyền tổ chức bầu cử quốc hội lập hiến, ban hành hiến pháp 1-4-1967. Các cơ chế hiến định lần lượt thành hình qua các cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, Thượng nghị viện, Hạ-nghị-viện, Tối Cao Pháp Viện v.v.. Các tôn giáo trong giai đoạn này với các kinh nghiệm thu lượm được trong những giai đoạn tranh đấu, nên đã tỏ ra dè dặt thận trọng hơn trong mọi hoạt động liên quan tới chính trị.

Công giáo - linh mục Hoàng Quỳnh trong mặt trận các công dân công giáo đã có những hoạt động có tính cách gây thiện cảm giữa các tôn giáo hơn là chính trị, lực lượng đại đoàn kết bị tan rã, chỉ có lực lượng thanh niên đại đoàn kết biến thành một chính đảng, hoạt động theo khuôn khổ lực lượng đại đoàn kết cũ.

Phật giáo tuy còn chống chính quyền, nhưng sự chống đối có tính cách tượng trưng. Những cố gắng của giáo hội Phật giáo nhằm tổ chức lại hạ tầng cơ sở nhất là tại miền Trung được coi là địa bàn hoạt động của Phật giáo Ấn-Quang. Trong khi đó, bên Việt-Nam Quốc-Tự cố gắng duy trì hoạt động bình thường của Nha Tuyên úy Phật giáo và miền Vĩnh-Nghiêm.

A.- CÔNG GIÁO VỚI LỰC LƯỢNG ĐẠI ĐOÀN KẾT  
(trở thành một chính đảng)

Lực lượng công giáo cũng như bất cứ một đoàn thể nào khác, thường có khuynh hướng thay đổi tên, hay thành lập các đoàn thể ngoại vi để cho thích ứng với từng giai-đoạn tranh đấu. Ngược lại, cũng có khi có sự tách rời giữa những phe nhóm trong cùng một lực lượng thành nhiều tổ chức khác nhau với các lập trường dị biệt. Sau khi mặt trận trung ương tranh đấu công giáo biến thành lực lượng đại đoàn kết, người ta thấy lần lượt xuất hiện một số tổ

chức ngoại vi như thanh niên đại đoàn kết, sinh viên tự dân; một số tổ chức khác ngoài lực lượng đại đoàn kết như mặt trận công giáo dân, quốc dân liên hiệp. Dưới thời tranh đấu chống chính phủ Phan-huy-Quát các tổ chức trên liên hiệp trong một tổ chức mệnh danh là ủy ban điều hợp với mục đích tăng cường uy tín và hiệu năng hoạt động dưới danh nghĩa khối công dân công giáo (điều 2 chương I, qui ước ủy ban điều hợp Trung-ương). Với thời gian, các tổ chức này bị tan rã, hay chỉ hoạt động tiêu cực, riêng lực lượng thanh niên đại đoàn kết được biến đổi thành một chính đảng mệnh danh là lực lượng đại đoàn kết. Ngoài lực lượng này, một số chính đảng khác như Nhân xã, Cộng hòa đại chúng, dân chủ Thiên chúa giáo cũng đang hoạt động tại các giáo xứ.

1)- Hệ-thống tổ chức :

Lực lượng đại đoàn kết được chính quyền thừa nhận qua công văn số 1666 BNV/KS ngày 4-3-1965 của bộ nội vụ. Theo bản nội qui của tổ chức, chúng ta thấy lực lượng Đại Đoàn Kết tự xác nhận là một đoàn thể chính trị hoạt động công khai trên toàn thể Việt-Nam Cộng Hòa (điều 2).

a)- Mục tiêu lực lượng : Sinh hoạt chính trị của lực lượng bao gồm hai mục tiêu chính yếu :

- Chống Cộng-sản và mọi chế-độ chính trị có xu hướng thân Cộng-sản.
- Bảo vệ tự do tín ngưỡng, tổ quốc, nhân quyền, dân quyền.

b)- Tổ chức và thành phần tham gia :

\* Thành phần : gồm các đoàn viên :

- có quốc tịch Việt-Nam, hưởng đủ quyền công dân
- chấp thuận điều lệ và nội qui của lực lượng.
- được một đoàn viên cũ giới thiệu và xin gia nhập đoàn viên của lực lượng.

Trên thực tế các đoàn viên lực lượng đại đoàn kết đều là những tín đồ công giáo, rải rác trong các xứ đạo, sự tham gia của các đảng viên này thiếu tính chắc chắn và rõ ràng. Sự gia nhập và ly khai đoàn viên trên thực tế thiếu sự kiểm soát và kiểm kê.

\* Tổ chức : Theo điều 9 và các điều kế tiếp của bản nội lệ : lực lượng Đại đoàn kết đạt đơn vị căn bản là xã, nhưng trên thực tế thì lấy xứ đạo làm đơn vị chính. Tổ chức theo hệ thống dọc từ trên xuống dưới, nghĩa là đi từ xứ đạo hợp thành hạt hay quận bộ, tỉnh bộ hay thành bộ, liên tỉnh và cuối cùng là trung ương bộ lực lượng Đại Đoàn Kết.

Tại mỗi bộ của lực lượng đều có một ban chấp hành gồm có :

- 1 Chủ tịch
- 1 hay nhiều Phó Chủ-tịch
- 1 thư ký - tại trung ương gọi là Tổng thư ký
- 1 thủ quỹ
- 1 số ủy viên phụ trách các hoạt động chuyên biệt.

Thành phần lãnh đạo Trung ương của tổ chức hiện tại phần lớn là những thành phần thuộc giới trẻ như Nguyễn gia Hiến, Nguyễn văn Bách, Hoàng-thái-Ninh v.v.. Ngoài ra còn có một số các cố vấn hay đoàn viên danh dự là những tu sĩ hợp thành ủy ban tư vấn bên cạnh ban chấp hành của mọi cấp bộ.

## 2)- Thành tích hoạt động của lực lượng Đại Đoàn Kết

Sự thành hình của lực lượng Đại Đoàn Kết phát xuất từ sự chia rẽ của lực lượng công giáo, nhờ sự rút lui của linh mục Hoàng-Quỳnh, các phần tử trẻ được tự do hoạt động và cũng vì thế sinh hoạt chính trị của lực lượng này có tính cách ôn ào, phô trương nhiều hơn là củng cố và phát triển lực lượng. Từ ngày thành lập tới nay, lực lượng mới

thực hiện được một đại hội, ngoài ra những hoạt động phần lớn là những cuộc biểu tình, xuống đường để ủng hộ hay phản đối lập trường của các lực lượng khác :

- Các cuộc biểu tình tại các xứ đạo Chí Hòa, Hồ Nai... chống gây xáo trộn... chống đại sứ Mỹ Cabot Lodge.

- Phản đối hòa bình thiên Cộng.

- Vùng lên của thanh niên "Lam Sơn" để biểu dương lực lượng tại Saigon.

- Biểu tình yêu cầu duy trì "Đảng tối cao" trong bản Hiến pháp.

Ngoài ra, còn có những lời tuyên bố của các lãnh tụ lực lượng, thường là những lời tuyên bố có tính cách cứng rắn, hoặc đã kích, hoặc ủng hộ các vấn đề liên quan tới "công cuộc chống Cộng". Thành tích đáng kể của lực lượng Đại Đoàn Kết là đưa được một liên danh "sao sáng" do lãnh tụ Nguyễn Gia Hiến là thụ ủy vào Thượng nghị viện trong cuộc bầu cử 3-9-1967, lực lượng Đại Đoàn Kết cũng được mời tham gia liên minh quốc gia Dân Chủ Xã Hội của tổng thống Nguyễn-văn-Thiệu những sự kiện trên đã chứng tỏ ảnh hưởng của lực lượng trên chính trường. Tuy nhiên, với thời gian, vì thiếu khả năng tổ chức và lãnh đạo nên lực lượng đã mất đi sự ủng hộ của các tín đồ công giáo, điều này khiến cho lực lượng bị tan rã dần với sự đổ vỡ của liên minh quốc gia dân chủ xã hội và nhất là sự thất bại của liên danh "sao sáng" trong cuộc bầu cử 1970, sau đó là sự thất cử của lãnh tụ Nguyễn Gia Hiến trong cuộc tranh cử vào Hạ-nghị-viện ngay tại đơn vị Biên-Hòa, nơi được coi là cứ điểm của lực lượng Đại Đoàn Kết.

Nhìn một cách bao quát, lực lượng Đại Đoàn Kết là một đoàn thể chống Cộng, không có bản chất một chính đảng thuần túy vì tính cách mơ hồ của nó trong việc thu nhận, khai trừ và sự kiểm soát đảng viên. Phần lớn những hoạt-

động đều dựa vào khuôn khổ một xứ đạo, vì thế lực lượng có tư thế một đoàn thể áp lực của Công-giáo, các tín đồ sẽ ủng hộ lực lượng khi thấy có ích lợi cho tôn giáo và họ không muốn trở thành một đảng viên trung tín để phải tuân theo chỉ thị của đảng, mặc dù họ đã chính thức gia nhập!

Trước đây suy yếu của lực lượng, các lãnh tụ đảng muốn tổ chức lại và liên kết với một đảng khác mệnh danh là Nhân xã đảng là hậu thân của Đảng Cần Lao nhân vị, hoạt động của đảng này cũng dựa vào tín đồ Công-giáo và những người ái mộ tổng thống Ngô-dình-Diệm.

Sự liên kết hai đảng này, phần nào có thể cứu vãn tình trạng xuống dốc của các lực lượng chính trị của người công giáo.

## B.- PHẬT GIÁO VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG Củng Cố LỰC LƯỢNG

### 1)- Những hoạt động có tính cách nội bộ :

Vụ thất bại miền Trung 1966, Phật giáo đã suy yếu nhiều, qua sự mất tín nhiệm với quần chúng và tiềm năng của tổ chức bị tan rã sau các cuộc tẩy thanh của lực lượng chính phủ. Vì thế Phật giáo đã phải quay về với công việc nội bộ, lo chấn chỉnh lại hàng ngũ, khai sinh một số đoàn thể ngoại vi, thuộc quỹ đạo của giáo hội, mặt khác giáo hội Ấn-Quang vẫn cố gắng duy trì những hoạt động chính trị thường xuyên, như bày tỏ quan điểm hay thái độ của giáo hội trước những vấn đề thời sự. Sự tranh đấu có tính cách cầm chừng, chứ không mãnh liệt như các cuộc tranh đấu trước.

### a)- Tranh chấp giữa Việt-Nam Quốc Tự và Ấn-Quang :

Sự chia rẽ Phật-giáo thống nhất có lập trường đối nghịch với nhau, bắt đầu do sự khác biệt về phương cách tranh đấu đòi hỏi quốc hội dân cử. Trái với sự mong mỏi của mọi người : với niềm hy vọng có sự tái hòa hợp trong một tổ chức duy nhất. Nhưng thực tại trái ngược hai bên Phật-giáo : Quốc Tự và Ấn-Quang không những không xích lại gần nhau mà lại có khuynh hướng thù nghịch.

\* Quá trình sự rạn nứt : Trước những phương cách tranh đấu quyết liệt như việc đem bàn thờ Phật ra đường, thượng tọa Thích-Tâm-Châu lên tiếng chỉ trích hình thức tranh đấu này. Sau đó, vì ông đã cố gắng thương thảo với chính quyền để cứu vãn tình trạng bi đát của Phật giáo. Theo văn thư của chủ tịch Hành-pháp trung ương gửi cho thượng tọa Thích-Tâm-Châu ngày 30-6-1966. Chính phủ cam kết những điểm sau theo lời đề nghị của thượng tọa Thích-Tâm-Châu :

- Tôn trọng chùa chiền
- Bảo vệ an ninh cho các tang ni
- Thả người bị bắt
- Khoan hồng đối với những phần tử tranh đấu.

Ngược lại, thượng tọa Thích-Tâm-Châu cũng cam kết Phật giáo sẽ chấm dứt cuộc tranh đấu.

Thỏa hiệp này đã được Viện Hóa Đạo cứu xét và bác bỏ ngày 11-7-1966 tại chùa Ấn-Quang (nhưng vắng mặt thượng tọa Thích-Tâm-Châu), Hội-Đồng Viện ra thông cáo đòi thượng tọa Tâm-Châu về họp, nhưng ông đã từ chối; hôm sau Viện Hóa Đạo bầu thượng tọa Thích-Thiện-Hoa làm quyền viện trưởng Viện Hóa Đạo; trong khi đó, thượng tọa Thích-Tâm-Châu vẫn xác nhận là còn giữ chức Viện trưởng Viện Hóa Đạo. Sự tranh chấp bùng nổ đưa đến sự có mặt của hai tổ chức cũng có tên là Phật giáo Việt-Nam thống nhất.

\* Các hình thức chống đối : Sự tranh chấp giữa hai tổ chức vẫn còn âm ỷ, mặc dầu mỗi bên đều thành lập các cơ chế riêng biệt : Từ các cuộc biểu tình chống đối, khiêu khích lẫn nhau, tố cáo đối phương gây chia rẽ hàng ngũ giáo hội đến những lời lẽ tố cáo công khai trên các văn thư, các cuộc họp báo bằng những lời lẽ thậm tệ. Mức độ chống đối lẫn nhau càng ngày càng gia tăng qua các cuộc xô xát đẫm máu tranh giành khu đất Quốc Tự. "Ấn-Quang chiếm, Quốc Tự tái chiếm". Hậu quả là hai tổ chức mất nhiều cơ hội đoàn kết để xây dựng giáo hội.



b)- Hoạt động phát triển tổ chức :

Phía Việt-Nam Quốc-Tự hiện nay chỉ còn vồn vẹn một số tín đồ thuộc miền Vĩnh Nghiêm và Gia-Định, giáo hội "Quốc Tự" trong thời gian qua đã hướng vào hai hoạt động chính yếu :

- Hoạt động xã hội : Vì thượng tọa Thích-Tâm-Châu là Chủ-tịch hội Phật giáo phụng sự xã hội (thế giới) nên đã cho bành trướng các cơ sở, các chi hội xã hội tại Việt-Nam.

- Hoạt động trong ngành tuyên úy Phật-giáo : Tổ-chức Việt-Nam quốc tự được chính phủ thừa nhận; vì vậy, các vấn đề liên quan tới nha tuyên úy Phật giáo đều do khối Quốc-Tự đảm trách : tổ chức này đã cố gắng tuyển chọn, huấn luyện các tu sĩ để gia nhập ngành tuyên úy trong các đơn vị quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

Bên Ấn-Quang, người ta ghi nhận sự cố gắng vượt mức của giáo hội trong việc tăng cường sức mạnh giáo hội, qua những hoạt động tại các đơn vị hạ tầng, thành lập một số các đoàn thể; triệu tập các đại hội, kết quả ghi nhận như sau.

- Đại hội hoàng pháp từ 4/5 đến 9/5/1966 thu hút đại biểu của 59 tỉnh trên toàn quốc.

- Đại hội giáo dục : gồm có 20 phật học viện, 150 trường Bồ đề và viện đại học Vạn-Hạnh.

- Đại hội thanh niên Phật tử 5/7 đến 7.7.1969.

- Đại hội cư sĩ tháng 11/1969 gồm trên 600 đại biểu. Những thành tích trên đã nói lên phần nào khả năng và sức mạnh khối Ấn-Quang trong cộng đồng sau một thời gian đen tối đi qua.

2)- Những hoạt động đối lập của Phật giáo Ấn Quang - thành lập đảng Phật xã.

Tuy giáo hội đặt trọng tâm vào việc phát triển tổ chức, nhưng không phải bỏ quên mọi vấn đề xảy ra bên ngoài.

Phật giáo Ấn Quang vẫn có những hành động nhằm chống đối chính quyền qua nhiều vấn đề.

- Phản đối chính quyền thừa nhận bản hiến chương do thượng tọa Thích Tâm Châu đệ trình.

- Phản đối luật bầu cử, kết quả bầu cử tổng thống và phó tổng thống nhiệm kỳ I.

Nhưng sự đối lập của Phật giáo được thể hiện một cách rõ rệt qua những hoạt động tích cực của các lãnh tụ Phật giáo Ấn Quang, để có thể cho ra đời một đảng chính trị có khuynh hướng Phật giáo là đảng Phật-Xã.

Thực sự danh từ Phật-xã, vấn đề tương quan giữa tôn giáo và đảng tương lai vẫn đang còn trong giai đoạn tranh luận.

Theo nghị sĩ Trần-quang-Thuận, giới thân cận của Ấn-Quang (1) thì một tổ chức chính trị của giáo hội Phật-giáo trong tương lai rất cần thiết để giữ nhiệm vụ nghiên cứu và hành động trong các vấn đề chính trị. Bộ phận chuyên trách về vấn đề chính trị này có thể là một đảng chính trị hoạt động trong chiều hướng của giáo hội.

- Về danh xưng theo nghị sĩ Trần-quang-Thuận có lẽ danh từ Phật-xã không được dùng vì làm chính trị không nên đem Phật để làm chiêu bài, chữ "xã" cho người ta liên tưởng tới đảng quốc xã của Đức... Có lẽ vì thế phải dùng một danh từ khác để thay thế.

(1) Trần-Quang-Thuận, trả lời cuộc phỏng vấn của sinh viên biên soạn ngày 29-2-1972 tại Thượng-nghị-viện.

- Tổ chức của đảng : về thành phần tham gia, đảng có thể thu nhận mọi công dân (chứ không dành riêng cho Phật-tử) có cùng lập trường chính trị : là phục vụ quốc gia dân tộc.

Sự thành hình đảng sẽ được quan niệm bằng sự thiết lập và củng cố các cơ sở địa phương, tiến lên từ các tổ chức cơ bản như xã-ấp, tỉnh, lên tới trung ương. Sự có mặt tổ chức trung ương chỉ có khi các cơ sở hạ tầng được tổ chức, hoạt động và tỏ ra có thực lực.

- Tương quan giáo hội và chính đảng : Trước hết tổ chức một đảng có khuynh hướng Phật giáo sẽ không có bóng dáng của các tu sĩ, vì các tăng sĩ phải lo việc đạo nhiều hơn. Phần vụ hoạt động trong đảng sẽ do các Phật-tử đảm nhiệm, Giáo hội sẽ đóng nhiệm vụ cố vấn và hướng dẫn mà thôi. Tuy nhiên, vấn đề có thể được đặt ra : nếu có sự mâu thuẫn hay dị biệt về lập trường chính trị giữa đảng và giáo hội sẽ giải quyết ra sao ? Nếu sự cách biệt không giải quyết được liệu đảng có thể tồn tại và hoạt động được khi đảng không còn được giáo hội ủng hộ.

Cũng theo Nghị-sĩ Trần-quang-Thuận tổ chức chính đảng Phật-giáo sẽ được hoạt động và thành hình. Sự thành công hay thất bại còn tùy thuộc vào sự hiểu biết của chính quyền; Sự cố tình phá rối của cơ quan nhà nước sẽ là trở ngại to lớn của sự phát triển tổ chức chính trị tương lai này.

### C.- NHỮNG CỐ GẮNG XÍCH LẠI GIỮA HAI LỰC LƯỢNG CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO

Qua một thời gian nghi kỵ, đối nghịch nhau, Phật-giáo cũng như Công giáo đã nhận thức được sự vô ích sự tranh chấp của các đoàn thể trong quốc gia có cùng mục tiêu là phụng sự quốc gia dân tộc, cho nên các lãnh tụ tôn giáo đã tìm lại với nhau để trao đổi tư-tưởng đã thông những bế

tác, hiểu làm để bớt đi những nghi kỵ. Hơn thế nữa, các tôn giáo đã có những cố gắng trong việc thành lập các tổ chức chung để thực thi một vài mục đích chung : đó là hội đồng tôn giáo và mặt trận công dân các tôn giáo.

1)- Hội-đồng tôn giáo :

Thành lập 1964, trong giai đoạn xung đột mạnh mẽ nhất giữa hai lực lượng tôn giáo, các nhà lãnh đạo tôn giáo đã tìm ra một phương thức để có thể tạo sự thông cảm giữa các tôn giáo qua hội đồng tôn giáo : Ngoài hai tôn giáo lớn là Phật giáo và Công-giáo người ta còn thấy sự hiện diện của các tôn giáo khác như Cao-Đài, Hòa-Hảo v.v... Nhờ những cố gắng của các tu sĩ trong hội đồng này mà các cuộc xung đột được dần xếp ổn thỏa. Ngày nay, hội đồng này vẫn còn tiếp tục hoạt động (nhưng thiếu tích cực) : một vài buổi lễ cầu nguyện hòa bình hàng năm được tổ chức, các buổi diễn giảng chung giữa các tu sĩ của các tôn giáo trong hội đồng... Tuy nhiên, với tổ chức này cũng chưa tạo được nhiều hứng thú trong công cuộc đoàn kết giữa những người khác tôn giáo trong cùng một cộng đồng quốc gia!

2)- Mặt trận công dân các tôn giáo :

Do linh mục Hoàng-Quyển thành lập cũng đã lôi cuốn được một số nhân sĩ các tôn giáo khác như :

Lâm-thành-Nguyên, Trịnh-quốc-Khánh (Hòa Hảo), Lê-van-Trung, Lê-van-Tất (Cao Đài), Thích-Chân-Bổn, Phan-vân-Trình (Tổng giáo hội Phật-giáo), Lương-van-Thực, Đào-thành-Long (Tin Lành).

Thành tích đáng kể của mặt trận này là tổ chức được hai cuộc họp báo và một cuộc họp tại trụ sở Thanh niên Phật tử.

- Cuộc họp báo ngày 3-6-1966 đòi hai tướng Nguyễn-van-Thiệu và Nguyễn-Cao-Kỳ từ chức, cuộc họp báo này lôi cuốn được một số đoàn thể khác tham gia trong đó có tổ chức Phật giáo Ấn-Quang.

- Cuộc họp báo ngày 12-7-1966 để không chấp nhận tham gia cuộc bầu cử quốc-hội lập hiến do chính phủ Nguyễn Cao-Kỳ tổ chức và đòi lập chính phủ dân sự cách mạng chuyển tiếp. Cuộc họp báo này cũng thu hút được sự tham gia của Phật giáo Ấn-Quang do thượng tọa Thích-Pháp-Tri đại diện, thành phần Hội-đồng Đại-diện đại hội sinh viên Saigon và một số các đảng phái như Việt-Nam quốc dân đảng Xứ bộ miền Nam :

- 21-7-1966 Mặt trận công dân các tôn giáo nhóm họp tại trụ sở thành niên Phật tử đường Công-ly, do linh mục Hoàng-Quỳnh đứng mời, thượng tọa Thích-trí-Quang tới họp(1).

Những hoạt động trên là những nỗ lực đáng kể để tìm sự đồng qui của các tôn giáo trên địa hạt chính trị. Tuy nhiên, mặt trận các tôn giáo ngày nay hầu như đã tan rã dần theo tuổi tác của người sáng lập (linh mục Hoàng-Quỳnh). —



(1) Đoàn Thêm "Việc xảy ra từng ngày 1966", trang 141.

PHẦN II  
**THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ  
CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO**

## CHƯƠNG MỘT

## MỘT VÀI KHÍA CẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO

Theo nhận định của giáo sư Nguyễn-hữu-Lành trong bài "các đoàn thể áp lực trong thể chế dân chủ ngày nay" : có 3 hậu quả tai hại do hoạt động các đoàn thể áp lực (tôn giáo là một trong các đoàn thể áp lực) mang lại cho sinh hoạt chính trị.

- 1.- Hoạt động các đoàn thể áp lực chỉ nhằm vào những lợi ích cục bộ.
- 2.- Sự bành trướng các đoàn thể quyền lợi sẽ đưa tới sự tế phan luật pháp.
- 3.- Tạo ra sự bấp bênh trong sinh hoạt chính trị (1).

Gạt bỏ một vài yếu tố ngoại lai, những lời phê phán chủ quan, phiến diện. Người ta thấy ngoài những hậu quả tạo nguy hiểm cho nền an ninh quốc gia, tôn giáo trong các cuộc tranh đấu đã ghi lại nhiều thay đổi ích lợi cho sự tiến bộ quốc gia trên lãnh vực chính trị : với những sắc thái đặc biệt trong các cuộc vận động chính trị, công giáo và Phật-giáo đã tạo ra những hậu quả đen tối cũng như những bước tiến đáng kể cho miền Nam Việt-Nam.

(1) Nguyễn-hữu-lành "Các đoàn thể áp lực trong thể chế dân chủ ngày nay". Cập Tiên số tháng 10 năm 1969, trang 12.

## A.- CÁC NÉT ĐẶC THÙ SINH HOẠT CHÍNH TRỊ CỦA TÔN GIÁO

### 1)- Tính cách bất thường, chuẩn bị của các cuộc tranh đấu :

Vì là một tập thể quần chúng, không hoạt động chính trị chuyên nghiệp, nên các đoàn thể tôn giáo thường ít quan tâm đến sinh hoạt chính trị. Tôn giáo chỉ phản ứng khi thấy quyền lợi bị va chạm. Vì thiếu chuẩn bị và chỉ hoạt động cấp thời nên tôn giáo khi vào môi trường chính trị thường vấp phải hai lỗi lầm sau :

a)- Lúc phản ứng vì quyền lợi bị xúc phạm thường quá hấp tấp vội vàng : vừa nghe ai loan báo, là vùng dậy ngay, không kịp phối kiểm tin tức, không tìm hiểu đích xác sự việc (1). Vài thí dụ điển hình :

- ngày 26.8.1964 lúc có người báo : nhà thờ Đức Bà Saigon bị xúc phạm, vội vàng đóng chuông, vác dùi, gậy, đe, để đến nơi không thấy gì cả.

- ngày 27.8.1964 nghe tướng lãnh họp chủ trương liên hiệp với Cộng-sản, Công-giáo bèn tổ chức biểu tình phản đối - chưa kịp xét ai báo tin.

Phật giáo cũng có nhiều vụ tương tự; tướng là người ta phá tượng Quách-thị-Trang nên vội vàng mang lực lượng đến để bảo vệ... tướng Công-giáo là Cần-Lao nên cần phải tiêu diệt...

b)- Hoạt động chính trị của tôn giáo có tính cách tiêu cực : Các hoạt động tôn giáo thường nhằm đòi hỏi một số quyền lợi, khi không được thỏa mãn sẽ cố gắng lật đổ chính quyền bị xem là "không vừa ý" (2). Vì thế, cuộc

(1) Trần-hữu-Thanh "Người công giáo Việt-Nam đứng trước sứ mệnh của mình", trang 86.

(2) Lý-chánh-Trung "3 năm xáo trộn" trang 138.



tranh đấu chỉ có tính cách nửa chừng! Họ chỉ lật chính-  
quyền rồi để đó chờ xem! Cùng lắm là họ chỉ muốn thao  
túng nội các mới, đưa nhân vật thân thiện của họ vào nội  
các để tôn giáo hướng dẫn chính sách chính phủ cho phù hợp  
với mục tiêu của giáo hội; và chỉ có thế! Ngoài ra ai  
muốn làm gì thì làm : Phật giáo lật đổ chính quyền Ngô-  
đình-Diệm, nội các Trần-van-Hương; Công-giáo hạ bộ chính-  
phủ Phan-huy-Quát; nhưng sau khi thành công họ lại trở lại  
im lặng, chờ đợi, phán xét hành động chính phủ mới để ủng  
hộ hay lại phải hô hào lật đổ.

2)- Các cuộc tranh đấu có đặc thái mãnh liệt :

Phải nhìn nhận các cuộc tranh đấu của các tôn giáo  
thường mang màu sắc "quyết tử về đạo", mặc dù mục tiêu  
tranh đấu chưa chắc đã phải là đạo pháp ! Vì thế các tôn  
giáo thường vận dụng các phương pháp quyết liệt, có tính-  
cách sống còn miễn thế nào đạt được những mục tiêu mong  
muốn: những vụ đổ máu tại miền Trung 1963, 1966; những cái  
chết liều mạng của giáo dân trước bộ Tổng Tham Mưu 1964,  
các cuộc tuyệt thực, tự thiêu... đều là những biểu hiệu  
cho sắc thái đặc thù của các hoạt động chính trị của các  
tôn giáo.

3)- Tính cách đối kháng giữa hai lực lượng :  
Công giáo và Phật giáo :

Vì những mặc cảm, những hiểu lầm, người ta thấy  
những hoạt động các tôn giáo (công giáo và Phật-giáo) không  
những chỉ nhằm vào đối tượng duy nhất là chính quyền mà họ  
còn hướng qua các mục tiêu phụ không kém phần hệ trọng...  
nhắm vào tôn giáo được xem là đối nghịch. Đây là lập  
trường của đa số các tín đồ tham gia vào các cuộc tranh  
đấu hay ít ra là lập trường trong những giai đoạn đầu của  
các cuộc tham gia chính trị.

Nhìn lại những giai đoạn tranh đấu, chúng ta thấy  
đặc điểm này được thể hiện một cách rõ rệt.

a) - Đối kháng qua các chính phủ : Trong cuộc khủng hoảng 1963 dư luận cho rằng Phật giáo tranh đấu nhằm lật đổ chính phủ Công giáo vì tổng thống là người Công-giáo. Trong bản tuyên ngôn chính thức Phật giáo tuy không đề kích công giáo hay chống công giáo nhưng chỉ trích chính-quyền kỳ thị tôn giáo : đàn áp Phật giáo, trong khi Công-giáo hưởng nhiều đặc quyền của chính phủ qua dụ số 10 về qui chế các hiệp hội. Trước các cuộc vận động Phật giáo, giới Công-giáo có vẻ sợ hãi làm nên đã phải lên tiếng : trong bức thư luân lưu gửi cho các tín hữu ngày 16-6-1963, Tổng giám-mục Nguyễn-văn-Bình đã xác nhận cuộc khủng hoảng chỉ xảy ra giữa Phật giáo và chính quyền mà thôi : "Không ai muốn lôi cuốn giáo hội Công-giáo vào các vụ tranh chấp... trong các cuộc biểu tình chung quanh một ít ngôi chùa, không ai chỉ trích riêng người Công-giáo vì họ là người Công-giáo"... Thế nhưng người ta cứ hiểu ngầm với nhau đây là cuộc xung đột giữa Công-giáo và Phật-giáo qua chính quyền Ngô-dình-Diệm.

Trong những ngày vùng lên của Công-giáo, người ta thấy những danh từ ám chỉ tới một số hoạt động của Phật-giáo mà Công-giáo cho là cần phải loại bỏ : những danh từ như "thiếu số áp lực", những phần tử tay sai ẩn núp trong hàng ngũ tôn giáo (được hiểu là hàng ngũ Phật giáo) Linh-mục Hoàng-Quỳnh trong bài diễn văn đọc trước hội đồng giám mục, các bề trên địa phận, các bề trên dòng đã đi xa hơn khi ông đặt công giáo trước hiểm họa của Phật giáo : "Trước những thủ đoạn Cộng-sản dùng tay người Phật-giáo để bách hại đạo (như tài liệu ủy ban có đây). Đối phó như thế nào ? Phải dạy đạo Phật trong cả trường tư thục Công-giáo, Sắc lệnh đặt Phật giáo làm quốc-giáo... Lập trường như thế nào ? Tổ chức thế nào để đối phó ? Dùng sách lược nào (1).

Trong các áp lực nhằm chi phối và thay đổi chính-phủ sau thời cách mạng Công-giáo và Phật-giáo cũng tỏ ra rất mâu thuẫn :

(1) Hoàng Quỳnh (diễn văn) - "Khôi công dân công giáo Đại Đoàn Kết" - trang 37-38

- Công-giáo ủng hộ chính phủ Trần-van-Hương có khả năng ổn định, thì Phật giáo quyết lật đổ chính phủ Trần-van-Hương.

- Phật giáo tỏ ra tích cực ủng hộ chính phủ Phan-huy-Quát thì công-giáo lại đòi Phan-huy-Quát phải từ chức.

- Phật giáo quyết hạ chính phủ Thiệu Kỳ thì công giáo qua lực lượng Đại Đoàn Kết lên án kẻ phá hoại, gây rối làm giảm tiềm năng chống Cộng.

b)- Đối kháng qua các lập trường : Các tôn giáo không ngừng chống đối nhau qua các chính phủ mà còn chống đối nhau qua các lập trường dị biệt về một số những vấn đề và những vấn đề được hiểu sai trệch đi hoặc biến dạng một cách vô tình hay cố ý :

Công-giáo chống Cộng và tay sai (được hiểu là các Phật-tử tranh đấu). Phật giáo bài trừ Cần-Lao (được hiểu là người công giáo làm việc cho chế độ đệ nhất cộng-hòa).

Kết quả là đưa đến các vụ xô xát giữa Phật-giáo và Công-giáo tại Saigon, các vụ thanh toán đẫm máu tại miền Trung điển hình là vụ Thanh bô Đức-Lợi.

Sự đối kháng vẫn còn kéo dài cho tới ngày nay : chẳng hạn Phật giáo trong các cuộc biểu tình thường có khuynh hướng chống Mỹ đòi hòa bình tức khác. Công-giáo phản đối nguy hòa thiên Cộng, cảm ơn sự trợ giúp của đồng minh. Phật giáo phản đối chủ Đấng Tối Cao trong Hiến Pháp 1967, Công-giáo đòi duy trì "Đấng Tối Cao" trong hiến-pháp...

Những mâu thuẫn này là những trở lực cho sự đoàn kết quốc-gia.

## B.- MỘT VÀI HẬU QUẢ CÁC CUỘC TRANH ĐẤU

### 1)- Những khía cạnh bị chỉ trích :

a)- Tạo bất ổn cố chính trị : Các cuộc tranh đấu của tôn giáo đưa sinh hoạt chính trị nhiều xáo trộn, bất trắc từ 1963 đến 1968.

Đây là những khó khăn liên tiếp đã làm điên đảo các chính khách : các chính phủ luôn luôn bị khó khăn trước những đòi hỏi của tôn giáo, nội các của chính phủ sau 1963 luôn luôn bị đe dọa bị các tôn giáo lật đổ. Điều này đã phù hợp với một nhận xét của Robert Luce cho tôn giáo (các đoàn thể áp lực) là "một tai họa của thời đại" (1).

b)- Gây chia rẽ trong hàng ngũ quốc gia : Sự khác biệt chính kiến giữa các tôn giáo tạo cho quốc gia trở thành thiếu thuần nhất trước những mục tiêu chung. Điều này chưa kể tới sự phân chia thành các phe nhóm riêng biệt ngay trong mỗi một tôn giáo : Sự chia rẽ trong hàng ngũ quốc gia và bất ổn cố chính trị được coi là cơ hội tốt giúp Cộng-sản gia tăng mọi nỗ lực, kể cả việc lợi dụng các phong trào tranh đấu để có thể tìm kiếm những cơ hội hữu ích nhằm thu ngắn thời gian Cộng-sản hóa miền Nam.

### 2)- Những điểm được tán dương :

Sự tham gia Công-giáo và Phật-giáo vào chính trị đã cải thiện được rất nhiều đường lối, chính sách và cả sinh hoạt quốc-gia.

a)- Cải thiện các chế độ chính trị : Với chính biến 1-11-1963 thủ tiêu chế độ đệ I Cộng-Hòa, mà Phật giáo đã góp rất nhiều công lao đã mang cho các chính phủ sau một bộ mặt dân chủ, cởi mở hơn, ý thức đối lập được chấp nhận dễ dàng hơn.

(1) Robert Luce, "Legislative Assemblies", trang 421.

- Qui chế tự do báo chí được ban bố và được tôn trọng hơn trước.

- Các đảng phái nhờ cuộc cách mạng cũng được giải phóng và bắt đầu hoạt động lại.

Các cuộc vận động sau này của các đoàn thể tôn giáo cũng đã khiến các nhà lãnh đạo phải dè dặt không dám thiết lập chế độ độc tài và phải tìm nhiều giải pháp để thỏa mãn nhu cầu dân chủ của dân chúng :

- Tướng Nguyễn-Khánh phải xé bỏ hiến chương Vũng Tàu.

- Các tướng Nguyễn-van-Thiệu, Nguyễn-Cao-Kỳ cũng phải ký sắc luật bầu cử quốc hội lập hiến để tiến tới nền đệ nhị cộng hòa qua bản Hiến-pháp 1-11-1967. Công lao của Phật giáo đã được giáo sư Trần-Ngọc-Ninh tóm lược : 1963 Phật giáo đòi hỏi nhân quyền, 1967 Phật giáo tranh đấu đòi dân quyền và đã thành công (1).

Đối với Công-giáo cũng có công giữ vững tinh thần chống Cộng tại miền Nam cũng như đã tạo áp lực buộc chính phủ Phan-huy-Quát và các chính phủ kế tiếp bãi bỏ ý định ban hành một qui chế tôn giáo "có tính cách kỳ thị".

b)- Tạo thế quân bình chính trị : Sự có mặt của hai lực lượng tôn giáo trên chính trường đã khiến mỗi bên phải dè dặt, suy nghĩ trước khi hành động. Sự đối kháng giữa hai lực lượng cũng giúp cho mỗi bên phải thảng bốt và giảm đi nhiều cái quá trốn nguy hại cho nền an ninh quốc gia :

Sự có mặt của công giáo khiến phong trào "bài Cần-lao" của Phật giáo bị giảm bớt cường độ đi rất nhiều, Phật giáo cũng bớt đi một vài đòi hỏi quá đáng : như đòi chia sẻ trong nội các, vận động trở thành quốc giáo...

(1) Trần Ngọc Ninh - "Phật giáo và Xã hội". Bách khoa 353, trang 37.

Phật giáo cũng đã giúp lực lượng Công-giáo bớt đi cái không khí chống Cộng tới người cuối cùng! Dè dặt hơn trong việc đi đôi với lập trường của chính quyền, theo thượng tọa Giác-Đức cho rằng người Công-giáo thường ủng hộ những tổng thống là những nhà lãnh đạo độc tài, nên người công giáo đang xét lại việc ủng hộ tổng thống Thiệu (1) trong cuộc bầu cử 3-10-1971.



---

(1) Thích Giác Đức - Tuyên bố ngày pháp nạn ngày 20.7.1971.

## CHƯƠNG HAI

# CÁC YẾU TỐ CHI PHỐI THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO

## Tiết I

## YẾU TỐ KỸ THUẬT TRANH ĐẤU

Có thể nói trong mọi văn thư chính thức, người ta thấy các tôn giáo đều xác nhận tôn giáo chỉ tranh đấu trong vòng "hợp pháp" và "bất bạo động". Tuy nhiên chúng ta thấy trong quá trình các cuộc tranh đấu, những hình thức bạo động và đương nhiên bất hợp pháp đã được sử dụng rất nhiều. Ngoài ra, chúng ta còn thấy một vài kỹ thuật tân kỳ đã gây nhiều ngạc nhiên cho các giới quan sát và gây hậu quả ra ngoài những tiên liệu của chính quyền.

1)- Các kỹ thuật có tính chất bất bạo động đã được sử dụng rất nhiều :

- Các bản tuyên ngôn (tuyên ngôn Phật giáo trong cuộc tranh đấu đòi tự do tín ngưỡng 1963; đòi hòa bình 1970. Tuyên ngôn công giáo ngày vùng dậy 1964...)
- Các bản thỉnh nguyện.
- Các cuộc hội thảo
- Các kháng thư
- Các cuộc biểu tình...

2)- Các kỹ thuật có tính chất bạo động :

- Các cuộc biểu tình có trang bị vũ khí, chống sự giải tán của nhân viên công lực.
- Các cuộc xuống đường : phá công sở, tư sở, thanh toán ? (được áp dụng trong những năm 1964, 1966 dưới thời Nguyễn Khánh, Nguyễn-Cao-Kỳ).

3)- Các kỹ thuật tận kỳ : Phật giáo được coi là lực lượng có nhiều sáng kiến trong việc tìm những phương pháp đấu tranh gây nhiều chú ý cho mọi giới, gây tiếng vang đối với các dư luận ngoại quốc. Đó là những phương pháp tuyệt thực, tự thiêu, đem bàn thờ ra ngoài công lộ v.v..

- Tuyệt thực : Kỹ thuật này được Phật giáo tranh đấu áp dụng theo lối tranh đấu bất bạo động của thánh Gandhi, lãnh tụ Ấn-Đô trong cuộc tranh đấu đòi độc lập, Ông đã áp dụng triệt để phương pháp này khiến chính quyền Anh phải "sốt ruột" nên phải trả độc lập cho Ấn. Phật giáo với các vị tăng ni đã khởi sự áp dụng phương pháp này trong cuộc tranh đấu 1963, và từ đó mọi cuộc tranh đấu kế tiếp, phương pháp tuyệt thực đều được các thầy chiếu cố, riêng thượng tọa Thích-Trí-Quang đã tuyệt thực 100 ngày trong cuộc tranh đấu chống chính phủ Thiệu - Kỳ (hiện nay người ta vẫn đặt nhiều nghi vấn về giá trị đích thực của cuộc tuyệt thực 100 ngày của thượng tọa Trí-Quang). Có thể nói phương pháp tuyệt thực là lối đấu tranh ôn hòa, nhưng tác dụng của nó rất hữu hiệu vì thế nhiều giới như sinh viên, học sinh, nhân công cũng thích áp dụng kỹ thuật này trong các cuộc tranh đấu của họ.

- Tự thiêu : Tự thiêu thường được các tăng sĩ Phật-giáo áp dụng sau chuỗi ngày tu đạo và hành đạo gian khổ, để trở về cõi Niết-bàn. Nhưng trong các cuộc tranh đấu sống còn, Phật giáo Việt-Nam đã dùng phương pháp này như là một kỹ thuật để gây xúc động. Khởi đầu là cuộc tự thiêu của thượng tọa Quang-Đức, đã gây nhiều phản ứng thuận lợi



của cuộc tranh đấu Phật giáo : cả thế giới bàng hoàng và khâm phục trước cái chết bi hùng vì đạo pháp! Sau đó là các cuộc tự thiêu Thích-nguyên-Hương, Thích-hạnh-Tuệ, Thích-tiêu-Diêu...

Nhưng vì sau đó có nhiều cuộc tự thiêu, sự lạm dụng quá nhiều khiến cái hiệu lực của nó giảm dần, những cái bất thường đã trở thành bình thường! Người ta bắt đầu đặt nhiều nghi vấn về những nguyên do và động cơ của các cuộc tự thiêu hơn là nhắm mắt gán cho cái nhãn hiệu "tử vì đạo".

- Xử dụng bàn thờ Phật : Phương pháp này được xử dụng trong giai đoạn chót của cuộc tranh đấu 1966 : theo lời hô hào của thượng tọa Trí-Quang các Phật-tử đã đem bàn thờ ra đường để chống lại chính quyền, theo thượng tọa Thích-nhất-Hạnh việc đem bàn thờ Phật ra đường là hành-dộng bi thống... của lực lượng tâm linh chống lại sức mạnh ngoại lai (1). Kỹ thuật tranh đấu này quả thật gây nhiều ngạc nhiên trong dư luận, nhưng các phản ứng lại không thuận lợi, hữu ích cho cuộc tranh đấu. Có thể vì hai lý do :

- Việc đem bàn thờ ra đường gây cản trở lưu thông, tạo nhiều xáo trộn cho an ninh công cộng.

- Lạm dụng tôn giáo trong những mục tiêu chính trị, có nhiều người còn tỏ ra phản uất cho đó là hành động bất xứng với các chư Phật (trong đó có thượng tọa Thích-Tâm-Châu).

Hậu quả là chính phủ không bị mang tiếng đàn áp tôn giáo khi ra lệnh cho các nhân viên cảnh sát và quân đội dẹp bỏ các bàn thờ để tái lập trật tự.

---

(1) Thích-Nhất-Hạnh, Phần đã dẫn.

Tóm lại các kỹ thuật tranh đấu được coi là những phương tiện để đạt tới mục tiêu chính trị. Tuy nhiên, tác dụng của từng kỹ thuật dù là tân kỳ, cũng tùy thuộc rất nhiều yếu tố, nhất là trong từng giai đoạn lịch sử và hoàn cảnh chính trị...

## Tiết II

### VAI TRÒ CÁC LỰC LƯỢNG KHÁC : QUÂN ĐỘI VÀ SINH VIÊN

Từ năm 1963 đến 1967 được coi là giai đoạn tôn-giáo thao túng chính trường, điều đó không có nghĩa tôn-giáo độc quyền chi phối sinh hoạt chính trị tại miền Nam. Các tập thể quyền lợi khác như các đoàn thể sinh viên và nhất là quân đội là những lực lượng đáng kể, phần nào đã ảnh hưởng tới thành quả của các cuộc vận động của tôn giáo.

#### Đoạn 1 : QUÂN ĐỘI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA TÔN GIÁO

##### 1)- Quân đội là một đoàn thể quyền lợi :

Quân đội là một lực lượng có tổ chức, võ trang. Trong giai đoạn chiến tranh, vai trò quân đội được coi là cần thiết trong việc duy trì an ninh và trật tự quốc gia. Việt-Nam Cộng-Hòa đang phải đương đầu với hiểm họa cộng-sản, vì thế việc gia tăng sức mạnh quân đội là một yếu tố cần thiết. Một tập thể rộng lớn, có kỷ luật và sức mạnh thường có khuynh hướng lạm dụng sức mạnh để chi phối quyền hành, mà đối tượng chính là quyền hành chính trị. Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa đã được các tướng lãnh dẫn dắt sang địa hạt chính trị với sứ mạng : cứu quốc và kiến quốc từ ngày 1-11-1963; với giai đoạn mới, giới kaki lần lượt cố gắng tạo những ưu thế cho quân đội trên lãnh vực chính trị và cả trong các địa hạt khác (chẳng hạn địa hạt hành chánh : các vị tỉnh trưởng, quận trưởng đều là giới quân nhân).

2)- Quân đội là một lực lượng duy nhất có khả năng đảo chính. Hầu hết các cuộc chính biến quân trọng tại các quốc gia Á Phi và Nam Mỹ đều do quân đội khởi xướng. Nam Dương Soharto, Miến-Điện với Newin, Ai-Cập với Nasser, Kampuchia với Lon Nol, Việt-Nam với Dương-van-Minh, Trần-van-Đôn, Tôn-thất-Đỉnh... Vì chỉ có quân đội có khả năng nắm vững tình hình an ninh quốc gia, cũng như có đủ khả năng bảo toàn thành quả của cuộc đảo chính. Trong quá khứ, người ta không phủ nhận vai trò thiết yếu của lực lượng Phật giáo trong công cuộc dẹp bỏ chế độ đệ nhất cộng hòa, nhưng nếu không có các tướng lãnh đứng lên lật đổ "chế độ gia đình trị" thì có lẽ phong trào Phật giáo sẽ tàn lụi dần như các phong trào công giáo khác tại Ba-Lan, Hung-Gia-Lợi, Tây-Tạng, Quỳnh-Lưu v.v.. tôn giáo vì không có lực lượng quân đội yểm trợ nên đã bị Cộng-sản khuất phục.

3)- Quân đội với các hội đồng siêu chính phủ :

Quân đội khi đã nắm quyền hành ít khi muốn rời bỏ chính trường. Người ta thường ca ngợi tinh thần mã thượng của tướng Degaulle khi ông trao trả quyền hành cho một chính phủ dân sự về hương thú điền viên. Nhưng năm 1958 ông vội vã đứng lên thủ tiêu nền đệ tứ Cộng-Hòa Pháp. Tướng Soeharto lật đổ tổng thống mãn đời Soekarno, để rồi cũng được quốc hội tán phong làm tổng thống suốt đời.

Sau khi hoàn thành cuộc đảo chính 1-11-1963, các tướng lãnh tuyên bố chỉ đảm nhiệm quyền hành trong một thời gian ngắn. Với các hội đồng do các tướng thành lập để lãnh đạo quốc gia từ hội đồng quân nhân cách mạng, hội đồng quân đội cách mạng Hội đồng quân lực, Hội đồng lãnh đạo quốc gia kéo dài từ 1963 đến 1967 các tướng lãnh vẫn không muốn rời bỏ chính quyền, tham vọng này là những động lực căn bản khiến quân đội can thiệp vào chính trường qua những hoạt động của tôn giáo, những thành quả được tôn giáo cho là công lao của mình luôn luôn có bóng dáng của các "vì sao".

Khi trả quyền hành cho chính phủ dân sự Trần-van-Hương, quân đội hầu như muốn tìm cách trở lại chính quyền. Tướng Nguyễn Khánh tuy trở về quân đội nhưng chẳng bao lâu ông đứng ra lập Hội-đồng quân lực do chính ông làm Chủ-tịch với mục tiêu mơ hồ, ngoài những phạm vi quân sự. Sự kiện này giúp Phật giáo thành công mau chóng trong việc lật đổ chính phủ Trần-van-Hương, chỉ trong vòng một tháng Hội-đồng quân lực lần lượt :

- Giải tán Thượng Hội-đồng quốc gia được coi là cơ quan lập pháp tạm thời.
- Bớt tín nhiệm thủ tướng Trần-van-Hương.

Sau đó đến lượt chính phủ dân sự Phan-huy-Quát cũng bị chung số phận như chính phủ Trần-van-Hương, mặc dù ông đã tỏ ra khôn ngoan khi cố gắng giải tán được Hội-đồng quân lực ngày 5-5-1965. Nhưng khi Công-giáo chống chính-phủ Phan-huy-Quát các tướng lãnh lại nhóm họp để phải đảm nhiệm sứ mạng trước lịch sử, với sự thành lập Hội-đồng quân lực, Ủy-ban lãnh đạo quốc gia và Ủy-ban hành pháp trung ương sau khi chính phủ Phan-huy-Quát phải rút lui theo ý muốn của lực lượng công giáo!

Nói khác hơn quân đội khi rời bỏ vai trò thuần túy của họ để bước sang địa hạt chính quyền, họ ít muốn trở lại với vai trò quân sự riêng của họ; vì thế họ sẵn sàng giúp các lực lượng khác trong đó có tôn giáo để đưa họ trở lại hay giữ vững vai trò ưu thế chính trị.

## Đoạn 2 : SINH VIÊN TRONG CÁC CUỘC TRANH ĐẤU CỦA TÔN GIÁO

Các sinh viên được coi là những phần tử trẻ, thích chống đối và sẵn sàng hợp tác với bất cứ cuộc tranh đấu nào và của ai, nếu họ cho đó là hợp lý. Các tổ chức sinh viên được coi là những cơ quan phát ngôn và hành động cho lập trường của tập thể sinh viên :

- Tổ chức theo khuôn khổ của đại học : gồm đại diện các phân khoa đến đại diện của Viện đại học và đại diện toàn quốc.
- Tổ chức sinh viên theo các tôn giáo : Sinh viên Công giáo tiến hành, Sinh viên Phật tử v.v..

Trước các cuộc tranh đấu của tôn giáo, sinh viên cũng thường có thái độ ủng hộ hay không tán thành lập trường và các lẽ lối tranh đấu của các tôn giáo. Sự biểu đồng tình hay phản đối của sinh viên bằng những hình thức tích cực như : quyết nghị, thông cáo, minh định lập trường, hoặc tích cực hơn có thể xuống đường, biểu tình, tuyệt thực... để ủng hộ hay đả đảo các mục tiêu tranh đấu của tôn giáo.

1)- Đối với các tổ chức sinh viên theo khuôn khổ đại học :

Trước kia chỉ có sinh viên thuộc tổng hội Saigon và Huế, nhưng mới đây thêm Vạn Hạnh và Đà-Lạt tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị.

Với lối bầu cử theo thể thức đại diện : mỗi phân khoa bầu đại diện, đại diện các phân khoa lại bầu đại diện Viện Đại Học (được gọi là tổng hội sinh viên). Do đó, lập trường chính trị của các tổ chức sinh viên có 2 đặc điểm sau :

- lập trường của các tổ chức sinh viên thay đổi luôn (tùy thuộc lập trường của các liên danh đặc cử).

- lập trường chính trị của các phân khoa nhiều khi thiếu thuần nhất (có thể vài đại diện của các phân khoa có lập trường khác với Tổng hội sinh viên).

Hệ quả là có thể các tổ chức sinh viên có khi cùng với tôn giáo đứng trên một chiến tuyến, trái lại có khi lại mâu thuẫn đối nghịch với tôn giáo (về lập trường chính trị).

a)- Sinh viên và tôn giáo hỗ trợ lẫn nhau : Sinh viên có nhiều cử chỉ, thái độ và những hoạt động theo cùng một chiều hướng với Phật giáo trong cuộc tranh đấu chống chế độ Ngô-đình-Diệm, đòi xé bỏ hiến chương Vũng Tàu, 1969, 1970, 1971 ủng hộ Phật giáo chống tổng thống Nguyễn-van-Thiệu, hô hào hòa bình. Sinh viên cũng có lúc đi đôi với lực lượng đại đoàn kết Công-giáo đòi hỏi ngưng gây xáo trộn, ủng hộ oanh tạc Bắc-Việt trong những năm 1965, 1966, 1967.

b)- Sinh viên và tôn giáo mâu thuẫn : Đôi khi giữa tôn giáo và các đoàn thể sinh viên cũng xung đột lẫn nhau kịch liệt : công giáo đố kỵ sự sinh viên (tại đường Duy-Tân Saigon) có lập trường Trung lập thân Cộng !

Phật giáo đã tố cáo sinh viên nhận của chính phủ một số tiền là 5 triệu để không tham gia tranh đấu, 14 phân khoa phản đối thượng tọa Thiện-Minh về lời tố cáo này và đã tuyệt thực để đòi đưa ra bằng chứng (1).

## 2)- Các đoàn thể sinh viên thuộc các tôn giáo :

- Công giáo thì có sinh viên Công-giáo : đoàn thể này coi như ít hoạt động chính trị, nhưng đôi khi vẫn bày tỏ lập trường về các vấn đề chính trị, chẳng hạn ra tuyên cáo ủng hộ các tướng lãnh chống Cộng, ủng hộ cuộc hành quân của quân đội Việt-Nam tại Lào, Campuchia...

Trong thời kỳ tranh đấu, tổ chức công giáo đại đoàn kết cũng cho thành lập một tổ chức ngoại vi đó là tổ chức "Sinh viên tự dân" để hỗ trợ cho lập trường của lực lượng Đại đoàn kết. Tổ chức "sinh viên tự dân" bị tan rã sau hai lần ủng hộ các cuộc đảo chính bất thành của các tướng tá Dương-văn-Đức, Lâm-van-Phát, Phạm-ngọc-Thảo.

(1) Đoàn Thêm, Việc xảy ra từng ngày 1966, trang 66.

- Phật giáo có tổ chức Sinh viên Phật-tử từng là hậu thuẫn cho các lập trường Ấn-Quang : Từ các cuộc tranh đấu chống Thiệu Kỳ đến các cuộc vận động đòi hòa bình... Nhưng vì có lẽ ban chấp hành sinh viên Phật-tử mới đây không thay đổi kịp lập trường của giáo hội Ấn-Quang nên đã bị tổng vụ thanh niên Phật tử ra thông cáo giải tán và thành lập lại tổ chức này. Tuy nhiên về phía các lãnh tụ sinh viên Phật tử hầu như không muốn giải pháp này!

Sự góp mặt của sinh viên trong các cuộc vận động chính trị khiến sinh hoạt chính trị trở nên ồn ào, mãnh liệt và dễ gây tiếng vang. Sự hấp dẫn được sự ủng hộ của các đoàn thể sinh viên có thể giúp cho các tôn giáo có nhiều cơ hội thành công hơn.

### Tiết III

#### YẾU TỐ TỔ CHỨC

Tại Việt-Nam có sự hỗn nhập tam giáo : Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo. Một người có thể thờ cúng ông bà, thỉnh thoảng đi chùa, đôi khi theo đồng bóng... vì thế, số tín đồ Phật giáo thực sự khó có thể tìm một con số chính xác. Nhưng có điều chắc chắn đa số dân Việt-Nam ngoài Công-giáo, Tin-lành, Cao-đài, Hòa-hảo đều có thể tự nhận là Phật-tử. Vì thế, Phật giáo được coi là có số tín đồ đông đảo nhất nhưng lại ô hợp, trái lại Công-giáo có số thống kê rõ ràng : mỗi người nhập đạo phải qua một lễ rửa tội và được ghi tên vào danh sách người Công giáo, con số mới nhất tại Việt-Nam Cộng-Hòa, Công-giáo có vào khoảng trên 10%. Tuy ít ỏi nhưng lại là một tập thể có kỷ luật và tổ chức chặt chẽ.

Chính những yếu tố tổ chức này đã chi phối nhiều vào kết quả hoạt động chính trị của các tôn giáo. Vì thế, chúng ta lần lượt xét ảnh hưởng cơ cấu và nhân sự, đã ảnh

hướng như thế nào đến thành quả hoạt động chính trị của tôn giáo. Ngoài ra, vấn đề địa phương cũng ảnh hưởng ít nhiều tới sự thống nhất của các tôn giáo, do đó chúng ta cũng dành một đoạn để trình bày về vấn đề này.

- Cơ cấu tổ chức tôn giáo
- Yếu tố nhân sự
- Yếu tố địa phương và sự thống nhất tổ chức tôn giáo.

### Đoạn I : CƠ CẤU

#### I.- HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC CỦA HAI TÔN GIÁO

Bất cứ một tập thể nào khi số đoàn viên trở nên đông đảo, người ta nghĩ ngay tới việc duy trì, củng cố và tìm cách phát triển lực lượng. Một tổ chức hoàn hảo có thể giúp cho đoàn thể thỏa mãn những nhu cầu cần thiết đó.

Phật giáo tuy được truyền vào Việt-Nam lâu đời với số tín đồ đông đảo nhưng mãi đến những năm gần đây người ta mới nhận thấy sự cần thiết của một tổ chức thống nhất và thường xuyên để duy trì ảnh hưởng giáo hội trong xã-hội hiện tại. Trái lại Công-giáo tuy là tôn giáo mới mẻ trong xã hội Việt-Nam, nhưng lại là một đoàn thể có tổ chức cơ cấu rất chặt chẽ, hoàn hảo.

#### A.- TỔ CHỨC GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Trong lịch sử Phật giáo, xét về phương diện tổ chức, chúng ta có thể phân biệt hai thời kỳ rõ rệt : thời kỳ môn phái và thời kỳ thống nhất.

##### 1)- Các hệ phái :

Theo giáo lý của Phật giáo, mọi người đều có Phật tính và con người tự mình có thể trở thành Phật mà không cần phải có bất cứ sự trợ giúp nào của các thần thánh hay của bất cứ ai; chính lý do đó, một tổ chức thống nhất được coi là không cần thiết cho sự phát triển Phật pháp.



Trước kia sự truyền đạo vào Việt-Nam là do các thiên phái, vì thế tổ chức được phân chia theo các giáo phái khác nhau : Ba giáo phái được coi là lâu đời và nổi tiếng có nhiều đệ tử là :

- thiên phái do nhà sư Vinaturaci lập tại chùa Pháp Vân tỉnh Bắc-Minh.
- thiên tông thứ hai do nhà sư Võ-thông-Ngôn thành lập.
- thiên phái thứ ba do nhà sư Thảo-đường khai sáng.

Với thời gian, người ta thấy xuất hiện nhiều môn phái khác nhau :

- Cổ sơn môn
- Tịnh độ tông
- Phật giáo nguyên thủy
- Phật giáo Theravada
- Giáo hội tăng già Việt-Nam...

Mặc dầu theo cùng môn phái, những vị sư trụ trì tại mỗi chùa thường không lệ thuộc mấy vào thiên môn của mình; các vị hòa thượng có thẩm quyền rộng rãi trong việc tổ chức nội bộ; Đó là tổ chức các hàng tăng sĩ; Trong khi đó, các tín đồ trên thực tế không theo một môn phái nào, họ có khuynh hướng đi lễ những chùa gần hay chùa "thiên". Ngoài ra, không có một tổ chức nào ràng buộc họ với các môn phái của những chùa mà họ đi lễ vái.

## 2)- Tổ chức theo khuynh hướng hiện đại hóa :

Trước nhu cầu phục hưng Phật giáo, người ta đã nghĩ tới một tổ chức thống nhất cho tất cả các Phật tử trong nước : thiết lập cơ quan trung ương và những hệ thống tổ chức hạ tầng : các tổ chức địa phương và các đoàn thể ngoại vi.

a) - Hai bản hiến chương : Khi Tổng hội Phật giáo được thành lập chúng tôi một cố gắng qui tụ những môn phái thành một tổ chức thống nhất dưới sự điều hành của 1 Viện tạng thống. Cũng nằm trong những nỗ lực tìm sự thống nhất ý chí của những người noi theo Phật pháp, muốn vươn lên sự phục hưng của đoàn thể, để tạo được thế quân bình ảnh hưởng với các lực lượng khác trong nước. Đại hội 1964 đã cho ra đời một tổ chức thống nhất mệnh danh Giáo hội Việt-Nam thống nhất, qui tụ đa số các môn phái tại miền Nam; bản hiến chương của tổ chức đã được chính quyền duyệt y bằng sắc lệnh 005/66 ngày 26-2-1966. Nhưng sau vì bất đồng ý kiến, tổ chức mới này đã chia làm hai tổ chức cùng mang danh Phật giáo Việt-Nam thống nhất : Ấn Quang và Việt Nam Quốc Tự. Tổ chức Ấn Quang vẫn tiếp tục áp dụng bản hiến chương cũ, nhưng Việt-Nam quốc-tự theo hiến chương mới ngày 14-3-1967 được chính quyền thừa nhận bởi sắc lệnh 023/67 ngày 18.7.1967 của Ủy ban lãnh đạo quốc gia.

Xét trên khía cạnh tổ chức, người ta thấy hai bản hiến chương ít có sự khác biệt, mặc dù có vài sự thay đổi với bản hiến chương 14.3.1967. Một vài sự khác biệt giữa hai bản hiến chương chúng ta có thể liệt kê như sau :

- Bản hiến chương Việt-Nam Quốc-Tự có đặc tính của một tổ chức liên hiệp các đoàn thể, khi vai trò của các đoàn thể có địa vị quan trọng trong việc cử đại biểu tham dự đại hội Hội đồng Phật giáo trung ương. Theo bản hiến chương cũ (14.12.1965) thì dành quyền tham gia cho các đại biểu cấp miền và địa phương.

Để giải thích các sự sai biệt này, người ta cho rằng khối Việt-Nam Quốc-Tự nắm được các đoàn thể Phật-tử, trong khi đó phía Ấn-Quang kiểm soát được các tổ chức địa phương và các cơ sở tôn giáo...

- Theo hiến chương cũ (Ấn Quang) Viện Hóa Đạo chỉ đóng vai trò chấp hành các quyết nghị của Viện Tạng Thống và có tính cách hành chánh. Viện tạng thống giữ vai trò

lập pháp và kiểm soát Viện Hóa Đạo. Ngoài ra, Viện tạng thống còn có thẩm quyền tấn phong Viện Hóa đạo. Trái lại, theo hướng chương mới (Việt-Nam Quốc-Tự) vai trò Viện Hóa Đạo được gia tăng : có quyền ấn định đường lối của giáo hội. Viện tạng thống chỉ đóng vai trò :

- . Chứng minh lễ tự chức của Viện hóa đạo
- . Chuyên trách về giới luật.

- Tổ chức trong văn phòng Viện hóa đạo Việt-Nam Quốc Tự thêm hai tổng vụ khác là tổng vụ kiến thiết và tổng vụ đặc trách tuyên úy Phật giáo.

b)- Phân tích tổ chức (căn cứ vào bản hiến chương cũ) Ở đoạn trên, chúng ta đã nêu ra vài sự khác biệt chính giữa hai bản hiến chương; Vì thế, muốn hiểu rõ tổ chức Phật giáo, chúng ta chỉ cần căn cứ vào bản hiến chương đầu tiên, tức bản hiến chương hiện đang được Phật giáo Ấn Quang áp dụng.

\* Hệ thống tổ chức :

+ Trung ương : gồm hai viện Tạng Thống và Hóa Đạo

- Viện Tạng Thống : gồm 60 thượng tọa dưới sự điều hành của Hòa thượng tạng thống, 1 chánh thư ký, 1 phó thư ký. Viện Tạng thống giữ vai trò quyết định chính sách và đường lối chung của giáo hội, có thẩm quyền triệu tập đại hội Hội-Đồng giáo hội trung ương, tấn phong Viện hóa đạo.

- Viện Hóa Đạo :

- . Thành phần :
  1. Viện trưởng
  2. Phó Viện trưởng
  3. Tổng thư ký
  4. 6 vị tổng ủy viên
  5. Giám đốc tuyên úy Phật giáo
  6. Viện đại học Vạn Hạnh.

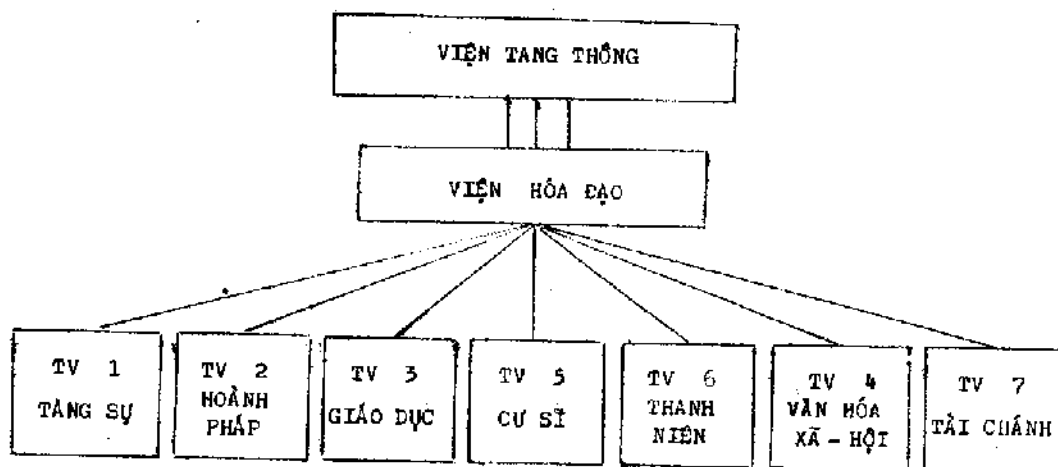
- . Nhiệm vụ :
1. Chấp hành các quyết nghị của Viện Tang Thống.
  2. Giữ nhiệm vụ hành chánh.
  3. Triệu tập đại hội giáo hội Phật giáo Việt-Nam thống nhất để :
    - . Bầu cử ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo và Viện giám sát.
    - . Kiểm soát Phật sự
    - . Ấn định ngân sách chi thu.
    - . Ấn định chương trình mới của giáo hội.

+ Tổ chức địa phương : Căn cứ theo bản hiến chương 24.12.1965 thì tổ chức Phật giáo được chia làm 7 khu vực theo lãnh thổ :

1. Miền Vạn Hạnh (Bắc trung nguyên Trung phần)
2. Miền Liêu Quán (Nam Trung nguyên Trung phần)
3. Miền Khuôn Việt (Cao nguyên Trung phần)
4. Miền Khánh Hòa (Miền Đông Nam phần)
5. Miền Quảng Đức (Thủ đô Saigon)
6. Miền Huệ Quang
7. Miền Vĩnh Nghiêm (Phật tử miền Bắc)

Tổ chức địa phương từ các miền còn phân chia thành các đơn vị nhỏ :

Tổ chức tỉnh, thị xã - tổ chức xã, ấp (xã ấp là đơn vị căn bản). Mỗi một đơn vị có một chánh đại diện, 2 phó, 1 thư ký và 1 chánh, 1 phó thủ quỹ và các đặc ủy. Các viên chức tại mỗi địa phương có nhiệm vụ thi hành các chỉ thị từ trung ương xuống. Xã có quyền cử đại diện tham gia đại hội tỉnh; tỉnh cử đại diện tham gia đại hội miền, miền cử đại diện tham gia đại hội Phật giáo toàn quốc.



1) Tổng vụ tang vụ

- Ni bộ Nam
- Ni bộ Bắc
- Tăng bộ Nam
- Tăng bộ Bắc

5) Tổng vụ cư sĩ

- Phật tử vụ
- Thiện tín nam vụ
- Thiện tín nữ vụ

2) Tổng vụ Hoành pháp

- Kiểm duyệt
- Truyền bá vụ
- Trước tác, phiên dịch

6) Tổng vụ thanh niên

- Học sinh Phật tử
- Hướng đạo Phật tử
- Sinh viên Phật tử thiện chí
- Nghiệp đoàn Phật tử

3) Tổng vụ giáo dục

- Giáo dục vụ
- Phật học vụ

7) Tổng vụ tài chánh

- Động sản quản trị vụ
- Bất động sản quản trị vụ

4) Tổng vụ văn hóa xã hội

- Xã hội vụ
- Văn, mỹ, nghệ vụ.

B.- TỔ CHỨC CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Tổ chức Công-giáo Việt-Nam theo đúng khuôn mẫu chung của hệ thống Công-giáo La-Mã.

1)- Tổ chức trung ương :

a)- Hội đồng giám mục : gồm các vị giám mục Việt-Nam Cộng Hòa giữ những nhiệm vụ :

- Thi hành những chỉ thị của Tòa Thánh La Mã.
- Ấn định đường lối chung cho giáo hội Công-giáo Việt-Nam theo tiêu chuẩn và chính sách giáo hội La Mã.

Hội đồng giám mục có một số cơ quan phụ thuộc :

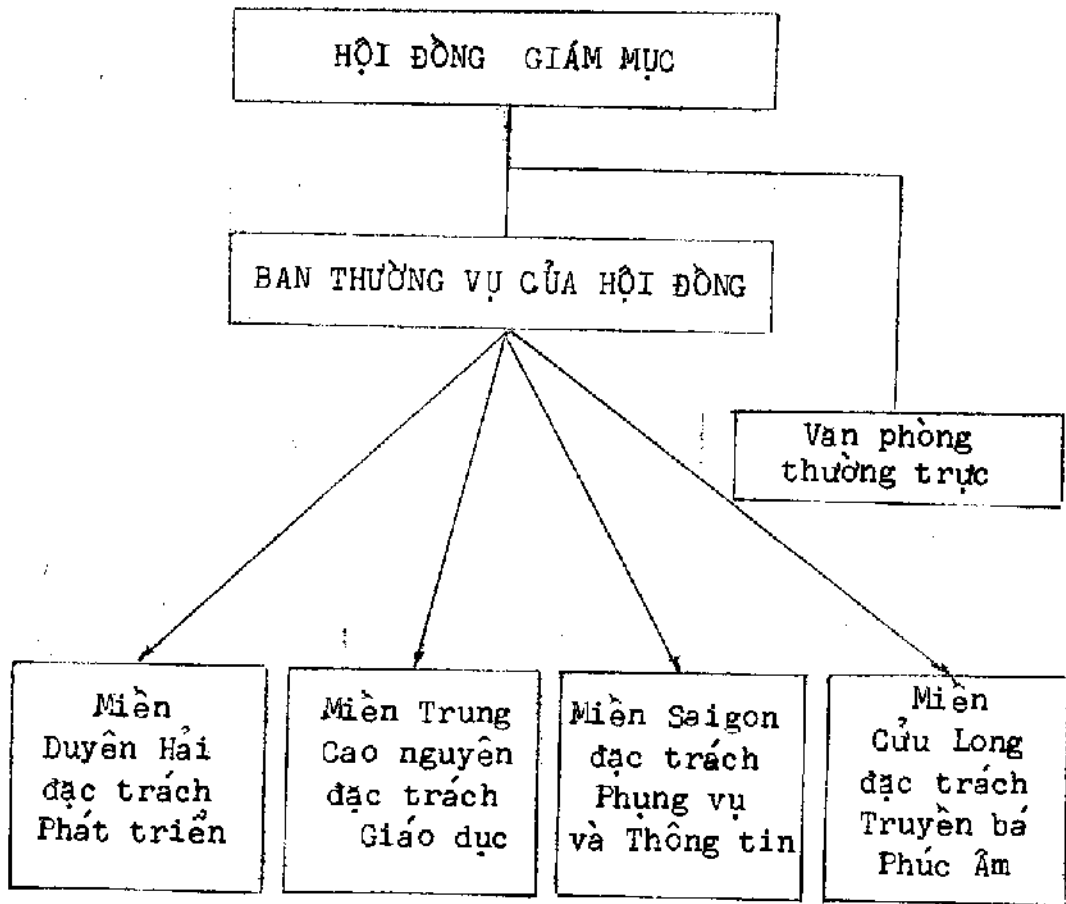
- Ủy ban thường vụ : gồm 1 chủ tịch, 1 phó và 1 tổng thư ký.
- Văn phòng thường trực của Hội đồng giám mục do 1 giáo sĩ đặc trách văn phòng.

b)- Các miền mục vụ : 4 miền mục vụ phụ trách 4 ủy ban :

- Phụng vụ : thánh nhạc, nghệ thuật tôn giáo, thông tin.
- Giáo dục : giáo dục, chủng viện, tín lý, giáo lý.
- Phát triển : cơ quan Caritas, xã hội và các vấn đề dân sinh.
- Truyền bá phúc âm : Công giáo tiến, liên hiệp giáo hoàng truyền giáo.

2)- Tổ chức địa phương :

Theo sắc chỉ làm tại La Mã ngày 24.11.1960 của Giáo hoàng 23, Việt-Nam hiện có 3 giáo tỉnh : Hà Nội, Huế, Saigon.



HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG CÔNG GIÁO VIỆT NAM

## II.- MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM VỀ TỔ CHỨC HAI TÔN GIÁO

### A.- PHẬT GIÁO

Về phía Phật giáo nếu được xét trong khía cạnh tổ chức, chúng thấy hiện tại Phật giáo vẫn chưa được coi là hoàn hảo so với tổ chức Công-giáo đã được tổ chức theo một khuôn mẫu cố định đã được củng cố và cải thiện gần hai ngàn năm.

#### 1)- Phật giáo Việt-Nam là một tổ chức phôi thai :

Giáo hội Phật giáo Việt-Nam thống nhất là một tổ chức mới được thành lập (1964), mặc dù với nhiều cố gắng nhưng chắc chắn khó có thể đột giải đoạn để có thể tiến tới một tổ chức có hệ thống qui củ trong một thời gian một vài năm được. Hiện tại mặc dù các cơ chế Trung ương của giáo hội đã có đầy đủ và hoạt động một cách điều hòa, nhưng hệ thống chỉ huy và thống nhất trên thực tế vẫn bị đe dọa do những nguy cơ chia rẽ và thái độ của chính quyền. Trong khi đó, các tổ chức ngoại vi như gia đình Phật tử, sinh viên Phật tử, cư sĩ v.v... chỉ có tên mà hoạt động thiếu phẩm lượng vì thiếu tổ chức và cán bộ. Tại địa phương các tổ chức cấp miền, tỉnh, quận, xã không được tổ chức chặt chẽ, thiếu chỉ huy và khả năng kiểm soát để duy trì sự thống nhất của tổ chức. Hiện tại chỉ có miền Trung được khối Ấn-Quang đặc biệt lưu tâm và đang có những nỗ lực đáng kể để gia tăng tầm kiểm soát của giáo hội tới các đơn vị nhỏ nhất như làng xã.

#### 2)- Các hoạt động văn hóa xã hội còn trong tình trạng sơ khởi :

Mức hoạt động và tầm ảnh hưởng của các tổ chức Phật giáo vẫn đang ở trong giai đoạn đầu trong những tham vọng của các nhà lãnh đạo giáo hội. Về phương diện xã hội, theo thống kê hiện tại Phật giáo có chừng 15 trại cô nhi, 5 tổ chức cứu tế, 25 phòng phát thuốc, một số đoàn thể từ thiện...



Về phương diện văn hóa giáo dục tương đối đang có nhiều triển vọng bành trướng : 1 Viện đại học (trường Vạn Hạnh), có 61 trường trung học (học sinh là 42.351), 54 trường tiểu học (học sinh là 26.684), 15 trường mẫu giáo (3.400 trẻ em). Thêm vào đó hiện cả hai giáo hội Việt-Nam Quốc-Tự cũng như Ấn Quang cũng có số cơ sở ấn loát, số cơ quan ngôn luận có khuynh hướng ủng hộ cho các khối tôn giáo : trước kia có tờ Đất Tổ, Lập Trường (do lực lượng Nhân dân cứu quốc xuất bản), hiện tại có vài tờ báo phần nào phản chiếu lập trường của giáo hội Ấn Quang như Công Luận, Gió Nam...

Chính vì ảnh hưởng không được sâu rộng trên nhiều địa hạt, lại mang một nhược điểm là thiếu tổ chức chặt chẽ, chỉ huy thống nhất nên các lực lượng tranh đấu Phật giáo dễ bị các lực lượng khác có thể là Cộng-sản, cũng có thể là Hoa-Kỳ hướng dẫn để theo mục tiêu của họ hơn là mục tiêu của giáo hội, các cán bộ tranh đấu nhiều khi vượt ra khỏi tầm tay kiểm soát của các nhà lãnh đạo tôn giáo về chính trị. Yếu tố tổ chức cũng là nguyên nhân trọng yếu khiến Phật giáo không đủ phương tiện vận động tất cả tiềm năng của tôn giáo trong các cuộc vận động chính trị : Trong các cuộc biểu tình, tuyệt thực v.v.. người ta thấy chỉ gồm một số tăng sĩ và ít người mộ đạo..., các cuộc tập hợp để thể hiện ý chí chung không bao giờ lên tới con số 100.000 người - trong khi đó Phật tử thường được coi có số tín đồ đông đảo nhất !

## B.- CÔNG GIÁO :

Có 3 đặc điểm đáng lưu ý :

### 1)- Một tổ chức quốc tế :

Nói tới Công giáo người ta thường nghĩ tới một tổ chức vĩ đại, có giá trị quốc tế. Đứng đầu guồng máy tổ chức là Đức giáo hoàng, lãnh đạo tinh thần trên một nửa tỷ giáo dân trên khắp thế giới. Tiếng nói Vatican (thủ đô

của giáo hội Công-giáo) được mọi người, từ các lãnh tụ thuộc khối tự do đến các nhân vật thuộc khối Cộng-sản lắng tai nghe. Với uy tín quốc tế đó, Vatican được hầu hết các quốc gia trên thế giới nhìn nhận như một quốc gia đầy quyền lực. Giáo hội thường đặt tại mỗi quốc gia một vị khâm sứ (được hưởng đầy đủ quyền hành như một vị đại sứ). Vị khâm sứ tại Việt-Nam với tư cách đại diện Vatican bên cạnh chính phủ Việt-Nam có hai nhiệm vụ chính (có tính cách bán chính thức vì tòa thánh Vatican chưa thực sự đạt tương quan ngoại giao với Việt-Nam Cộng-Hòa trên cấp bậc đại sứ).

- Bảo đảm những quyền lợi giáo hội tại Việt-Nam.

- Vừa có tư cách đại diện Đức Giáo Hoàng đối với giáo dân bản xứ, vị Khâm sứ tòa thánh được coi là vị cố vấn của hội đồng giám mục Việt-Nam, thường cộng tác và hoạt động với các giám mục trong nhiều công tác giáo vụ.

## 2)- Một tổ chức chặt chẽ, chỉ huy thống nhất :

Tổ chức Công giáo là một tổ chức lâu đời nhất thế giới so với mọi tổ chức hiện nay của thế giới (lịch sử gần 2.000 năm). Vì thế, hệ thống tổ chức đã ăn sâu vào trong xã hội loài người, công giáo Việt-Nam mặc dầu mới chỉ có 300 năm lịch sử, nhưng những tổ chức đã rập theo lối tổ chức quốc tế, nhất là được củng cố vững chắc tại hạ tầng : ngoài tổ chức chính thức theo chiều dọc : giáo khu, địa phận, xứ đạo, họ đạo còn có một hệ thống công giáo tiến hành do giáo dân đảm trách, cộng tác với hàng giáo phẩm gồm mọi hội đoàn dành cho mọi tuổi tác (nam, phụ, lão, ấu) được phát triển từ trung ương xuống tận các xứ đạo.

Những hội đoàn trực thuộc Ủy ban truyền bá phúc âm.

- legio Mariae
- liên minh Thánh Tâm
- gia trưởng - Hiền mẫu
- gia đình Phật tử

- con Đức Mẹ (hội đoàn các Thiếu nữ)
- Hiệp hội Thánh mẫu (hội đoàn các Thanh niên).

Những hội đoàn trực thuộc Ủy ban Phát triển :

- Bác ái Vinh sơn (conférence de St-Vincent de Paul)
- Thanh niên Thánh Nghiệp (MIJARC)
- Thanh lao công
- Pax Romana và công tư chức
- Cán sự xã hội - gia đình - y tế

Những hội đoàn trực thuộc Ủy ban giáo dục :

- Thiếu nhi thánh thể
- Hùng tâm dũng chí
- Hướng đạo công giáo
- Thanh sinh công
- Sinh viên công giáo (1)

Có thể nói không có một người công giáo nào mà không liên hệ tới một trong các tổ chức trên (dù gián tiếp hay trực tiếp).

Nhưng đặc điểm người ta thấy nổi bật nhất trong tổ chức công giáo đó là sự an khớp, nhịp nhàng giữa các hoạt động của những bộ phận công giáo đều hướng về mục tiêu đã được các cơ quan đầu não vạch trước.

3)- Một tổ chức có mặt trong nhiều địa hạt :

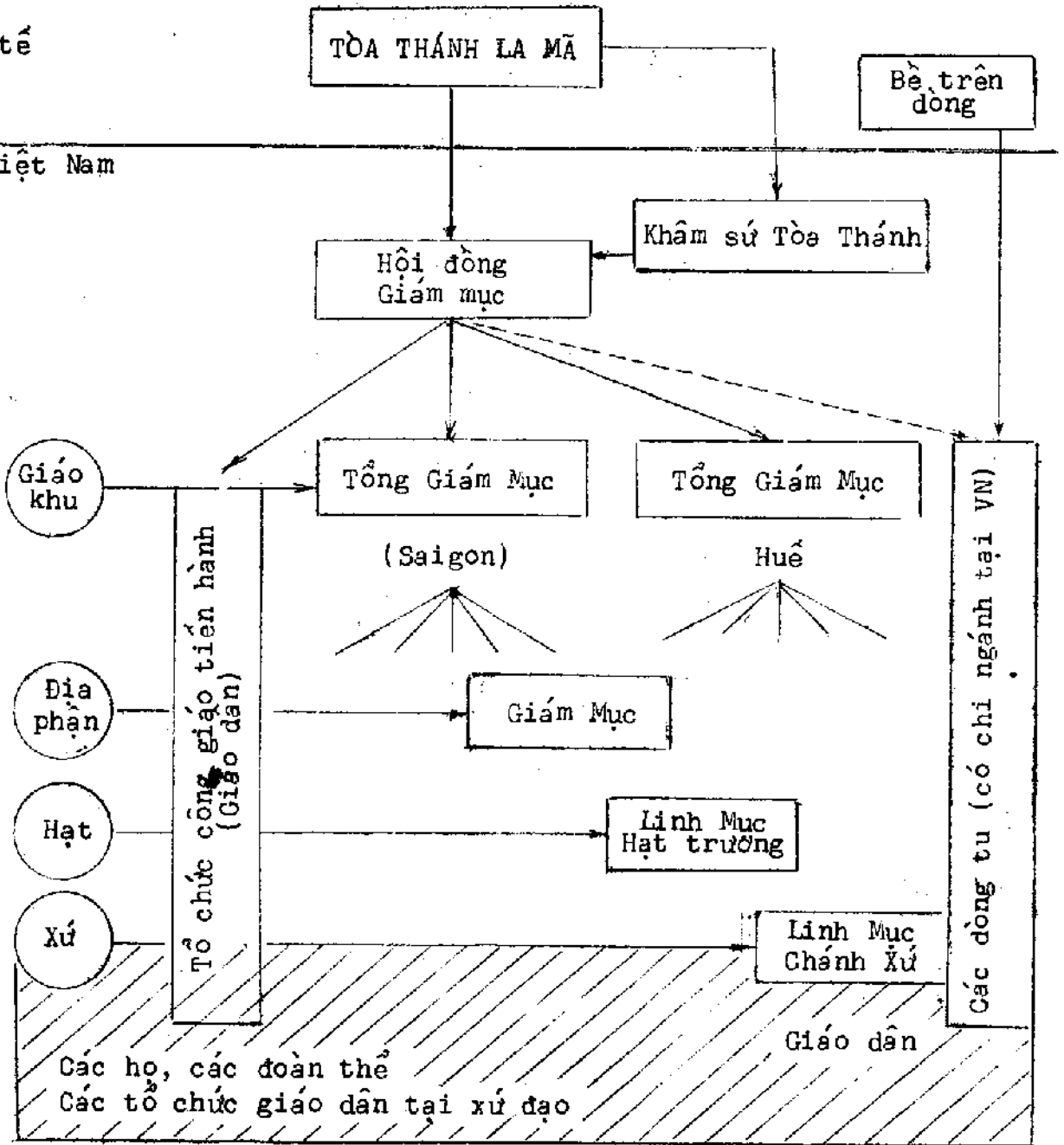
Tầm hoạt động của các tổ chức công giáo Việt-Nam hiện tại lan rộng qua nhiều địa hạt trong xã hội Việt-Nam.

Hiện tại Việt-Nam có tới 26 dòng thuộc các hoạt động : chiêm niệm truyền giáo, giáo dục, nữ tá quốc tế. Các cơ sở văn hóa, các nhà xuất bản, các cơ quan ngôn luận (tuần báo : Thăng Tiến, Sống Đạo; nhật báo như Xây Dựng,

(1) Văn phòng Tổng thư ký Hội đồng giám mục Việt-Nam, 1971.

Quốc tế

Tại Việt Nam



Hòa Bình; báo định kỳ : Đối Diện...). Về phương diện xã hội người ta cho rằng Hiện tại ở Việt-Nam 2/3 hoạt động xã hội đều do các tổ chức công giáo đảm nhiệm : các tổ chức Bác Ái (chi nhánh của Caritas quốc tế) nhà thương, viện cô nhi, nhà dưỡng lão có rải rác hầu hết trên lãnh thổ Việt-Nam.

Nhưng quan trọng nhất có lẽ là phạm vi giáo dục vì người công giáo thường quan niệm "xây trường học trước khi xây nhà thờ", hầu hết các xứ đạo thường có một trường tiểu học và nếu số tín hữu đông thường có thêm một trường trung học. Số thống kê mới nhất do trung tâm công giáo phát hành thì số trường học và học sinh do các cơ quan công giáo phụ trách như sau (chưa kể thống kê địa phận Xuân Lộc và Nha-Trang).

tiểu học : có 291.528 trường; số học sinh 1.785.844  
trung học: có 93.061 trường; số học sinh 429.625.

Hiện tại công-giáo còn có một Viện đại học Đà-lạt thuộc quyền quản trị của Hội đồng giám mục; trường đại học Minh Đức và đại học giáo dục do hàng giáo phẩm công giáo đứng ra quản trị.

Những điểm vừa trình bày đã nói lên ảnh hưởng sâu rộng của công giáo trong xã hội Việt-Nam (Hội đồng văn hóa giáo dục, trong văn phòng có 9 chỗ thì 7 chỗ lọt về tay người công giáo). Với một tổ chức thống nhất và tầm ảnh hưởng sâu rộng, tổ chức công giáo có thể tập trung được nhiều khả năng và tiềm lực theo mục đích của cộng đồng : Những cuộc biểu tình trong ngày 7.6.1964, ngày quốc hận 20-10-1964, ngày an táng cho các nạn nhân trước bộ Tổng Tham mưu đã chứng tỏ sức mạnh của tổ chức công giáo.

## Đoạn II : YẾU TỐ NHÂN SỰ

Việc thành bại của bất cứ tổ chức nào phần lớn đều tùy thuộc vào con người trong tổ chức nhất là hệ thống nhân sự dẫn đạo; Vì thế vấn đề đào tạo cấp lãnh đạo tôn giáo luôn luôn được coi là vấn đề hệ trọng cho sự sống còn tôn giáo; Sự huấn luyện tu sĩ và đưa họ tới việc đảm nhiệm sứ mạng lãnh đạo tinh thần tín đồ, sự kiểm soát tối thiểu để các tu sĩ này không vượt ra khỏi những mục tiêu của tổ chức. Sau hết chúng ta cũng cần tìm hiểu về quan điểm của các tôn giáo như thế nào qua việc các tu sĩ "thành phần lãnh đạo của tôn giáo" đã và đang có những bước lấn qua địa hạt chính trị.

### 1)- Việc đào tạo các nhà lãnh đạo tôn giáo :

Công giáo là một tổ chức đã chú trọng nhiều tới việc đào tạo các tu sĩ để giữ nhiệm vụ hướng dẫn giáo dân - công việc này được đặt ra ngay từ thời kỳ giáo hội còn sơ khai : việc đào tạo các linh mục ngày nay được theo một hệ thống duy nhất qua hai giai đoạn huấn luyện và tuyển chọn kỹ càng.

Việc huấn luyện một linh mục trải qua 2 giai đoạn:

- Tiểu chủng viện : trình độ tương đương từ đệ 7 đến đệ I (7 năm)  
(chương trình tôn giáo được dạy song song với chương trình của bộ quốc gia giáo dục).
- Đại chủng viện : thường 6 hoặc 7 năm.

Hiện tại mỗi địa phận có 1 tiểu chủng viện; và trên toàn quốc hiện có hai đại chủng viện lớn là chủng viện Xuân Bích (Đà-Lạt), chủng viện thành Giuse (Saigon), ngoài ra còn có một số đại chủng viện mới được thành lập. Mỗi một dòng lại có các cơ sở đào tạo tu sĩ riêng theo tiêu chuẩn từng dòng.

Vì qua giai đoạn huấn luyện lâu dài nên các tu sĩ thụ phong linh mục, thường tỏ ra thông hiểu đạo giáo và rất trung thành với tôn giáo. Thêm vào đó với trình độ học vấn cao (tương đương cấp đại học, có khi hơn) thường được dân chúng cũng như chính quyền nể vì.

Theo giáo sư Trần-van-Trung thì vấn đề gởi các tu sĩ du học cũng được giáo hội công giáo chú ý rất nhiều "sinh viên và tu sĩ Thiên chúa giáo du học nhiều từ 1950 trở đi, còn tu sĩ Phật giáo chỉ du học chừng 7, 8 năm trở lại đây thôi (1).

Phía Phật giáo vấn đề huấn luyện một giới tăng sĩ có học đã được đặt ra ngay từ thời kỳ Phật giáo phục hưng (1949). Nhưng thực tế ngày nay mặc dù Phật giáo đã tiến tới một tổ chức thống nhất, người ta vẫn thấy không có một tiêu chuẩn rõ ràng trong việc sắp xếp cấp bậc giữa các tu sĩ, các người xuất gia đầu Phật không cần có khả năng tối thiểu nào, chỉ cần được vị sư trưởng trụ trì một ngôi chùa nhận làm đệ tử là có quyền trở thành tu sĩ ! Tuy nhiên chúng ta thấy đã có nhiều cố gắng của giáo hội trong việc đáp ứng những lời cổ võ của các nhà sư tha thiết với vận mệnh của Phật giáo (2) trong việc thiết lập các chủng viện theo kiểu công giáo để huấn luyện tu sĩ : hiện nay Phật giáo đã có một số cơ sở đào tạo tu sĩ (trung cấp) Phật học viện Huệ-Nghiêm, Phật học viện Quảng Đức, Phật học viện Nha Trang (Liễu Quang), Phật học bảo quốc hộ... Việc đào tạo các tu sĩ là một việc, nhưng việc xử dụng các tu sĩ này lại là một việc khác. Hiện nay Phật giáo chưa giải quyết được vấn đề phân phối các vị tăng sĩ xuất thân từ các học viện đi các địa phương hay các cơ sở Phật giáo, vì thiếu một tiêu chuẩn duy nhất, thiếu một hệ thống quản trị duy nhất (các vị sư trụ trì tại một ngôi chùa có khuynh-hướng biệt lập, tự trị).

(1) Trần-văn-Trung - "Thiên Tử, cấp tiến..." trả lời phỏng vấn Bách Khoa - Bách Khoa 341 trang 49.

(2) Thích Nhất Hạnh "Đạo Phật ngày mai" (các ý kiến liên quan việc phát triển giáo hội) Bách Khoa số 327, 15-8-1970 trang 9-17.

2)- Hệ thống chỉ huy :

Trong giai đoạn này giáo hội Ấn Quang đang có nhiều hoạt động nhằm mục đích phát triển tổ chức và khả năng kiểm soát Phật tử cũng như tăng sĩ đi theo đúng đường lối giáo hội. Nhưng xét một cách tổng quát hiện tại Phật giáo chưa có một hệ thống chỉ huy hoàn hảo : vai trò tự trị của các cơ sở Phật giáo vẫn còn duy trì : các tu sĩ trong các ngôi chùa chỉ bị chi phối bởi quyền hành của vị sư trưởng, các vị sư cũng không hề có liên hệ chặt chẽ với các Phật tử, ngược lại các tín đồ cũng không bị chi phối bởi một hệ pháp hay quyền uy của một tổ chức nào. Nói tóm lại Phật giáo Việt-Nam hiện tại là một tổ chức gồm các cơ sở, chùa chiền, tu sĩ, Phật tử rời rạc thiếu những liên hệ trong một hệ thống chỉ huy thuần nhất.

Chính yếu tố này đã làm Phật giáo đã có nhiều phần tử bất hảo (kể cả các phần tử Cộng sản) len lỏi vào hàng ngũ Phật giáo trong các giai đoạn đấu tranh chính trị và nhiều khi đã làm sai hẳn mục tiêu đấu tranh của Phật giáo.

Trong khi đó công giáo có hệ thống chặt chẽ, một kỷ luật vững chắc các tu sĩ và giáo dân có nhiều mối dây liên hệ rõ rệt, giữa các giáo sĩ được đặt trong một hệ thống đẳng cấp, mệnh lệnh của Đức giám mục được chấp hành một cách rất đúng đắn, các chế tài tinh thần như rút phép thông công, treo chén (không được phép hành lễ)... là những hình phạt nặng nề để duy trì sự thống nhất và kỷ cương của giáo hội. Riêng đối với các tu sĩ sự tuân phục đã được coi là một đức tính tối quan trọng trong đời sống (3 đức tính vị linh mục phải tuyên giữ : vâng lời (theo lệnh bề trên), trong sạch, khó khăn). Điều này được thể hiện rõ trong bản kêu gọi đồng bào công giáo toàn quốc của linh mục Hoàng Quỳnh :

"... tôi quyết định vâng lời nhắn nhủ của Đức Giáo Hoàng qua Đức Khâm sứ Tòa Thánh tại Việt-Nam và Đức tổng giám mục Saigon, đứng lên kêu gọi anh em..." (1).

(1) Hoàng Quỳnh "Lời kêu gọi các công dân công giáo", Chọn số 5 trang 67.



3)- Tu sĩ và vấn đề chính trị :

Đây là vấn đề có tính cách tế nhị và gay go nhất, đây cũng là đặc tính chung của các quốc gia chậm tiến theo nhận định của Fred-W-Rigg tại các quốc gia chậm tiến luôn luôn có sự cách biệt giữa lý thuyết và thực tế.

Trên khía cạnh lý thuyết : Hầu hết các tu sĩ dù là công giáo hay Phật giáo luôn luôn từ chối là họ không có hoạt động chính trị mà chỉ hoạt động vì quốc gia dân tộc - Thực ra đây chỉ là một lối nói !

Thượng tọa Thích-thiện-Ân khi trả lời một ký giả ngoại quốc đã xác định : "Tu sĩ Phật-giáo không được bàn luận hoặc tham gia tổ chức chính trị nào"(2). Linh mục Hoàng Quỳnh cũng cho rằng chính trị không thích hợp với thiên chức của tu sĩ. Về phía giáo dân người ta cũng thấy, nhiều tín hữu cũng không muốn tu sĩ tham gia vào chính trị vì :

- phạm sự chính của các tu sĩ không phải là phạm sự chính trị.
- Dẫm chân lên nhiệm vụ của các tín đồ.
- Dễ đem sự hiểu lầm tai hại cho tôn giáo...

Do đó nếu muốn hoạt động chính trị các vị nên cởi áo thầy tu, trở về đời sống giáo dân ... (1)

Trên thực tế : chúng ta thấy một sự thực hiện nhiên cả bên Phật giáo và Công-giáo các tu sĩ đã hoạt động chính-trị một cách tích cực. Phật giáo : thượng tọa Thích-Tâm-Châu, Thích-trí-Quang, Thích-thiện-Hoa, Thích-huyền-Quang... Công giáo : có linh mục Hoàng Quỳnh, Trần Du, Nguyễn-quang-Oánh, Nguyễn-ngọc-Lan...

(1) Nguyễn-văn-Ái "Các hoạt động chính trị của một số linh mục Cấp Tiên ở Việt-Nam" (cuộc phỏng vấn của phóng viên báo Đới) - Đới số 75 trang 12-13.

(2) Thích Thiện Ân - "Phật giáo xưa và nay" trang 3.

Tuy nhiên giữa Phật giáo và Công giáo người ta thấy có vài sắc thái khác biệt : cấp lãnh đạo chính trị trong tổ chức công giáo không phải là những tu sĩ cao cấp trong giáo hội. Hội đồng giám mục cũng như các giám mục không chính thức trực tiếp tham gia hoạt động chính trị. Giới lãnh đạo chính trị công giáo là những tu sĩ ở hàng linh mục, sự lãnh đạo của họ dựa vào uy tín cá nhân và khả năng thu hút giáo dân và các tu sĩ khác. Mặc dù có ưu thế chính trị các tu sĩ này không dám vượt thoát khỏi vòng kiểm soát và chỉ thị của Hội đồng giám mục. Những chế tài tôn giáo của thượng cấp đối với họ, có thể tước bỏ mọi uy tín và quyền lợi cá nhân của tu sĩ đối với cộng đồng giáo dân !

Sự đứng ngoài (vận động chính trị) của các tu sĩ cao cấp công giáo khiến cơ cấu tổ chức tôn giáo thuần túy không bị sút mẻ, sự ly tán trên khía cạnh chính trị có thể hạn gán được nếu có sự điều hợp và nhất là việc sử dụng quyền thượng cấp của Hội đồng giám mục. Một điều dễ hiểu người ta thấy trong các cuộc bầu cử Thượng viện 1967 và 1970 các cử tri công giáo ủng hộ các liên danh được sự thiện cảm của hội đồng giám mục (trong khi khuynh hướng chính trị công giáo có khuynh hướng ly tán).

Trái lại Phật giáo trong các việc điều khiển hoạt động chính trị đều do các tu sĩ cao cấp ở hai viện tạng thống và hóa đạo trực tiếp điều hành (thượng tọa Thích-Tâm-Châu : viện trưởng Viện Hóa Đạo, thượng tọa Thích-Trí-Quang : tổng thư ký viện tạng thống). Vì thế khi có mâu thuẫn về đường lối chính trị thường kéo theo sự đổ vỡ tổ chức giáo hội : Sự chia rẽ hai tổ chức Việt-Nam Quốc Tự và Ấn-Quang là do hậu quả sự khác biệt về phương sách đối phó với chính phủ Nguyễn-Cao-Kỳ. Thêm vào đó sự có mặt các tu sĩ cao cấp trong hoạt động chính trị dễ khiến khuôn mặt đạo hạnh từ bi của các thượng tọa (chỉ đạo giáo hội) bị phai mờ (do những hoạt động chính trị như xuống đường, biểu tình...) dễ bị báo chí và dư luận thù ghét tạo ra những hình ảnh bí ẩn, giả dối quanh các thượng tọa. Nhất là trong giáo hội Phật

giáo thiếu một cơ quan có đủ uy tín như tổ chức Công-giáo để giữ nhiệm vụ trọng tài nhằm hòa giải những mâu thuẫn, bất đồng. Yếu tố này ảnh hưởng rất lớn đến thành quả chính trị của Phật giáo.

4)- Vấn đề địa phương và sự thống nhất tổ chức tôn giáo

a)- Vấn đề địa phương : Theo giáo sư Nguyễn-ngọc-Huy thì khung cảnh địa lý và lịch sử phần nào ảnh hưởng tới quan niệm triết lý và tâm tính con người. Trong quá trình lịch sử chúng ta thấy dân tộc Việt-Nam lập nghiệp từ châu thổ sông Hồng Hà và tiến lên về phía Nam qua nhiều giai đoạn :

\* Quá trình lịch sử :

- Trong giai đoạn đầu lịch sử dân tộc Việt-Nam được ghi dấu bằng thời kỳ đô hộ của người Trung Hoa gần 1.000 năm. Dân chúng miền châu thổ sông Hồng phải chịu đựng những gian khổ do chính sách hà khắc của các quan lại người Tàu cho nên những người sống ở vùng này an nói thường phải dè dặt, tế nhị, chài chuốt và có khuynh hướng khép kín, ít cởi mở... có khuynh hướng thỏa hiệp khi thấy sự tranh đấu quá khó khăn nếu không đem lại kết quả mong muốn... nhưng sự tranh đấu bền bỉ...

- Đối với dân chúng cư ngụ ở vùng ranh giới Bắc phần và tiến lên về phía Nam, nhờ yếu tố địa lý hiểm trở (nhiều núi rừng) giúp các tổ chức kháng chiến chống ngoại xâm có cơ hội phát triển và tồn tại được lâu dài, thêm vào đó với những khó khăn thiên nhiên "cày ra sỏi" khiến con người phải cần cù, kiên nhẫn để mưu sinh cho nên dân chúng ở vùng này có tinh thần bất khuất, thích chống đối và ít có tinh thần thỏa hiệp hơn là những người sống ở vùng châu thổ Bắc phần.

- Khi cuộc Nam tiến xuống tận miền Nam với cánh đồng rộng mênh mông. Vì được thiên nhiên ưu đãi, những

người lập nghiệp tại các vùng miền Nam cảm thấy vấn đề sinh sống không có tính cách cấp thiết, vì thế dân chúng có khuynh hướng "an chơi", thành thật và sức đề kháng không mạnh mẽ bằng các người thuộc vùng Bắc và Trung phần.

\* Quá trình chia rẽ địa phương :

Sự chia rẽ địa phương được người Pháp khai thác triệt để nhằm giảm bớt sự liên kết các phần tử chống Pháp giữa 3 miền Nam, Trung, Bắc; với chính sách chia để trị người Pháp đã đặt 3 miền dưới những qui chế cai trị khác nhau : các tỉnh miền Nam theo qui chế thuộc địa, miền Bắc theo qui chế bảo hộ, miền Trung theo qui chế nửa tự trị nửa bảo hộ.

Khi thành lập liên bang Đông-dương Việt-Nam không tham dự với một đơn vị duy nhất nhưng với 3 thành phần khác nhau : Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt.

Dưới chính phủ Bảo Đại mỗi miền được đặt dưới sự cai trị của Thủ hiến, có quyền hành rộng lớn có khuynh-hướng lấn át quyền hành của chính quyền Trung-ương.

Đó là khía cạnh pháp lý, trên thực tế người Pháp đã khơi sâu những dị biệt giữa những người thuộc 3 miền để tạo mâu thuẫn và hận thù.

Sau Hiệp định Genève 1954 gần một triệu đồng bào miền Bắc di cư vào Nam tạo cơ hội cho sự hội nhập giữa những người cùng một dòng máu, nhưng hiện tại những bất đồng và nghi kỵ vẫn chưa gột hết. Vấn đề địa phương vẫn là mối lo ngại cho sự thống nhất quốc gia khi sự chia rẽ đặt căn bản trên địa phương chẳng hạn như tổ chức Phục hưng miền Nam (dành cho những người miền Nam mà thôi), Đại Việt quan lại (Bắc Việt); Đại Việt cách mạng (miền Trung), Tân Đại Việt (miền Nam), Quốc dân đảng sứ bộ miền Bắc, miền Trung, miền Nam...

b) - Vấn đề địa phương và tôn giáo : Vấn đề địa phương cũng đã biến dạng phần nào sinh hoạt cũng như quan niệm của một tôn giáo : có vùng sùng đạo hơn các vùng khác, có vùng kỳ thị tôn giáo khác hơn các vùng khác...

\* Vấn đề nghi kỵ giữa các tôn giáo theo từng địa phương : vấn đề nghi kỵ giữa các tôn giáo tại các miền Bắc và miền Nam không mạnh mẽ và ít xảy ra, trái lại tại miền Trung sự nghi kỵ giữa Công giáo và Phật giáo có vẻ trầm trọng : trước kia luôn có sự xích mích và thanh toán giữa những làng công giáo và các làng Phật giáo : Công giáo theo Tây nên bị lên án và khủng bố (các phong trào Văn Thân) khi người Pháp cai trị người công giáo lại có khuynh hướng "trả thù". Công giáo theo chính phủ Ngô-đình Diệm, Phật giáo chống "độc tài, kỳ thị tôn giáo Nhu Diệm" vì thế sau ngày 1-11-1963 có nhiều vụ xô xát đẫm máu tại Huế, Đà Nẵng... giữa người Phật giáo và Công giáo...

\* Vấn đề chia rẽ tôn giáo theo các địa phương : trước một đối thủ, tôn giáo thường có khuynh hướng đoàn kết không phân biệt địa phương, nhưng khi kẻ thù bị hạ, lực lượng tôn giáo phần nào có khuynh hướng khuếch tán theo địa phương tính :

Công giáo sau khi đối thủ chung là Phan-huy-Quát phải ra đi, lực lượng chính trị Công giáo bắt đầu phân hóa: công giáo Bắc, công giáo Nam.

- Công giáo Bắc có khuynh hướng thủ cựu, chống cộng tích cực : các dân biểu, nghị sĩ công giáo gốc Bắc thường có khuynh hướng thân hành pháp, chống lập trường trung lập, thỏa hiệp với Cộng sản...

- Công giáo Nam có khuynh hướng cấp tiến, tuy nhiên lại tiêu cực (không dám làm mạnh). Đa số các dân biểu công giáo miền Nam có khuynh hướng đối lập với chính quyền, nhưng chỉ tuyên bố!

Về phía Phật-giáo cũng có sự phân chia theo khuynh hướng địa phương :

- Phật giáo Việt-Nam Quốc Tự : gồm đa số các thượng tọa gốc Bắc Việt di cư có tinh thần thỏa hiệp, đi với chính quyền.

- Phật giáo Ấn-Quang gồm đa số các thượng tọa miền Trung có khuynh hướng đối lập, chống chính quyền mạnh mẽ nhất. Ngoài ra có nhiều dư luận cho rằng khối Ấn Quang cũng đang có sự phân hóa ngầm ngầm giữa các vị lãnh đạo miền Nam (thượng tọa Thiện Hoa) và các vị Miền Trung. Tuy nhiên hiện tại người ta chưa thấy những triệu chứng trầm trọng nào, khả dĩ đưa tới sự ly tán của lực lượng Ấn Quang.

c)- Địa phương và vấn đề tự trị : Theo hiến pháp 1.4.1967, căn cứ các điều 71, 65 các vị chỉ huy các đô, tỉnh và thị, xã sẽ do dân chúng bầu theo lối phổ thông đầu phiếu. Nếu không có sự sửa đổi hiến pháp thì trong nhiệm kỳ 2 của tổng thống Việt-Nam (1971-1975) việc bầu cử các cấp chỉ huy các đơn vị hành chính này phải được xúc tiến. Việc bầu cử các vị chỉ huy cơ quan chấp hành ở các cấp tỉnh, thị, xã và đô thành đã đặt cho nhà cầm quyền Trung ương nhiều mối quan tâm : vấn đề chính vẫn là liệu việc bầu cử này có thể tạo ra các tập thể địa phương biệt lập với Trung ương hay các khu tự trị của tôn giáo và đảng phái không ?

Hiện nay Phật giáo có ảnh hưởng mạnh tại miền Trung; Công-giáo có đông tín đồ ở các tỉnh Biên Hòa, Long Khánh; Phật-giáo Hòa Hảo ở An-Xuyên, Châu Đốc; Cao Đài giáo ở Tây Ninh... và tất nhiên trong các vùng đó chỉ có những nhân vật được đa số tín đồ địa phương ủng hộ mới có hy vọng đắc cử. Dĩ nhiên những người đắc cử tại các địa phương đó thường phải chiều theo các áp lực của các tôn giáo. Liệu chính quyền trung ương có đủ khả năng chỉ phối hay thay thế các vị chỉ huy bằng binh chỉ thích thỏa mãn nhu cầu địa-phương, không cần đem xía tới chính quyền trung ương ?

Đây cũng là một e ngại lớn lao do sự tập trung ảnh hưởng tôn giáo tại một số địa phương có thể tạo ra những nguy cơ cho sự ly tán của cả một dân tộc và ngay cả sự phân ly giữa các địa phương trong cùng một tôn giáo.

#### Tiết IV

### TÔN GIÁO TRONG BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VIỆT NAM CỘNG HÒA

#### Phân tiết I

#### TÔN GIÁO VÀ CƠ CẤU CÔNG QUYỀN

##### A.- TÔN GIÁO VÀ QUỐC GIA VIỆT NAM

Sự hiện diện các tôn giáo trong nước khiến các chính phủ phải có đường lối cư xử với tôn giáo : hoặc thờ ơ hoặc ủng hộ hoặc chống đối. Trong lịch sử Việt-Nam Phật giáo và Công giáo cũng đã từng bị ghi nhận là "tà đạo" và bị đàn áp nhưng cũng có giai đoạn tôn giáo được đề cao và được nâng lên hàng quốc giáo.

##### 1)- Vị trí tôn giáo trong lịch sử Việt-Nam :

- Phật giáo được coi là quốc giáo trong các triều đại Lý-Trần (1010-1406).
- Công giáo là kẻ thù dân tộc (từ Minh Mạng đến các phong trào Cần-Vương - 1820).
- Công giáo được ưu đãi trong thời Pháp thuộc (1884-1945) dưới thời đệ nhất Việt-Nam Cộng-Hòa (1954-1963).
- Phật giáo với các thời kỳ "Pháp nạn" 1963, 1967.

##### 2)- Vấn đề quốc giáo :

Mặc dầu trên lý thuyết đã có sự phân lập giữa giáo quyền và thế quyền. Nhưng thực tế cho thấy hiện nay tại

nhiều quốc gia Á Châu tình trạng lẫn lộn giữa đạo và đời vẫn còn được duy trì : một tôn giáo có đông đảo tín đồ tại một quốc gia thường được nhìn nhận là quốc giáo với nhiều đặc quyền.

Phật giáo được nhận là quốc giáo tại một số quốc gia Ai Lao, Kampuchia, Lào, Miến Điện, Thái Lan.

Phi-Luật-Tân nhìn nhận công giáo là quốc giáo.

Hồi-Quốc nhận đạo Hồi Hồi là quốc giáo.

Tại miền Nam Việt-Nam, vấn đề quốc giáo cũng là đề tài tranh luận từ nhiều năm nay. Đây cũng là vấn đề ưu tư của chính quyền trước những áp lực của các phe nhóm đòi đặc quyền "suy tôn 1 tôn giáo lên làm quốc giáo". Hiến pháp 1.4.1967 đã có một thái độ dứt khoát về vấn đề này qua đoạn 2 điều 9 :

"Quốc gia không thừa nhận một tôn giáo nào là quốc giáo. Quốc gia vô tư đối với sự phát triển các tôn giáo".

Trong quá khứ các tôn giáo đã có những tham vọng gì trong cộng đồng quốc gia ?

Nhiều hoạt động của Phật giáo cũng như công giáo đã làm cho người ta liên tưởng tới những cố gắng của tôn giáo nhằm tiến tới sự thừa nhận một tôn giáo là quốc giáo: Trong những năm từ 1954 đến 1963 người ta chứng kiến nhiều trường hợp trở lại đạo công giáo có tính cách tập thể : có khi 1 xã, 1 ấp (dư luận cho là bị cưỡng ép); vai trò quan trọng của Đức Cha Ngô-dình-Thục trong chính trường; một số tu sĩ công giáo được coi là cố thế lực trong chính quyền...

Phật giáo sau ngày 1-11-1963 người ta thấy xuất hiện một số quan niệm lập trường nhằm xác định vai trò ưu thế của Phật giáo trong cộng đồng : thượng tọa Thích-trí-



Quang nhìn nhận : Phật giáo của dân tộc (1). Trong cuốn Phật giáo xưa và nay thượng tọa Thích-Thiện-Ân viết : "Đặc tính chủ yếu của Phật giáo đại thừa là đồng hóa với cá tính quốc gia mà nó xâm nhập... đạo Phật trong sự giải thích đó là ý thức quốc gia và bản chất của người Việt-Nam". Điều đó có nghĩa muốn đồng hóa Phật giáo với dân tộc.

Theo linh mục Trần-hữu-Thanh những cố gắng của Phật giáo trong những giai đoạn trên với mục đích "trình bày Phật giáo như một biến cố căn bản để xây dựng văn hóa dân tộc Việt-Nam" (2).

Ngoài ra còn một số những dữ kiện cho phép người ta nghi ngờ Phật giáo đang muốn trở lại thời kỳ vàng son Lý Trần.

- Trong các văn thư chính thức, giáo hội Việt-Nam thống nhất thường xác định Phật giáo chiếm 90% dân số.

- Việc thiết lập một ngôi chùa làm trụ sở giáo hội Việt-Nam thống nhất lấy tên "Việt Nam Quốc Tự".

- Muốn hướng dẫn, chi phối, đưa người của giáo hội vào chính quyền. Những việc làm của Phật giáo đã đưa đến mối lo âu của giới Công giáo khi linh mục Hoàng-Quỳnh lo ngại sẽ có một sắc luật thừa nhận Phật giáo là quốc-giáo. Vì thế trong bài giải thích lập trường Công-giáo sau ngày 7-6-1964. Linh mục Hoàng-Quỳnh đã nhấn mạnh lập trường "Công giáo chống mọi hình thức thiết lập quốc giáo (dù đó là Công giáo) (3).

---

(1) Thích-Trí-Quang - Lời giới thiệu của thượng tọa trong cuốn "Phật giáo với Máxit" - Trần-quang-Thuận dịch trang 1.

(2) Trần-hữu-Thanh - Người Công giáo Việt-Nam đứng trước sứ mệnh của mình, trang 67.

(3) Hoàng-Quỳnh "Lập trường của Ủy ban trung ương tranh đấu Công giáo Việt-Nam" sách đã dẫn trang 31.

Giáo sư Nguyễn-ngọc-Huy trong buổi hội thảo các vấn đề chính trị đã đưa đến một kết luận về vấn đề này như sau: Trong những giai đoạn sau đây các tôn giáo đã có những tham vọng hay ít ra là tham vọng của một số giáo sĩ cao cấp muốn biến tôn giáo mình thành quốc giáo (1).

1945 - 1954 Cao-Đài, Hòa-Hảo

1954 - 1963 Công-giáo

1963 - 1967 Phật giáo

## B.- TÔN GIÁO VÀ CHÍNH QUYỀN HIỆN TẠI

### I.- Phật giáo và chính quyền tổng thống Nguyễn-van-Thiệu

Chính quyền hiện tại được thành hình theo bản hiến pháp 1.4.1967. Mặc dù là một tổng thống dân cử nhưng Ông Nguyễn-van-Thiệu là một tướng lãnh, đã là chủ tịch Ủy ban lãnh đạo quốc gia và đã có nhiều hành động bị coi là không thỏa mãn những yêu sách của Phật giáo. Phật giáo Ấn Quang luôn luôn tỏ ra chống đối từ chính sách đến sự hiện diện của tổng thống Nguyễn-van-Thiệu với chức vị lãnh đạo quốc gia. Nhưng dần dần với thời gian Phật giáo đã bắt đầu chuyển hướng để tìm một đường lối hợp lý trong các hoạt động chính trị, mong tạo quyền lợi thiết thực cho giáo hội. Chính vì thế chúng ta có thể chia thái độ của Phật giáo đối với chính quyền hiện tại làm hai thời kỳ :

#### 1)- Thời kỳ bất hợp tác :

Lập trường của giáo hội Phật giáo đối với các chính quyền đã được thượng tọa Thích-trí-Quang ghi rõ trong "Tâm lục ảnh" như sau : "Thái độ của Phật giáo đối với chính-phủ cực kỳ đơn giản : không tán thành hay chống đối với chính-phủ, mà chỉ tán thành hay chống đối chính sách" (2).

(1) Nguyễn-ngọc-Huy - Hội thảo các vấn đề chính trị Cao học 6 (1971)

(2) Thích-Trí-Quang - Tâm lục ảnh - trang 76 tập 4-1964.

Nhưng thực tế, các hoạt động của Phật giáo đối với các chính quyền không hoàn toàn theo đúng tiêu chuẩn trên.

a) - Đối lập với chính phủ :

- Phủ nhận căn bản chế độ : Mặc dù chính Phật giáo đòi hỏi một chính phủ dân sự với tất cả những cơ cấu dân chủ, nhưng khi chính quyền của Trung-tướng Nguyễn-van-Thiệu ban hành sắc luật bầu cử quốc hội lập hiến thì Phật giáo Ấn Quang tẩy chay không tham dự; Trong các cuộc bầu cử Tổng Thống - Phó Tổng Thống và Thượng-nghị-viện... đến cuộc bầu cử Hạ nghị viện, Phật giáo tỏ ra chống đối mãnh liệt và phủ nhận kết quả cuộc bầu cử :

Phật giáo không đưa một liên danh hay ủng hộ một liên danh nào ra tranh cử Tổng Thống và Nghị-sĩ.

Trong các ngày 23-24 tháng 9 năm 1967 sinh viên Huế, Cần Thơ, Saigon biểu tình trước chợ Bến Thành chống kết quả bầu cử Tổng Thống được giáo hội Ấn Quang ca ngợi là những hành động hợp lý, hợp với lòng dân.

Ngày 3.9.1967 Viện Hóa Đạo hội họp tại chùa Ấn-Quang với sự hiện diện các thượng tọa Thiện-Luật, Trí-Quang, Pháp-Tri, Huyền-Quang nhằm thảo luận việc đòi hủy bỏ bản Hiến-chương mới và đồng thời tán thành các cuộc vận động hủy bỏ kết quả cuộc bầu cử Tổng Thống ngày mùng 3.9.1967.

Nói tóm lại Phật giáo Ấn-Quang đã phủ nhận hoàn toàn căn bản pháp lý của chế độ hiện hữu.

Riêng đối với Tổng-thống Nguyễn-van-Thiệu, Phật-giáo tỏ ra ít thiện cảm : sự kiện này có thể giải thích bằng hai lý do : Tổng-thống Nguyễn-van-Thiệu là người Công giáo, chính điểm này nghị-sĩ Trần-quang-Thuận đã bộc lộ qua câu tuyên bố của ông tại ngoại quốc "Tổng-thống Nguyễn-van-Thiệu là người công-giáo mà lại cai trị một quốc gia

có đa số là Phật giáo". Lý do thứ hai là Tổng-thống Nguyễn Văn Thiệu trong những năm cai trị không thỏa mãn một số những yêu sách của Phật giáo đồng thời cũng trong giai-đoạn này Phật giáo bị giảm uy tín rất nhiều trong dư luận quốc nội cũng như quốc ngoại mà Phật giáo cho rằng chính tổng-thống Nguyễn-văn-Thiệu là mấu chốt cho sự suy giảm uy tín của Phật giáo. Trong cuộc bầu cử Tổng-thống 1971, Phật-giáo Ấn-Quang qua bản thông cáo của Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo đã kê khai một số tội ác của Tổng-thống Nguyễn-văn-Thiệu đối với Phật giáo :

. 1966 đàn áp đẫm máu Phật giáo để trả thù về cuộc đòi hỏi quốc hội lập hiến tại thu đô cũng như các tỉnh nhất là miền Trung.

. 1968 an trí thượng tọa Trí-Quang, các đại đức Hộ-Giác, Liễu Minh, Nhật Trường và các cán bộ Phật tử.

. 1969 làm án 15 nam khổ sai và cấm cố Thượng tọa Thiện-Minh, tịch thu Trung tâm Quảng-Đức tại đường Công-Lý Saigon.

. 1970 cho quân đội đánh chiếm, đốt phá, giết tang ni Phật tử tại Việt-Nam Quốc-Tự; một lần nữa, giữa đêm giới nghiêm ngày mùng 5 tháng 5 1970.

. 1971 bắt bớ khủng bố cán bộ Phật giáo và để trả thù cuộc bầu cử hạ viện. Bao vây chùa chiền và các cơ sở hiện nay để đàn áp phong trào chống bầu cử phi dân chủ ngày 3.10.1971.

- Ứng hộ mọi phong trào chống chính phủ : Phong trào phụ nữ đòi quyền sống, phong trào chống Quân sự học đường, phong trào thương phế binh đòi quyền sống, phong trào chống thân thiện với Kampuchia, phong trào đòi hòa bình... được Phật giáo Ấn Quang tán trợ một cách tích cực.

b)- Đổi lập chính sách :

Tổng thống Nguyễn-van-Thiệu lãnh đạo quốc gia theo chiều hướng của điều 4 hiến pháp ngày 1.4.1967 :

- "Việt-Nam Cộng-Hòa chống lại chủ nghĩa Cộng-sản dưới mọi hình thức.

- Mọi hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng-sản đều bị cấm chỉ".

Với thời gian lập trường này đã thay đổi một cách uyển chuyển cho phù hợp với từng giai đoạn chính trị. Nhưng căn bản "chống Cộng" vẫn còn được giữ nguyên vẹn : với chủ trương chiến thắng Cộng-sản và lập trường "4 không" của Tổng-Thống Nguyễn-van-Thiệu (không liên hiệp với Cộng-sản, không trung lập theo kiểu Cộng-sản, không chia đất cho Cộng-sản, không cho Cộng-sản hoạt động công khai).

Để đeo đuổi những mục tiêu trên chính phủ Việt-Nam đã thực hiện :

- Tăng cường sức mạnh quân đội : tăng cường quân số và trang bị vũ khí tối tân.

- Mở rộng chiến tranh để tiêu diệt các lực lượng Cộng-sản Bắc-Việt ra ngoài lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa qua các cuộc hành quân tại Hạ Lào và Kampuchia.

Trong khi đó, Phật giáo kêu gọi chấm dứt chiến-tranh, hủy bỏ luật Tổng động viên (qua các phong trào Sinh viên học sinh Phật-tử, các câu tuyên bố của các dân biểu hay nghị-sĩ thân Ấn-Quang), chống Quân sự học đường.

Phật giáo cũng từng lên án các cuộc hành quân của quân lực Việt-Nam Cộng-Hòa qua Ai-Lao và Cao-Miên cho là xâm lược các quốc gia lân bang; kết án quân-đội Việt-Nam là lính đánh thuê cho Mỹ, cho những lời biện

hộ của chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa khi đưa quân sang Lào là "những luận điệu của các cường quốc xâm lược" (lời Nghị sĩ Vũ-van-Mẫu thụ ủy liên danh Hoa-Sen thuộc khối Ấn Quang).

2)- Thời kỳ hội nhập tích cực : (từ 1970)

Với những kinh nghiệm chống đối đến cùng với chính phủ, Phật giáo Ấn Quang đã thấy nhiều bất lợi, vì thế đã bắt đầu chuyển hướng : chấp nhận chế độ hiện hữu và tranh đấu trong khuôn khổ luật pháp. Thời kỳ này giáo hội Ấn-Quang đã đi theo một chiến thuật hết sức tế nhị; vừa tham gia vừa chống đối :

- Duy trì chính sách đối lập.

- Tham gia sinh hoạt chính trị do chính phủ dựng ra tổ chức, điển hình qua các cuộc bầu cử Thượng và Hạ nghị viện, ngay cả cuộc bầu cử Tổng-Thống mà Phật giáo kết án là phi dân chủ (nhiệm kỳ 2).

Chính sách nước đôi này vừa củng cố được ưu thế của giáo hội đối với chính quyền vừa thu hút được các phần tử bất mãn; lối đối lập này làm hài lòng cả Mặt trận giải phóng miền Nam, điều này hình như nằm trong tham vọng của các thượng tọa cao cấp Phật giáo Ấn-Quang nhằm hòa giải dân tộc.

Điển hình cho đường lối "sống chung hòa bình" với chính quyền miền Nam là khi khối Ấn Quang chỉ chống đối một cách "tượng trưng" cuộc chạy đua "độc diễn" của Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu vào dinh Độc-Lập, trong khi đó khối Ấn-Quang từ bỏ sự ủng hộ liên danh Dương van Minh - Hồ van Minh ra tranh cử Tổng Thống. Các thượng tọa cũng đòi hỏi đám sinh viên tuyệt thực tại chùa Ấn Quang để chống độc diễn nên ngưng ngay hình thức tuyệt thực vì "tuyệt thực, đối với các thầy không phải là một phương pháp tranh đấu nữa mà lại còn nguy hại cho giáo hội, nhất là trong lúc tranh cử Hạ-viện đương tới" (1)

(1) Trần-triệu-Việt - "Một biến cố lớn! đường chiến lược mới của Ấn-Quang" - Chính-Luận ngày 11.9.1971.

Để giải thích sự thay đổi đường lối mới của Phật-giáo Ấn Quang người ta đã đưa ra một số những lý do đã khiến các nhà lãnh đạo Phật giáo phải từ bỏ đường lối tranh đấu quá khích để theo một đường lối có tính cách ôn hòa và uyển chuyển hơn.

- Lý do thứ nhất : sau những thất bại liên tiếp, Phật giáo đã ý thức rõ rệt thực tại khả năng của mình cũng như khả năng của các lực lượng khác kể cả chính quyền.

- Lý do thứ hai : trong những năm 1966-1967 hàng ngũ của giáo hội Ấn Quang bị tan rã vì thế ngày nay giáo hội cần có một thời gian để củng cố lại hàng ngũ, việc tranh đấu với chính quyền là một sự kiện cần thiết để giáo-hội có thể thực hiện việc chấn chỉnh hàng ngũ và phát triển các cơ sở hạ tầng.

- Lý do thứ ba : việc tranh đấu có tính cách ôn ào gây nhiều xáo trộn tại hậu phương đã làm giảm nhiều tiềm lực của quốc gia có thể gây nhiều nguy hại cho sự sống còn của dân tộc, có thể vì lý do này các nhà lãnh đạo Phật-giáo không muốn tiếp tục các hình thức tranh đấu trước vì sợ bị quy trách : sự xuống dốc của tình hình chính trị tại miền Nam là những xáo trộn xã hội do các cuộc biểu tình bạo động, xuống đường của các lực lượng thuộc khối Ấn-Quang gây ra. Cũng có thể các nhà lãnh đạo Phật giáo Ấn-Quang ý thức rằng nếu họ còn tiếp tục các hình thức tranh đấu bạo động có thể đưa đến những nguy hại "chìm xuống" (danh từ của Nghị-sĩ Trần-quang-Thuận) lôi kéo sự tan rã hoàn toàn của chế độ miền Nam và của cả giáo hội khi lực-lượng Cộng-sản thắng thế tại vùng đất này. Kết quả của chính sách nước đôi này đã giúp cho khối Ấn-Quang đưa được một liên danh Hoa Sen vào Thượng-nghị-viện và hai mươi sáu dân biểu tại Hạ-viện (các dân biểu và nghị sĩ này đặc cử thường nhờ vào cử tri Phật tử, nhưng khi hoạt động chưa chắc gì "họ" đã hỗ trợ hoặc theo chỉ thị của các tổ chức Phật giáo).

## II.- Công giáo và chính quyền hiện tại :

Với một kinh nghiệm dồi dào trong lãnh vực chính-trị, giáo hội Công-giáo La-Mã ngày nay đã ý thức cần phải có sự tách biệt giữa chính trị và tôn giáo ngõ hầu duy trì thể đứng lâu dài của giáo hội đối với thể quyền, đồng thời không bị ảnh hưởng của những thăng trầm thể sự. Mặc dầu quan niệm đứng ngoài chính trị, giáo hội Công-giáo có rất nhiều liên hệ tới chính trị, với một chính sách trường kỳ đa diện và một chiến thuật thích nghi : đôi khi khuynh tả, đôi khi thân hữu và có khi đưa cả giáo hội vào cuộc tranh chấp với sự bố trí chặt chẽ, rồi lảng lạng đưa "đoàn chiên" trở lại thể chờ đợi, nếu quyền lợi giáo hội được bảo đảm. Tại Việt-Nam, mô thức này được áp dụng một cách triệt để. Để làm nổi bật vai trò công giáo trong cộng-đồng chính trị Việt-Nam chúng ta có thể đưa ra một số những đặc tính của giáo hội công giáo Việt-Nam đối với chính trị :

- Giáo hội Công-giáo là một tổ chức bảo thủ ! trong quá trình lịch sử Công giáo không phản đối bất cứ một chính quyền nào nếu chính quyền đó không phá hoại đạo và quyền lợi của giáo hội được bảo đảm.

Đây cũng là đối tượng cho những sự chỉ trích đối với giáo hội Công-giáo : theo những lời chỉ trích này Công giáo có khuynh hướng ủng hộ mọi chính quyền : nhân dịp thu tướng Bửu Lộc ra thăm miền Bắc, hai đức Giám mục Phạm-ngọc-Chí và Lê-hữu-Từ đã nhân danh giáo dân thuộc các địa phận Bùi Chu - Phát Diệm đã tuyên bố : "Sau khi đã xét qua các nhân vật trong nước có thể thành công trong tình thế khó khăn lúc này, chúng tôi thấy rằng chỉ có một mình ngài có thể làm được trong hoàn cảnh hiện tại. Vì thế, chúng tôi nhất quyết ủng hộ ngài. Nếu ngài thất bại, chúng tôi cũng sẽ thất bại". Lần khác đức giám mục Phạm-ngọc-Chí tuyên bố với thu tướng Ngô-đình-Diệm.

"Một triệu rưỡi tín hữu Công giáo sống tại Bắc-Việt vốn rõ biết tinh thần hy sinh cao quý của ngài, xin đa tạ



ngài vì đã đứng ra nhận lãnh trách nhiệm cứu nước Việt-Nam. Họ quyết tâm ủng hộ ngài cho đến sự chết và hân hoan vì đức Quốc-Trưởng (Bảo Đại) đã giao phó chính quyền cho một người tượng trưng cho lý tưởng Quốc-Gia" (1).

Trong một cuộc viếng thăm nước Mỹ gần đây, Đức Cha Phạm-ngọc-Chi phó Chủ-Tịch Hội-ĐỒNG giám mục Việt-Nam đã tuyên bố rằng chính phủ Saigon đại diện cho gần 94% dân số ở Nam Việt-Nam vì tổng thống Nguyễn-van-Thiệu đã được dân bầu lên và đại diện cho những quyền lợi của họ, như Tổng Thống Nixon Hoa-Kỳ, làm sao ông ta có thể được coi là một nhà độc tài được (ám chỉ Tổng Thống Thiệu) (2).

- Giáo hội là một tổ chức chống Cộng : đây cũng là tư tưởng của giáo hội Công giáo La Mã qua nhiều triều đại Giáo Hoàng, nhất là Giáo Hoàng Pao XII, giáo hội đã lên án và quyết liệt chống đối chủ nghĩa Cộng-Sản vô thần. Tại Việt-Nam, Công-giáo đã chống Cộng trong những năm 1946..., Công-giáo ủng hộ Pháp, Bảo Đại, Ngô-dình-Diệm, Hội Đồng Quân Lực, Nguyễn-van-Thiệu trong chính sách chống Cộng.

Tóm lại, bất cứ một chính quyền nào chống Cộng và không đụng chạm tới quyền lợi của giáo hội, thường được đa số giáo dân ủng hộ.

Đối với chính quyền hiện tại Tổng-thống Nguyễn-van-Thiệu là một tín đồ Công-giáo có lập trường chống Cộng, có khuynh hướng tìm hòa bình trong chiến thắng Cộng-Sản vì thế được đa số tín đồ Công-giáo thâm lạng ủng hộ, ngoại trừ một số hoạt động của thiểu số Công-giáo tả khuynh. Mặc dầu vậy sự ưu thế của công giáo trong lãnh vực chính-trị ngày nay không còn ở cao độ như những năm 1968 đến 1970, 1971. Để tìm hiểu vai trò chính trị của Công-giáo ta có thể phân biệt ra làm hai loại hoạt động do hai phe có lập trường khác biệt :

(1) Tòa Cao Ủy Việt-Nam tại Paris - Tạp chí Gió Việt số 64 (tháng 3 năm 1954), số 72 (tháng 7 năm 1954).

(2) Báo Wanderer số ngày 1.1.1970 (Vietnamese bishop declares gratitude of his people to USA).

### III.- Hoạt động của đa số thầm lặng :

#### 1)- Thời kỳ nắm ưu thế chính trị :

Nói tới ưu thế chính trị của Công-giáo Việt-Nam đối với các chính quyền chúng ta có thể trích ra nhận xét của giáo sư Lý-chánh-Trung trong một buổi nói chuyện với một số sinh viên Công-giáo :

Từ năm 1954 đến giờ với cuộc xâm nhập của anh em Công-giáo miền Bắc và chế độ Ngô-dình-Diệm, người công-giáo Miền Nam thành một lực lượng chính trị quan trọng, gần như có tính cách quyết định, do những yếu tố sau đây :

- Sự tập trung người Công-giáo di cư tại Saigon và các vùng phụ cận, khoảng 600 ngàn người, có lẽ do chính-sách của Ông Diệm.

- Kỷ-luật và tổ chức chặt chẽ của đoàn thể.

- Tính cách hiếu động và kinh-doanh của một số đông linh mục và giáo dân, nhất là di cư.

- Sự đầu tư vĩ đại vào giáo dục từ thời Pháp thuộc, nhất là giáo dục các thành phần thượng lưu.

- Sự giúp đỡ của ngoại bang. Từ 1954 người Mỹ xài lá bài Công-giáo. Sau Cách-mạng 63 họ ngưng, để xài lá bài Phật giáo. Rồi sau họ dùng lại lá bài Công-giáo (1).

Giai đoạn này, Công-giáo hầu như giữ vai trò then chốt trong nhiều cơ quan công quyền, Công-giáo đã ủng hộ một số những liên danh bông Huệ, của Nguyễn-văn-Huyền, Sao Sáng của Nguyễn-gia-Hiến, Trời Việt của Huỳnh-van-Cao, Đoàn Kết để tiến bộ của Trần-van-Lâm và các liên danh này

(1) Lý-Chánh-Trung - "Người Công-giáo và Chính trị ở Việt-Nam" - Hồi Diện số 19, trang 8.

đã thắng cử trong cuộc bầu cử Thượng-nghi-viện nhiệm kỳ I. Tại Hạ-nghi-viện số dân biểu Công-giáo cũng khá đông đảo, và những dân biểu Công-giáo nắm được nhiều chức vụ quan trọng trong quốc-hội như van phòng chủ tịch và chủ tịch các ủy ban.

2)- Thời kỳ thờ ơ với chính trị :

Sau các cuộc bầu cử trong năm 1968 đa số người Công-giáo có tâm trạng hãnh diện về khả năng sức mạnh của đoàn thể mình; đồng thời họ có khuynh hướng xa dần với các hoạt động chính trị để trở về những hoạt động có tính cách nội bộ. Hiện tượng này đã đưa đến những bước thụt lùi khả năng chính trị của những người Công-giáo trong những năm sau này, điển hình là cuộc bầu cử Hạ-nghi-viện pháp nhiệm 2 : số dân biểu thuộc khuynh hướng Công-giáo bị giảm đi rất nhiều, để giải thích người ta đã đưa ra hai nguyên do chính sau đây (1) :

a)- Nguyên nhân nội tại :

Vấn đề tiền bạc trở thành vai trò quan trọng trong việc ủng hộ các ứng cử viên; mặc cảm kỳ thị Nam, Bắc, Trung đã gây nhiều khó khăn trong việc thống nhất ý chí người Công-giáo trong các vấn đề chính trị hay nói khác hơn qua việc chọn lựa các ứng cử viên vào các cơ quan dân cử.

b)- Nguyên nhân ngoại tại :

Ông Thiệu coi Công-giáo như một tập thể ủng hộ ông nên vấn đề chia ghe, mua chuộc cảm tình không được đặt ra, khi Tổng-Thống Thiệu đang cần thuyết phục dư luận rằng chế độ này còn là một chế độ dân chủ thực sự, vì đối lập "thắng lớn" và như thế khối Công-giáo bị chính quyền hy-sinh.

(1) Nguyễn Cần - "Vạch áo cho người xem lưng" - Thăng Tiên số 428 ngày 26-9-1971.

IV.- Những hoạt động của khối Công-giáo Cấp Tiến :

Một số nhân vật như Trương-bá-Cần, Nguyễn-ngọc-Lan, Nguyễn-văn-Trung, Lý-chánh-Trung bị gán cho danh từ Công-giáo Cấp-Tiến. Hoạt động của nhóm này nhờ phương tiện báo chí với những tờ báo đối lập có khuynh hướng tả khuynh như tờ tuần báo "Sống Đạo" (nay không còn hoạt động), "Đối Diện", "Tin Sáng"... Ngoài ra còn có một số các dân biểu thuộc khuynh hướng đối lập như Ngô-Công-Đức, Hồ-Ngọc-Nhuận... Các nhóm này thường có mặt trong bất cứ địa hạt nào chống chính quyền và chấp nhận mọi hoạt động gây bất an cho nhà nước.

Từ những bài xã luận, nhận định hay phê bình về các biện cố chính trị cũng như hành vi của chính quyền. Phần lớn những bài báo này đều có khuynh hướng chỉ trích những sai lầm của chính quyền và hô hào phản đối, tẩy chay mọi chính sách, quyết định của nhà cầm quyền về mọi phương diện văn hóa, xã hội, kinh tế v.v..

Chẳng hạn phản đối cuộc phá giá tiền tệ hay tăng lương công chức, chống "Cách Mạng Kinh Tế Mùa Thu". Chống bầu cử gian lận, chống độc diễn, chống lập trường "Bốn không" của Tổng Thống Nguyễn-văn-Thiệu; ủng hộ các cuộc đình công, hô hào hòa bình, chống Mỹ cứu nước...

Hoạt động của nhóm công giáo Cấp Tiến đã gây ra những phản ứng từ chính nội bộ Công-giáo đến các biện-pháp của chính quyền, về phía chính quyền luôn luôn tỏ ra khó chịu về những hoạt động của nhóm công giáo ồn ào này. Đôi lúc chính quyền tỏ ra hết sức cứng rắn như tịch thu báo chí, tạm giữ những người có liên quan tới các hoạt động chống chính quyền. Điển hình là việc truy tố ra tòa hai linh mục Chân Tín và Trương-Bá-Cần về một bài báo (Thành quả 25 năm của chính phủ miền Bắc) đăng trong "Đối Diện". Kết quả các linh mục Chân Tín và Trương-Bá-Cần bị 9 tháng tù ở, bị phạt vạ 500.000\$ và tờ báo bị đình bản trong 6 tháng vì tội tuyên truyền cho Cộng-Sản.

- Giới Công-giáo "bảo thủ" thể hiện thái độ qua những bài báo "Hòa Bình", "Xây Dựng" và tuần báo "Thăng Tiến" cho các hoạt động của nhóm Công giáo Cấp Tiến có tính cách vô trách nhiệm, phá hoại và thiên Cộng. Chẳng hạn việc đốt bích chương tuyển cử, thể cử tri của nhóm Công-giáo Cấp Tiến tại tòa Tổng Giám Mục Saigon bị kết án là "những hành động nhằm lôi kéo Hội Đồng giám mục Việt-Nam vào các hoạt động chính trị, có tính cách thiên vị, đưa giáo hội vào vòng tranh đấu lem nhem" (1). Riêng linh mục Hoàng-Quỳnh cho các hoạt động của nhóm Công giáo Cấp Tiến là hoạt động của thiểu số, không liên hệ gì tới Công-giáo.

- Nhưng đối với chính giới Công-giáo Cấp Tiến họ lại cho rằng chính họ có đường lối hoạt động giống chính sách của Vatican, hay ít ra là chủ trương của hàng Giám Mục Việt-Nam và Công-giáo Cấp Tiến được người ngoài Công giáo có cảm tình nhiều hơn (2).

Trong khi đó, giới ngoài công giáo thì nhận định rằng các hoạt động của nhóm Cấp Tiến chỉ là một chiến thuật của giáo hội Công-giáo Vatican : Cấp tiến hay bảo thủ chỉ là sự phân công của đường lối Công giáo xưa và nay vẫn đi với chính quyền đương thời, nhưng họ biết nhìn xa, chuẩn bị cho cả chính quyền tương lai. Do đó, chống Cộng hàng nhất là Công-giáo, thiên Cộng chống Mỹ cũng là công giáo (Ý kiến của ông Tạ Chí Đại Trường được giáo sư Nguyễn-văn-Trung nhắc lại trong bài phỏng vấn của ký giả bán nguyệt san Bách Khoa đăng trong số ra ngày 15-3-1971 trang 50).

Dù bị chính quyền hay bị chính các đồng đạo lên án, công giáo Cấp Tiến vẫn được Phật giáo Ấn-Quang nhìn với một cặp mắt thiện cảm hơn đối với những người Công-giáo chống Cộng có khuynh hướng ủng hộ chính quyền hiện hữu (Mặc dù sự thiện cảm chỉ có thể có tính cách chiến thuật!).

(1) Thăng Tiến số 26 tháng 9 1971.

(2) Nguyễn-văn-Trung - "Thiên tả Cấp-Tiến..." Bách Khoa số 341 ngày 15.3.1971, trang 49.

### C.- TÔN GIÁO VÀ CÁC CUỘC BẦU CỬ

Ngày nay hầu hết các đoàn thể đều nhận thức sự quan trọng trong việc cử các đại biểu các đoàn thể mình vào các cơ quan dân cử. Các đại biểu này có khuynh hướng nói lên tiếng nói của đoàn thể mình và buộc các đoàn thể khác kể cả chính quyền phải lưu ý và tôn trọng.

Tại Việt-Nam các tổ chức tôn giáo có khuynh hướng đưa các đại diện của mình tham gia chính quyền. Sau cách mạng 1963 Phật giáo và Công-giáo cố gắng đưa người của mình vào cơ quan hành pháp. Nhưng những cố gắng này tỏ ra không mấy hiệu năng vì gặp sự chống đối của các nhà lãnh đạo quốc gia : Việc chính phủ Trần-van-Hương bị Phật giáo bất tín nhiệm vì chính phủ này không chấp nhận cho Phật-giáo cử người tham gia vào hội đồng nội các. Trong cuộc khủng hoảng năm 1966 Phật giáo cũng đòi hỏi chủ tịch hành pháp trung ương là Thiếu tướng Nguyễn-Cao-Kỳ phải dành cho Phật giáo các bộ Nội Vụ, Quốc Phòng và Thông Tin thì các nhà lãnh đạo Phật giáo hứa ngừng sách động (lời tuyên bố của Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ ngày 18.5.1966) (1). Với những sự khó khăn đó các nhà lãnh đạo tôn giáo lại quay sang các cơ quan dân cử đưa đại diện vào các Hội đồng xã - Hội đồng Đô - Tỉnh - Thị xã - Thượng và Hạ-nghi-viện. Vấn đề đặt ra ở đây là các tôn giáo chọn các ứng cử viên của mình theo những tiêu chuẩn nào : dùng những phương tiện nào để đạt tới những tham vọng của tôn giáo mình ? Các vị dân cử được tôn giáo ủng hộ đặc cử có những hành động nào ?

#### 1)- Các tiêu chuẩn chọn lựa ứng cử viên :

Theo kết quả cuộc tham dò thái độ cử tri trong cuộc bầu cử bán phần Thượng-nghi-viện năm 1970 của giáo sư Tạ-van-Tài thì tín đồ các tôn giáo có khuynh hướng chọn những liên danh đi bầu theo hai tiêu chuẩn sau :

(1) Đoàn Thêm - Việc xảy ra từng ngày 1966, trang 89.

- Cùng tôn giáo (các liên danh Vũ-van-Mẫu, Huỳnh-van-Cao, Nguyễn-van-Huyền đặc cử do sự ủng hộ của các tôn giáo lớn).

- Uy tín của các ứng cử viên (1), (điều này giải thích tại sao các liên danh Nguyễn-gia-Hiến, Nguyễn-van-Lai, Nguyễn-Đại-Bằng có khuynh hướng dùng tôn giáo để làm chiêu bài tranh cử, lại bị thất cử).

Tuy nhiên các tiêu chuẩn chọn lựa trên không phải hoàn toàn là những yếu tố quyết định nhất là các cuộc bầu cử Dân-biểu Hạ-nghị-viện. Sự đặc cử hay thất cử tùy thuộc phần lớn vào sự ủng hộ hay không của các nhà lãnh đạo tinh thần tại địa phương. Ngoài ra còn một số yếu tố khác cũng ảnh hưởng tới sự lựa chọn của các tín đồ tôn giáo.

- Yếu tố địa phương là người thuộc địa phương thì được ủng hộ nhiều hơn.

- Yếu tố tình cảm : có liên hệ bạn bè, họ hàng với các tu sĩ.

- Yếu tố tiền tài : có tiền giúp đỡ chùa chiền, xây nhà thờ làm việc xã hội, biếu xén các tu sĩ...

## 2)- Kỹ thuật vận động tuyển cử :

Có thể nói một cách chắc chắn rằng các tôn giáo có rất nhiều hình thức để vận động cho các ứng cử viên của mình trong giáo dân của họ. Chúng ta có thể liệt kê ra một vài hình thức :

### a)- Phương pháp gián tiếp :

- Hội thảo, học hỏi về bầu cử

(1) Tạ-văn-Tài - Thái độ các cử tri trong cuộc bầu cử bán phần Thượng-viện 1970  
- Nghiên cứu hành chánh số 1 năm 1971 trang 92-94-95.

- Giới thiệu các ứng cử viên được coi là "xứng đáng", có "khả năng", có "đạo".

- Dùng lối tuyên truyền rí tai : "thầy" hay "cha" dạy phải bầu người này hay người kia.

b)- Phương thức trực tiếp :

- Yêu cầu giáo dân hay Phật-tử bầu cho ông A hay ông B trên các tòa giảng công giáo, hay các buổi thuyết pháp.

- Ra chỉ thị cho các tín đồ bầu cho một hay hai ứng cử viên bằng các văn thư chính thức.

3)- Một vài con số :

Thực sự các tôn giáo tại Việt-Nam có nhiều tham vọng ảnh hưởng vào các quyết định quốc gia, vì thế họ chú trọng nhiều tới việc đưa người vào các cơ quan dân cử ở cấp bậc cao nhất như Thượng và Hạ-nghi-viện. Kể từ cuộc bầu cử quốc hội lập hiến 1966 đến ngày nay, chúng ta có thể tìm một vài con số liên quan đến các tôn giáo qua trong cơ quan dân cử cao cấp này.

	Phật giáo	Công giáo	Tỷ lệ	
Quốc hội lập hiến	34	30		
Quốc hội lập pháp				
<u>Thượng-nghi-viện</u>				
Pháp nhiệm I (1967)	18	31	30%	53%
Pháp nhiệm II (1970)	22	26	36,7%	43,3%
<u>Hạ-nghi-viện</u>				
Pháp nhiệm I	48	35	34,71%	25,36%
Pháp nhiệm II	70	38	44,02%	22,11%



a)- Xét bản thống kê trên, thì tỷ số ứng cử viên đặc cử công giáo chiếm tỷ số rất cao so với tín đồ của tôn giáo này trên toàn quốc, Phật giáo mặc dù số tín đồ đông đảo hơn Công-giáo nhưng lại chiếm một tỷ số tương đối thấp nếu đem so sánh với Công-giáo. Điều này có thể giải thích bằng 2 lý do :

- Công giáo dân có kỷ luật đầu phiếu hơn các tín đồ tôn giáo khác (mặc dầu hiện nay cũng đã bị khuếch tán nhiều)(1).

- Phật-tử lúc đầu có khuynh hướng bất tham gia vào các cuộc bầu cử.

b)- Con số trên không hoàn toàn biểu lộ khả năng và kỷ luật tranh cử của tôn giáo vì sự đặc cử ngoài lý do tôn giáo còn có nhiều lý do khác như khả năng, uy tín cá nhân của các ứng cử viên : trường hợp liên danh Nguyễn-văn-Huyền mặc dù được coi là liên danh công giáo nhưng qui tụ nhiều nhân vật uy tín như ông Trần-văn-Hương hay chính uy tín của Thủ ủy Nguyễn văn Huyền đã khiến nhiều người ngoài công giáo ủng hộ (theo cuộc điều tra của giáo sư Tạ-văn-Tài thì liên danh Nguyễn-văn-Huyền có tới 32% Phật tử ủng hộ),

c)- Trong pháp nhiệm II có sự gia tăng số Nghị-sĩ và Dân biểu Phật giáo :

Thượng-nghi-viện từ 30% đến 36,7%

Hạ-nghi-viện từ 34,71% đến 44,02%

4)- Hoạt động của các dân biểu và Nghị-sĩ thuộc các khuynh hướng tôn giáo :

Trước hết phải nhận định rằng chỉ có các ứng-cử-viên đặc cử được do các tu sĩ tôn giáo ủng hộ và vận động

(1) Tạ-văn-Tài - "Thái độ..." NCHC 1/71 trang 95.

cho thì mới tích cực hoạt động song song với lập trường của giáo hội liên hệ mà thôi. Ngoài ra các ứng cử viên đặc cử vì lý do uy tín hay khả năng của riêng họ thì sự hoạt động của họ có tính cách linh động, không hoàn toàn đi sát với đường lối của tôn giáo mà họ là tín đồ : điều đó có nghĩa các Nghị-sĩ hay dân biểu Phật giáo không phải luôn luôn theo đúng lập trường của Ấn-Quang hay Quốc-Tự. Cũng không phải các dân biểu Phật giáo đều có lập trường đối lập với hành pháp : nhiều Dân biểu Phật-tử ở trong những khối thân chính quyền như Nghị-sĩ Đặng-van-Sung, dân biểu Nguyễn-quang-Luyện, Khiếu-Thiện-Kế, Cao-van-Chiếu... Nhiều Dân-biểu Công-giáo cũng thuộc loại đối lập mạnh với chính quyền như Hồ-van-Minh, Hồ-ngọc-Nhuận, Ngô-công-Đức...

Nhưng nhận định một cách tổng quát chúng ta có thể phân biệt :

\* Hoạt động của đa số các Dân-biểu và Nghị-sĩ Công-giáo : diễn hình cho các khuynh hướng :

- Khuynh hướng độc lập (đa số các Nghị-sĩ Công-giáo tại Thượng-viện).

- Khuynh hướng thân chính quyền tại Hạ-nghị-viện (các Dân-biểu Phạm hữu Giáo, Hoàng Thông, Phan huy Đức, Nguyễn-van-Nhuê v.v.).

Nhưng trên phương diện lý thuyết các Dân-biểu và Nghị-sĩ Công-giáo thường đưa ra lập trường có tính cách độc lập :

- Không hoàn toàn ủng hộ chính quyền trong mọi chính sách.

- Sẽ hỗ trợ cho chính quyền trong chính sách chống Cộng, mọi đường lối hợp hiến và hợp pháp.

Trên thực tế người ta thấy khối Độc-Lập tại Thượng-Viện tỏ ra thi hành đúng đắn những tiêu chuẩn này. Trái lại

tại Hạ-nghi-viện các Dân-biểu thuộc khối Độc-Lập lại có khuynh hướng ủng hộ tích cực cơ quan hành pháp (Khối Độc-lập tại Hạ-viện đã từng ủng hộ luật chương trình, đỡ đầu cho dự luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ II: buộc các ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng Thống phải có sự ủng hộ của các đại biểu tại các cơ quan dân cử). Trong khi đó khối Độc-lập Thượng-nghi-viện từng chống đối luật chương trình, thuế kiểm ước, Luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống và mới đây đối với sáng kiến hòa bình 8 điểm của Tổng Thống Nguyễn-van-Thiệu.

Vì khối Độc-Lập được coi là con số quyết-định nằm giữa hai khối ủng hộ và đối lập với chính quyền. Chính vì thế hành pháp thường phải chú ý tới khối này để mong tìm sự ủng hộ của các khối viên khối Độc-lập trong các cuộc biểu quyết các đạo luật theo ý muốn của hành pháp.

Một điểm cần nêu rõ là những khối Độc-lập tại Thượng và Hạ-nghi-viện không phải chỉ hoàn toàn là người Công-giáo, mà còn có sự tham gia của một số khối viên thuộc các tôn giáo khác. Điểm này đã thể hiện đúng đường lối của giáo hội Công-giáo Miền Nam qua lập trường của hội đồng Giám-Mục : không chủ trương lập một đảng Thiên Chúa Giáo hay một nhóm chính trị dành riêng cho người Công-giáo. Vì thế người ta thấy trong suốt mấy năm gần đây không thấy một nhóm Nghị-sĩ hay Dân-biểu Công-giáo nào có những hoạt-động nhằm hỗ trợ riêng biệt cho quyền lợi và lập trường của giáo hội Công-giáo.

\* Hoạt động của các Dân-biểu và Nghị-sĩ Phật-giáo :

Trước hết cần nhận định không phải các Dân-biểu và Nghị-sĩ Phật giáo đều có chung một lập trường : đa số các vị dân cử thuộc tín đồ Phật-giáo lại có khuynh hướng thân chính quyền; một thiểu số hoạt động đối lập nhưng theo chiều hướng của khối Ấn-Quang. Xét về hoạt động của các Dân-biểu và Nghị-sĩ thuộc khuynh hướng Ấn-Quang chúng ta có thể chia theo từng pháp nhiệm.

- Pháp nhiệm I từ 1967 đến 1971 :

Trong giai đoạn này Khối Ấn-Quang có chủ trương chống chính quyền, tẩy chay mọi cuộc bầu cử do chính quyền tổ chức nên không để ý tới việc đưa người ra tranh cử. Chỉ có một số ít các Dân-biểu vì mộ đạo hay vì muốn lợi dụng ảnh hưởng của tôn giáo nên đã tích cực hoạt động tại Nghị-trường để hỗ trợ lập trường của khối Ấn-Quang về mọi lãnh vực. Vì thế các Dân-biểu thuộc nhóm này như Dân-biểu Kiều Mộng Thu, Nguyễn-ngọc-Nghĩa, Nguyễn-đại-Bảng hoạt động đối lập mạnh mẽ. Mọi chính sách của hành pháp đề ra đều bị các Dân-biểu này chống đối bất kể là hợp lý hay bất hợp lý, hợp pháp hay bất hợp pháp. Tại Thượng-nghị-viện cũng có khối Dân-tộc do Nghị-sĩ Trần-văn-Đôn làm Trưởng khối cũng có khuynh hướng thân Ấn-Quang nhưng lại thiếu rõ rệt như mấy Dân-Biểu thuộc khối xã hội tại Hạ-nghị-viện.

- Pháp nhiệm II (từ 1971 đối với Hạ-viện, từ 1969 đối với Thượng-viện)!

Sau những thất bại trong những năm 1966, 1967 Phật giáo đã thay đổi đường lối hoạt động chính trị : từ thái độ bất cần đến thái độ tích cực tham gia các cuộc bầu cử do chính quyền tổ chức, các nhà lãnh đạo thuộc khối Ấn-Quang đã đưa người ra tranh cử vào các cơ quan lập pháp. Phật giáo đã thành công trong việc đưa một liên danh "Hoa Sen" vào Thượng-viện. Tại Hạ-viện Phật-giáo Ấn-Quang cũng giành được 26 ghế. Sự hoạt động của các Dân-biểu và Nghị-sĩ thân Ấn Quang đã quy tụ thành các khối Dân-Tộc tại Thượng và Hạ-Nghị-Viện. Giáo hội Phật-giáo Ấn-Quang hiện đang có những cố gắng nhằm chi phối lập trường cũng như hoạt động của các nhóm này phải nằm trong khuôn khổ và nguyên tắc mà giáo hội đề ra :

- . Trung thành với Quốc-gia dân tộc
- . Tuyệt đối không bị mua chuộc
- . Gặp áp lực khuynh đảo không sờn lòng

. Phải tuyệt đối kiên trì để dùng mạng tai mạng tiếng cùng trung thành với đường lối giáo hội (1).

Tuy nhiên trong tương lai các Dân-biểu và Nghị-sĩ có nhất trí và phục tùng Ấn-Quang còn tùy thuộc vào nhiều dữ kiện khác nhau. Một sự kiện khiến cho các nhà quan sát chính trị chú ý khi có sự xé lẻ của Dân biểu Trần-van-Đôn là người đã được giáo hội Ấn Quang hỗ trợ một cách đắc lực trong thời gian tranh cử, nhưng khi đắc cử ông lại có khuynh hướng thân hành pháp : vì có nhiều câu tuyên bố thuận lợi cho chính sách của hành pháp, ngoài ra ông cũng ra tranh cử chức Chủ-tịch Ủy-ban Quốc-Phòng Hạ-nghị-viện (trong một liên danh thân chính quyền thuần túy). Sự kiện này đã khiến Thượng tọa Trí-Quang bất mãn và phải lên tiếng thanh minh : "Chưa bao giờ chỉ thị cho Phật tử bầu phiếu cho Dân-biểu Trần-van-Đôn và đồng thời xác nhận ông Trần-van-Đôn không thuộc vào khối Ấn-Quang".

Hiện tượng này khiến người ta có thể tự hỏi liệu còn có những trường hợp tương tự như vụ Trần-van-Đôn hay không ? Câu trả lời tất nhiên còn tùy thuộc khả năng của lực lượng Ấn Quang trong cộng đồng chính trị; đường lối của hành-pháp và những biến chuyển của thời cuộc.

Sự có mặt các Dân-biểu và Nghị-sĩ thân Ấn Quang tại Thượng-Hạ viện đã giúp cho khối Ấn Quang có cơ hội biến đổi hình thức tranh đấu có tính cách ôn ào gây xáo trộn xã hội như biểu tình, xuống đường... sang hình thức tranh đấu nghị trường có tính cách hợp pháp và uyển chuyển hơn.

Hơn nữa, theo nhiều tác giả nhận định sự đắc thắng của phe Ấn Quang trong việc đưa người vào nghị-trường giúp cho tự ái lực lượng này được vượt ve, do đó họ giảm bớt sự

---

(1) Thích-Huyền-Quang - Tổng thư ký Viện Hóa Đạo - Diễn văn đạo trước 26 Dân-biểu thuộc phe Ấn Quang ngày 11.10.1971.

chống đối, đồng thời "tạo cho nghị trường có bộ mặt dân-chủ hơn và tạo thêm phần tin tưởng cho nền đê II Cộng-Hòa" (1).

Mặc dù các dân biểu thuộc khuynh hướng các tôn-giáo đã có những nỗ lực đáng kể nhằm trợ giúp lập trường tranh-đấu và bảo vệ quyền lợi các tôn giáo liên hệ, nhưng những hoạt động của một vài cá nhân Dân-biểu thuộc phe "các thầy" hay "các cha" có những hành động lem nhem mang nhiều tai tiếng cho các giáo hội liên hệ; các việc làm mờ ám của các Dân-Biểu Phật-giáo như Nguyễn-ngọc-Nghĩa đánh cắp tượng Chàm, Kiều-mộng-Thu cạo sửa Nhiệm-vụ-lệnh; các Dân-biểu Công-giáo như Phạm-chí-Thiện buôn bạch phiến v.v..

Những sự kiện trên cho phép người ta có thể kết-luận: Các nghị-sĩ hay Dân-biểu thuộc khuynh hướng các tôn giáo được coi là con dao hai lưỡi; sự hữu ích hay không còn tùy thuộc vào người xử dụng nó.

## Phân tiết II

### TÔN GIÁO VÀ CỘNG SẢN

Công giáo có một quá trình lịch sử dài với Cộng-sản. Tại Việt-Nam khi Cộng-sản mạnh nhe trong các lực-lượng chống Pháp. Người công giáo đã bắt đầu nghi ngờ thiện chí của Cộng-sản, và cuối cùng Công-giáo và Cộng-sản đã trở thành kẻ thù không đội trời chung. Trái lại Phật-giáo là một tổ chức mới được chấn chỉnh, lực lượng Phật-giáo và Cộng-sản chưa hề có sự chạm trán, khiến lập trường của Phật giáo có vẻ mơ hồ đối với Cộng-sản và đồng thời tỏ ra rất uyển chuyển đối với Mặt trận giải phóng miền Nam mà những người quốc gia cho là tổ chức đảng Cộng-sản trá hình nhằm xâm chiếm Nam Việt-Nam.

---

(1) Nguyễn-duy-Thanh - "Tìm hiểu Thượng-nghị-viện Việt-Nam Cộng-Hòa" - NCHC số 3/1971 trang 95.

Về lý thuyết từ ông tổ Karl Marx đến Feuerbach, Lenine, Staline, Mao-trạch-Đông... đều coi các tôn giáo là thành phần của bọn trường giả, phản động. Lớp người này thường lợi dụng tôn giáo để bảo vệ quyền lợi riêng và đàn áp giai cấp thợ thuyền.

Vì thế đảng viên đảng Cộng-sản trước tiên phải là duy vật, chống lại mọi tôn giáo. Tại các nước áp dụng chủ thuyết Cộng-sản, đều chép nguyên văn, các đạo luật của Nga Xô nhằm triệt hạ tôn giáo qua chính sách giáo dục :

- điều 88 sắc luật 8.4.1929 ghi không được giáo dục bất cứ một tôn giáo nào trong học đường công và tư.

- điều 122 bộ hình luật Xô Viết từng phạt khổ sai những ai dạy giáo lý cho trẻ em và các trẻ vị thành niên trong các trường công, tư.

Với chủ trương loại trừ tôn giáo ra khỏi cộng đồng xã hội, Cộng-sản đã có những hành động như :

- lên án, tù đày các tu sĩ.

- triệt hạ thánh đường hay dùng để làm các đơn vị sản xuất.

- cấm không được hành đạo và giữ đạo.

Với những chính sách khắt khe đó, tôn giáo đã phản ứng như thế nào ?

## I.- CÔNG GIÁO VÀ CÔNG SẢN

### 1)- Lập-trường của giáo hội công giáo đối với Cộng sản:

Ngay khi lý thuyết Cộng-sản được bành trướng Giáo-hội Công giáo La-Mã đã quan tâm tới chủ thuyết và lực lượng này. Hàng giáo phẩm Công giáo từ các giáo hoàng các lý-

thuyết gia công giáo đã coi thuyết Cộng-sản của Karl Marx là một ý thức hệ đáng sợ và cần ngăn cản. Nhưng từ công đồng Vatican II giáo hội Công-giáo đã có một cái nhìn khác hơn đối với Cộng-sản. Mặc dù coi lý thuyết Cộng-sản là một học thuyết sai lầm, nhưng lại nhìn nhận lực lượng Cộng-sản là một thực tại không thể né tránh, giáo hội cần phải đối thoại và cộng tác để xây dựng con người. x

a) - Thông điệp chúa cứu thế : Kỷ nguyên chống Cộng. Đức giáo Piô XI ra một thông điệp ngày 10.3.1937 kết án chủ nghĩa Cộng-sản; trong thông điệp này vị đại diện cho một thế lực tinh thần lớn nhất hoàn cầu đã xác nhận chủ thuyết Cộng-sản là một chủ thuyết sai lầm, nguy hại cho xã hội vì :

- Cộng-sản là duy vật
- Cộng-sản chủ trương giai cấp đấu tranh
- Cộng-sản là vô thần (1)

Trước thông điệp này, chủ nghĩa Cộng-sản đã bị nhiều Giáo hoàng lên án; từ Giáo hoàng Pio IX, Léon XIII và sau này là Pio XII : Cộng-sản được coi là "l thứ dịch tá kinh khủng" cố bám chặt tận xương tủy của xã hội và đưa đến cảnh tan vỡ.

Trước sự lan tràn của chủ nghĩa Cộng-sản tại các nước Đông-Âu, Trung-Hoa, Việt-Nam, kèm theo những cuộc đàn áp, bách hại Công-giáo tại các quốc gia này. Văn kiện "Chúa cứu thế" trở thành một văn kiện căn bản cho một kỷ nguyên chống Cộng quyết liệt của giáo hội : Hầu hết các hàng giáo phẩm cao cấp tại các quốc gia đều có khuynh hướng chống Cộng : Các hồng-y giáo chủ Minzinky (Ba Lan), Winzinky (Hung Gia Lợi), Spellman (Hoa Kỳ), Lê-Hữu-Tử (Việt-Nam).

---

(1) Pio XI - Thông điệp Chúa cứu thế, chọn số 7.



Ngoài ra Giáo hội Công-giáo còn ra chỉ dụ ngày 1.7.1949 cấm ngặt tín đồ Công giáo liên hệ tới Cộng-sản (về chủ thuyết cũng như gia nhập đảng Cộng-sản).

1. Không được ghi danh sách vào đảng Cộng-Sản hay ủng hộ vì chủ nghĩa Cộng-sản là duy vật, là phản công giáo. Mặc dầu Cộng-sản tuyên bố không phá giáo hội, nhưng lý-thuyết và hành động của họ chứng tỏ thái độ chống đối Tôn giáo và giáo hội của chúa Ky-Tô.

2. Không được xuất bản, cổ động và đọc sách tuyên-truyền lý thuyết và hành động Cộng-sản...

3. Nếu người Công-giáo nào đi ngược lại hai việc cấm đoán kể trên, sẽ không được chịu các bí tích.

4. Giáo hữu tuyên truyền, bênh vực giáo lý Cộng-sản sẽ... tức khắc bị phạt tuyệt thông...

Sự xung khắc giữa Công giáo và Cộng-sản mạnh mẽ đến nỗi người ta có cảm tưởng rằng trong tương lai chỉ có công-giáo và Cộng-sản tranh ảnh hưởng trong thế giới này. Tại Á Châu Giáo hội Công-giáo đã có nhiều nỗ lực đáng kể để đào tạo những cán bộ Công-giáo chống Cộng trung kiên; những người này được giáo hội khuyến khích và nâng đỡ trong các chức vị quan trọng của quốc gia, kể cả chức vị lãnh-đạo quốc gia như Lý-thừa-Văn, Ngô-Đình-Diệm...

b)- Từ công đồng Vatican II : Bộ mặt khoan dung của Giáo hội đối với Cộng-sản : Qua các thông điệp Hòa bình thế giới của giáo hoàng Gioan XXIII, thông điệp Giáo-hội chúa Kito của Giáo hoàng Paul VI, Hiến chế giáo hội trong thế giới ngày nay của công đồng Vatican II.

Với các văn kiện chính thức này, Giáo hội Công-giáo ngày nay đã phân biệt "sự làm lạc" với "người làm lạc". Theo giáo hội thì "con người làm lạc" luôn luôn cần cứu

vớt (1). Vì thế giáo hội có bốn phận đối thoại với mọi người trong đó có người Cộng-sản vô thần (2) và giáo hội luôn luôn phải chứng tỏ cho người vô thần "cũng tự biết và tự cảm thấy mình được giáo hội yêu thương, yêu thương với một tình yêu chân thật và mãnh liệt". Tuy nhiên trên thực tế giáo hội công-giáo đối với người Cộng-sản vẫn còn dè dặt, đôi khi nghi ngờ : Điển hình là cuộc bầu cử văn phòng lao động Công-giáo thế giới tại Bruxelles tháng 10 năm 1970, tòa thánh La-Mã đã từ chối ứng-cử-viên Aguilier, thuộc phong trào lao động Công-giáo Chí-Lợi vì ông là một chiến sĩ lao động có ảnh hưởng trong đảng Cộng-sản Chí-Lợi.

## 2)- Công-giáo Việt-Nam và Cộng-sản :

Công-giáo Việt-Nam là một tập thể có nhiều kinh-nghiệm với Cộng-sản : Công-giáo và Cộng-sản cũng có giai-đoạn hợp tác với nhau trong mục tiêu giành độc lập nhưng chẳng bao lâu Cộng-sản đã trở thành một địch thủ đáng sợ, mà Công giáo phải chống đối bằng mọi phương sách kể cả bằng vũ lực.

a)- Giai đoạn hợp tác : Khi Cộng-sản còn đang giai-đoạn yếu thế, họ đã khéo trá hình, hợp tác với mọi lực-lượng khác như quốc dân đảng, Công giáo... với chủ trương chống Pháp. Trong thời gian đầu của thời kỳ độc lập với chính phủ lâm thời do Hồ-chí-Minh lãnh đạo, Công-giáo tỏ ra nhiệt thành đối với việc chung qua sự hợp tác chân thành với chính-phủ mới này :

- Giám mục Lê-Hữu-Từ nhận làm cố vấn tối cao cho chính phủ Hồ-chí-Minh.

- Ngày 23.9.1945 giám mục Nguyễn-bá-Tòng thay mặt cho hàng giám mục Việt-Nam xin Đức Giáo Hoàng ban phép lành và cầu nguyện cho nền độc lập Việt-Nam.

---

(1)(2) "Công giáo và Cộng sản" - Chọn số 7 trang 60.

Đáp lại Hồ-chí-Minh cũng gởi cho anh em Thiên chúa giáo một bức thông điệp ca ngợi lòng ái quốc và kêu gọi người Công-giáo hợp tác với chính quyền. Sau đó chính phủ Hồ-chí-Minh chọn ngày lễ các thánh tử đạo Việt-Nam là ngày quốc lễ.

Tuy kháng khí, nhưng sự hợp tác này không được kéo dài. Chỉ trong một thời gian ngắn thái độ của hai bên đã thay đổi hẳn và dần dần trở thành kẻ thù bất cộng đái thiên.

b)- Giai đoạn đối nghịch : Sau khi nắm vững vị trí, đảng Công-sản do Hồ-chí-Minh là lãnh tụ bắt đầu thanh toán các phần tử quốc gia và gây khó khăn cho người Công-giáo. Trong bức thư luân lưu gởi cho giáo hữu địa phận Phát-Diệm; giám mục Lê-hữu-Từ đã viết : "... về những khó khăn mà tôi gặp do nhân viên Công-sản trong chính phủ Hồ-chí-Minh, thì tuy có... Song tôi không lấy làm oán ngại gì..."

Điều này có nghĩa trong thời gian hợp tác với chính phủ Hồ-chí-Minh, Công-giáo đã gặp nhiều khó khăn nhưng vì đại cuộc người Công-giáo đã tỏ ra nhẫn nại hơn...

Sự mâu thuẫn giữa Công giáo và Công-sản càng ngày càng lớn mạnh và trong 1946 vùng Phát-Diệm và Bùi-Chu dưới sự lãnh đạo của giám-mục Lê-hữu-Từ và linh mục Hoàng-Quỳnh đã đứng lên võ trang chống Việt-Minh, thiết lập khu an toàn (không chịu sự chi phối của chính phủ Hồ-chí-Minh). Thái độ dứt khoát chống Cộng của Công giáo đã được thể hiện rõ rệt trong bức thư của Hội-đồng giám mục Việt-Nam gởi cho các tín đồ Công-giáo trên toàn quốc ngày 9.11.1951: "Hỡi anh em giáo hữu yêu quý, anh em hãy kháng cự ngay từ phút đầu, đừng bị lường gạt bởi mật ngọt Công-sản". Lập trường quyết không sống chung với Công-sản còn được thể hiện qua cuộc di cư vĩ đại từ Bắc vào Nam năm 1954, sau khi miền Bắc hoàn toàn dưới sự chi phối của Bắc Việt (80% người di cư là Công-giáo). Ngày nay tại Việt-Nam Cộng-Hòa Công-

giáo là lực lượng nòng cốt cho chính sách chống Cộng của Tổng-thống Nguyễn-van-Thiệu : Mặc dù đa số các nhân vật uy tín Công giáo không hài lòng lắm đối với cá nhân cũng như đường hướng lãnh đạo của Tổng-thống Thiệu, nhưng họ vẫn hỗ trợ cho Tổng-thống Thiệu qua chính sách chống Cộng.

Ngày nay trong chiều hướng mới, Giáo hội Công giáo bắt đầu tỏ ra khoan dung với những người Cộng-sản kể cả các chính phủ Cộng-sản (có thể đây là một chính sách nhằm cứu vãn phần nào số phận những người Công giáo trong các nước Cộng-sản). Tuy nhiên với thành kiến đã ăn sâu vào các tín đồ, việc gạt rửa những tư tưởng không tốt đối với người Cộng-sản cũng cần một thời gian tối thiểu, nhất là những vùng đất đang bị áp lực mạnh mẽ của Cộng-sản chẳng hạn như tại miền Nam Việt-Nam chúng ta.

## II.- PHẬT-GIÁO VÀ CỘNG-SẢN

Hiện tại Phật giáo vẫn chưa có một diễn đàn chung cho tập thể tín đồ thế giới, nên ít có cơ hội phát biểu quan điểm về Cộng-sản. Riêng tại Việt-Nam sau 1963 Phật-giáo và Cộng-sản vẫn được nhiều người nhắc nhở đến, có nhiều người cố tìm gạch nối giữa các hoạt động của Cộng-sản và một số các thượng tọa Phật-giáo.

1)- Lý thuyết : Tuy nhiên trên phạm vi lý thuyết người ta từng phân tích tỉ mỉ về triết lý của Cộng-sản cũng như Phật-giáo, nhưng cuối cùng đa số các tác giả đều kết luận Phật giáo và Cộng-sản khó có thể đứng cùng một chiến tuyến được (Phật giáo và Maxít của Story Francis do Trần-quang-Thuận dịch) vì "Cộng-sản coi Phật-giáo là một sức mạnh tinh thần đối lập", trong khi đó thì Phật-tử không thể chấp nhận cái nguy biện chứng của Maxít (1), và Ông Trần-Ngọc-

(1) Trần-Ngọc-Ninh - "Phật giáo và xã hội", Bách khoa 15.9.1971 trang 37.

Ninh cũng tiên đoán "nếu Cộng-sản mà thắng thì Phật-giáo sẽ bị đàn áp và bị bắt buộc đồng hóa với xã hội duy vật chủ nghĩa mà tiêu diệt vĩnh viễn" (1).

2)- Tuy nhiên trên thực-tế trong các cuộc vận động chính trị gần đây của Phật giáo, người ta tỏ ra thắc mắc về sự trùng hợp đường lối hoạt động của các cán bộ cao cấp Phật giáo với những hoạt động của Cộng-sản. Nhiều người còn kết án : cho rằng một số cán bộ Phật giáo là những phần tử Cộng-sản, núp bóng tôn giáo để dễ hoạt động nhằm lật đổ chính quyền miền Nam Việt-Nam. Thái độ kết án này thường dựa vào 3 dữ kiện sau :

- Các cuộc vận động chính trị của Phật giáo thường được cơ quan tuyên truyền của Cộng-sản ca ngợi (qua các đài phát thanh Hà-Nội và Mặt Trận Giải phóng miền Nam).

- Các cán bộ đấu tranh của Phật giáo có nhiều phần tử liên hệ với Cộng-sản.

- Phật giáo Ấn Quang thường hay đã kích chính quyền miền Nam là hiếu chiến nhưng rất ít khi chê trách các tội ác của Cộng-sản.

Tuy nhiên nếu chỉ dựa vào các lập luận trên mà kết luận Phật giáo là Cộng-sản thì chắc chắn là việc hơi vội vàng. Nhưng một điều người ta có thể xác tín rằng Phật-giáo hiện nay vẫn là một tổ chức mới mẻ, hệ thống tổ chức hãy còn lỏng lẻo nên dễ bị các phần tử ngoại nhập len lỏi vào. Trong khi đó, Cộng-sản lại có khuynh hướng ủng hộ bất cứ hành vi nào có lợi cho họ (không cứ đó là đoàn thể Phật giáo), Cộng-sản "đã lợi dụng ngay những ước ao chính đáng của Phật tử mà len lỏi vào hàng ngũ Phật giáo để phá hoại vì còn rất nhiều điều mập mờ trên căn bản tồn tại trong tiềm thức của người Phật-tử" (2).

(1) Trần-Ngọc-Ninh - "Phật giáo và xã hội", Bách Khoa 15.9.1971 trang 37.

(2) Trần-Ngọc-Ninh - Phần đã dẫn, trang 37.

3)- Tiếng nói chính thức của các nhân vật lãnh đạo Phật giáo :

Ngày 24.5.1971 thượng tọa Thiện-Minh đã tuyên bố : "Người ta thường cho rằng Phật-giáo theo Cộng-sản, tôi chắc chắn rằng Phật giáo không có Cộng-sản". Phật giáo không những không theo Cộng-sản mà còn có khuynh hướng chống Cộng-sản : "Phật giáo sẽ thắng Cộng-sản" - Nhận định của thượng tọa Trí Quang - Thêm vào đó, trong các biến cố do cuộc chiến gây ra chẳng hạn như biến cố Mậu Thân; Phật-giáo Ấn Quang đã có dịp bày tỏ lập trường của Giáo hội trước biến cố đau thương này và buộc Cộng-sản phải chịu trách nhiệm về những tội ác mà họ đã gây ra :

- Giáo hội đòi hỏi Hà-Nội phóng thích thượng tọa Đôn Hậu, tăng ni và Phật-tử.

- Giáo hội Phật-giáo đặt Hà-Nội trước trách nhiệm các vụ tàn sát tập thể tại Huế.

Mới đây, tại đại hội Phật-giáo quốc tế thượng tọa Thích-Giác-Đức đại diện khối Ấn-Quang cũng đã tố cáo "cuộc tấn công của Cộng-sản Bắc-Việt (qua vĩ tuyến 17) đã làm cho hàng trăm ngàn Phật tử phải sống cuộc đời lang thang đau khổ và hàng ngàn người Phật giáo đã bị giết hại tại miền Nam Việt-Nam chỉ trong vòng 2 tháng kể từ ngày 29 tháng 3 mới đây (1)

Mặc dù Phật giáo Ấn Quang có cải chính hay xác định lập trường : không hề sống chung với Cộng-sản, nhiều người vẫn cho đó là chiến thuật cần có đối với một tổ chức hiện đang sống trong một thể chế chống Cộng; Khi nói tới các lãnh tụ Phật-giáo Ấn Quang, người ta liên tưởng ngay đến các hoạt động có tính cách ôn ào, gây rối hơn là những lập trường đã được các nhà lãnh đạo Phật-giáo tuyên bố với

---

(1) Thích-Giác-Đức - Đại hội Phật giáo quốc tế - Chính Luận 31.5.1972.

báo chí hay trên các van kiện chính thức. Đề cập đến Phật giáo và Cộng-sản người ta thích nghĩ tới câu nói của đại đức Nhất-Hạnh : "Cộng-sản có ít nhiều bản chất dân tộc, tranh đấu độc lập và cải tiến xã hội" hơn là câu nói của thượng tọa Trí-Quang : "Phật giáo sẽ thắng Cộng-sản".

### Phân tiết III

#### TÔN GIÁO VÀ CHIẾN CUỘC HIỆN TẠI - Vấn đề hòa bình -

Trong khi cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn vẫn còn giằng dai đã và đang gặm nhấm tiềm lực của cả hai miền Nam Bắc. Các tôn giáo đã xúc động trước những thảm cảnh do chiến cuộc gây ra; Nhưng mỗi tôn giáo lại có một cái nhìn khác nhau về bản chất, và những giải pháp khác nhau để giải quyết chiến cuộc này. Công-giáo và Phật-giáo cũng từng bày tỏ lập trường cũng như có nhiều nỗ lực đáng kể để đòi hỏi các phe liên hệ phải giải quyết chiến cuộc này một cách hợp lý.

#### I.- PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT CUỘC CHIẾN HIỆN TẠI

##### 1)- Quan niệm của Phật giáo Việt-Nam về cuộc chiến :

Que những lời phát biểu của một số các nhà lãnh đạo Phật giáo, người ta nhận thấy Phật giáo đã nhìn cuộc chiến hiện tại là một cuộc chiến tranh ý-thức hệ do các siêu cường chi phối, mà dân tộc Việt-Nam là nạn nhân. Để giải quyết chiến cuộc, giáo hội chủ trương một số nguyên-tắc chỉ hướng sau :

- Gạt bỏ mọi áp lực ngoại bang can thiệp vào cuộc chiến.

- Mọi vấn đề sẽ do chính người Việt-Nam giải quyết, để tiến tới một nền hòa bình mau chóng cho Việt-Nam.

Theo những nguyên tắc căn bản này "bất cứ cuộc dàn xếp nào như ở Lào... Phật giáo không bao giờ chấp nhận" (1) và nền hòa bình mà Phật giáo mong muốn "không phải là một nền hòa bình bất cứ giá nào như người ta thường nói mà là hòa bình xây dựng cho lẽ phải và công lý, hòa bình trong tình thương, hòa bình từ tâm thức, hòa bình do thỏa thuận từ bên trong, không phải hòa bình quyết định từ bên ngoài" (2).

Để tiến tới các nguyên tắc chỉ hướng đó. Phật giáo chủ trương các phe phái tranh chấp tại Việt-Nam phải:

- Trở về nguồn : tức là phá bỏ mọi chiêu bài (ý-thức hệ).
- Hóa giải : hủy bỏ mọi lý do tranh chấp (quyền lợi, tự ái...).

Theo giáo sư Trần-Ngọc-Ninh thì lẽ lối giải quyết này của Phật giáo bị coi là quá lý tưởng và xa rời thực-tế. Trong khi đó "chính quyền miền Nam thì nghi ngờ sự thực tâm và trung lập đề nghị, chính quyền miền Bắc thì gạt bỏ" (3).

## 2)- Những hoạt động hòa bình của Phật giáo :

Với những quan niệm và lập trường trên, Phật giáo đã dẫn thân nhiều để đạt tới những mục tiêu đã vạch, nhưng nếu đem đối chiếu giữa lý thuyết và thực tế ta thấy có nhiều sự khác biệt :

Tùy từng đối tượng (các phe phái trong cuộc tranh chấp hiện nay). Phật giáo có những yêu sách đối với họ để đòi hòa bình.

(1) Thích-Thiện-An - Trả lời ký giả Je Rold Schector.

(2) Trần Ngọc Ninh "Lập trường hòa bình của Phật giáo" - Bách Khoa 15.9.1971, trang 39.

(3) Trần Ngọc Ninh - Phần đã dẫn - Bách Khoa 15.9.1971, trang 40.



a)- Đối với chính quyền miền Nam : Các hoạt động của Phật giáo Ấn Quang nhằm đòi hỏi chính quyền hủy bỏ sắc lệnh tổng động viên, hòa giải với Mặt trận giải phóng miền Nam; thống nhất hai miền Nam Bắc...

b)- Đối với người Mỹ : Các hoạt động của Phật giáo thường nhắm vào sự hiện diện của Hoa Kỳ tại cuộc chiến hiện nay : vì thế các phong trào hòa bình (khởi đầu cho phong trào đòi hòa bình là nhóm thượng tọa Thích-Quảng-Liên) khởi Ấn Quang thường đòi hỏi :

- Hoa Kỳ ngưng oanh tạc Bắc-Việt
- Rút quân khỏi miền Nam Việt-Nam không can thiệp vào nội tình Việt-Nam.

c)- Đối với Mặt trận giải phóng miền Nam và Cộng-sản Bắc-Việt :

Trong các tuyên cáo về các kế hoạch hòa bình, Phật giáo ít đề cập tới Mặt trận giải phóng miền Nam, ngay cả Cộng-sản Bắc-Việt (Phật giáo đã có lần kết án Bắc-Việt về các tội ác hồi Tết Mậu-Thân, nhưng người ta cho đó là phản ứng quá chậm chạp, có tính cách lấy lệ chứ không tích cực). Đôi khi người ta thấy các nhà lãnh đạo Ấn-Quang bày tỏ quan điểm của mình một cách gián tiếp qua sự chấp nhận lập trường hòa bình của các đại diện của Mặt trận giải phóng miền Nam; Chẳng hạn tổ chức sinh viên được Ấn Quang ủng hộ ngày 21.7.1971 đã ca ngợi 7 điểm hòa bình của Nguyễn thị Bình (đại diện chánh phủ lâm thời Việt-Nam tại Hòa-đàm Ba Lê). Đồng thời nhóm sinh viên này đưa ra một số lời kêu gọi đòi sự đáp ứng của chính phủ Hoa-Thịnh-Đốn và Saigon.

- Kêu gọi Tổng-thống Nguyễn-van-Thiệu hãy vì dân-tộc và tổ quốc từ bỏ địa vị hiện tại, đang làm trở ngại công cuộc hòa bình.

- Kêu gọi chính quyền Nixon hãy thức tỉnh, từ bỏ xâm lược và chấp nhận 7 điểm của Mặt trận giải phóng miền Nam.

Sau những lời kêu gọi này của sinh viên, người ta thấy một số yếu nhân khối Phật giáo Ấn Quang cũng lên tiếng tán đồng lập trường 7 điểm Hòa bình của Mặt trận giải phóng miền Nam và cho đó là lập trường ôn hòa, hợp lý có thể đưa tới hòa bình tại Việt-Nam (1).

Để có thể tóm lược lập trường hòa bình của Phật-giáo Ấn Quang chúng ta có thể nhắc lại bản kế hoạch hòa-bình do thượng tọa Thiên Hoa tuyên đọc ngày 3.1.1971.

Ngưng bắn không điều kiện tiên quyết, do đôi bên đồng ý thỏa hiệp về một tổ chức quốc tế giám sát.

Thương thuyết : nghiêm chỉnh, có thiện chí hòa giải để đi đến thỏa hiệp, đồng thời rút quân ra khỏi miền Nam Việt-Nam.

Chính quyền : phải có một chính quyền trong sạch, có tư thế có hậu thuẫn dân chúng, có khả năng giải quyết chiến cuộc và tái thiết xứ sở.

Người Mỹ : Phải trả chủ quyền cho Việt-Nam, chấm dứt chính sách viện trợ, chấm dứt chính sách dùng người Việt giết người Việt (chủ thuyết Nixon).

Theo ông Trần-triệu-Việt lập trường hòa bình của Ấn Quang (qua bản tuyên cáo 3.1.1971) rất cụ thể nhưng lại khó hiểu và không hề có nguyên tắc chỉ hướng (2) (nguyên tắc chỉ hướng tuy có, nhưng khi xác định lập trường lại không theo nguyên tắc đó).

Để hỗ trợ cho lập trường hòa bình của mình. Ấn Quang đã dùng một số kỹ thuật tranh đấu cổ điển như biểu

(1) 7 điểm về hòa bình Việt-Nam do Nguyễn-thị Bình đưa ra ngày 1.7.1971 tại Phiên họp thứ 119 Hòa Hội Ba Lê về Việt-Nam.

(2) Trần-triệu-Việt - "Từ chính sách hòa bình của Thiên Chúa giáo đến chính sách hòa bình của Ấn Quang" - Chính Luận ngày 14.1.1971.

tình, xuống đường, bạo động (đốt xe, đập phá sứ quán, thư viện Hoa Kỳ...), tuyệt thực, tự thiêu, cầu nguyện cho hòa bình... Ngoài ra khỏi Ấn Quang còn có những hoạt động tích cực tại hải ngoại : trình bày quan điểm giáo hội với các chính khách thế giới kể cả với đức Giáo hoàng Paul VI, tại các hội nghị Phật giáo thế giới (mới đây thượng tọa Huyền-Quang tham dự hội nghị Phật giáo thế giới tại Thụy-Sĩ, có ghé qua Ba-Lê để tiếp xúc với các phái đoàn tại Hòa hội về Việt-Nam (gồm các phái Đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa, Mặt trận giải phóng miền Nam, Hoa Kỳ và Bắc-Việt để trình bày quan điểm của giáo hội về vấn đề Hòa bình tại Việt-Nam). Hiện tại Phật giáo Ấn Quang cũng đặt một cơ quan do nhà sư Nhất Hạnh cầm đầu để theo dõi các biến chuyển tại hòa đàm Ba Lê về Việt-Nam, ngoài ra người ta từng nhận thấy vị thượng tọa trẻ tuổi này (Nhất Hạnh) đã có nhiều lần vận động hòa bình cho Việt-Nam theo quan điểm của Phật giáo tại các quốc gia Âu-Châu và ngay cả tại Hoa Kỳ.

Những sự kiện trên phần nào đã biểu hiệu cho những nỗ lực của lực lượng Phật giáo để tìm kiếm một nền hòa bình cho dân tộc. Tuy nhiên sự thành công hay không còn tùy vào sức mạnh và khả năng thuyết phục của Phật giáo, cũng như sự chấp nhận của các phe phái liên hệ tới cuộc chiến này.

## II.- CÔNG GIÁO VÀ VẤN ĐỀ HÒA BÌNH

Giáo hội Công giáo cũng đã từng quan tâm nhiều đến cuộc chiến hiện tại : từ vị giáo chủ là Đức giáo hoàng Paul VI. Sau đó các hàng giáo phẩm Việt-Nam cũng từng lên tiếng phụ họa những sáng kiến hòa bình của Đức giáo hoàng, hoặc đôi khi các vị lãnh đạo Công giáo Việt-Nam cũng đưa ra một vài đường hướng có tính cách đặc thù để giải quyết chiến cuộc này, nhưng những giải pháp này không vượt ra ngoài những nguyên tắc căn bản chung mà giáo hội Vatican

đã công bố. Thêm vào các sự kiện này là những hoạt động của một số người mệnh danh là trí thức tự nhận thuộc nhóm tả khuynh tranh đấu đòi hòa bình và có lập trường có vẻ khác hẳn đa số tín đồ Công giáo Việt-Nam mà người ta thường gọi là thủ cựu.

## A.- QUAN NIỆM CỦA GIỚI CÔNG-GIÁO VỀ CUỘC CHIẾN

### 1)- Lập trường chính thức của giáo hội :

Giáo hội Công-giáo hình như có vẻ tránh né việc xác định bản chất của chiến cuộc Việt-Nam : giáo hội quan niệm rằng dù nó là một cuộc chiến tranh ý thức hệ hay một cuộc chiến tranh thuộc loại gì chăng nữa thì cũng cần phải chấm dứt bằng một cuộc hòa đàm nghiêm chỉnh vì hòa đàm là con đường duy nhất có thể tiến tới hòa bình chính đáng, hòa bình trong công lý (1). Qua các bản thông cáo của hội đồng giám mục Công-giáo Việt-Nam cũng lập lại những điều kiện của một nền hòa bình : Đó là Hòa bình căn cứ trên công lý và tự do, phải tôn trọng quyền lợi cá nhân cũng như của đoàn thể, chẳng vậy hòa bình sẽ không vững chắc và lâu dài (2).

Đối với các phe phái liên hệ tới cuộc chiến tranh giáo hội Công-giáo Việt-Nam nhắc lại lời kêu gọi của Đức giáo hoàng Paul VI ngày 2.5.1967 : đòi hỏi hai bên phải từ bỏ các hành động chiến tranh "Phải chấm dứt oanh tạc trên lãnh thổ Bắc-Việt và đồng thời phải chấm dứt các cuộc xâm nhập vũ khí và vật liệu chiến tranh vào miền Nam". Tuy giáo hội Công giáo kết án chiến tranh nhưng cũng đã từng mở đầu ngoặc để "khuyến khích cuộc chiến đấu chống lại chủ nghĩa Cộng-sản vô thần và chủ nghĩa đế quốc dưới mọi hình thức" (3).

(1)(2) Thông cáo của Hội đồng giám mục Việt-Nam, ngày 7.10.1966 chọn số 5.

(3) Tuyên ngôn đại hội giám mục Á Châu, chọn số 4 trang 39.

2)- Một lập trường hai quan niệm :

Mọi phe phái Công giáo đều tỏ khâm phục và chấp nhận những nguyên tắc căn bản mà giáo hội La-Mã đã công bố. Nhưng khi đem ra áp dụng mỗi phe phái lại tùy theo đường hướng chính trị của mình mà giải thích khác nhau.

a)- Công giáo cấp tiến : Nhóm công giáo này có lập trường tương tự khối Phật giáo Ấn Quang, họ cho rằng cuộc chiến này do các cường quốc chi phối, nhất là đế quốc Mỹ và chỉ cần các nhà lãnh đạo của quốc gia này có thiện chí thì Việt-Nam sẽ được hòa bình. Nhóm Công giáo cấp tiến này cũng dựa vào bản tuyên cáo của hội đồng giám mục Á Châu "chống chủ nghĩa đế quốc dưới mọi hình thức" họ đã hô hào chống đế quốc Mỹ vì làm như vậy là theo đúng với đường hướng của giáo hội Công-giáo. Để cụ thể hóa lập trường của mình, nhóm Công giáo cấp tiến đã tiến tới một tổ chức vận động hòa bình đó là "phong trào công lý xây dựng hòa bình".

b)- Công giáo bảo thủ : Nhóm này tương đối đông đảo hơn, họ cho rằng mọi người công giáo phải có bốn phần chống Cộng sản vô thần và tiến tới hòa bình chân chính, một điều mà giới công giáo bảo thủ này cũng luôn luôn xác định là chủ trương chống Cộng của họ đi đúng với đường lối của giáo hội qua bản tuyên cáo của hội đồng giám mục Á-Châu.

3)- Các nỗ lực của giới Công giáo để tìm kiếm Hòa bình cho Việt-Nam.

a)- Các cuộc vận động của các nhân vật hữu quyền : Đúng như Đức Giáo hoàng đương kim đã nói : "Cha không bỏ lỡ một cơ hội nào để tìm kiếm một nền hòa bình công chính cho tổ quốc thân yêu Việt-Nam". Trong nhiều bài diễn văn, trong các cuộc tiếp xúc với các yếu nhân hay các phái đoàn từ nhiều quốc gia tới La-Mã triều yết. Đức Giáo hoàng thường tỏ ra lo âu trước thảm cảnh do chiến tranh gây ra tại Việt-Nam. Đức Giáo hoàng là người đầu tiên lên tiếng

kêu gọi các phe lâm chiến tại Việt-Nam hãy thương thuyết để tiến tới hòa bình. Đức Giáo hoàng từng tiếp xúc với các lãnh tụ cộng-sản như Breznev hay khối tư bản như tổng thống Nixon mong tìm kiếm những giải pháp hợp lý cho cuộc chiến-tranh dai dẳng này. Mới đây qua cuộc viếng thăm một số các quốc gia Á-Châu, khi bay qua không phận Việt-Nam Đức giáo hoàng cũng đã gửi cho hai vị quốc trưởng Nam, Bắc Việt-Nam kêu gọi và cầu chúc hòa bình cho nhân dân Việt-Nam.

Ngoài ra hàng năm giáo hội Công-giáo dành ngày mùng 1 tháng giêng dương lịch để cầu nguyện cho hòa bình thế-giới theo sáng kiến của Đức giáo hoàng Paul VI.

Đối với các nhà lãnh đạo Công-giáo Việt-Nam người ta ghi nhận lập trường của Công giáo Việt-Nam qua các bản thông cáo ngày 7.10.1966 và bản tuyên ngôn của Hội-đồng giám mục Việt-Nam ngày 5.1.1968. Thêm vào đó là những cố gắng của hai Đức cha Nguyễn-văn-Bình và Phạm-ngọc-Chi chủ-tịch và Phó chủ tịch hội-đồng Giám mục Việt-Nam vận động để được phát biểu ý kiến của giáo hội Công giáo Việt-Nam về vấn đề giải quyết chiến cuộc hiện nay, trong phiên họp khoáng đại gồm đầy đủ đại diện của 4 phái đoàn tham dự Hòa hội Ba Lê (sự cố gắng này không mang lại kết quả như hai vị giám mục đó mong muốn!).

b)- Hoạt-động của các phe nhóm :

Các hoạt động của các phe đối nghịch : các hoạt-động của các phe nhóm bảo thủ hay cấp tiến đều cố ý chứng tỏ mình có tư cách đại diện cho đa số công giáo và nhiều khi còn cho đó là hành động biểu tượng cho nguyện vọng đa số quần chúng tại Việt-Nam.

Nhóm Công giáo cấp tiến có khuynh hướng đề cao những sáng kiến hòa bình không điều kiện, cố gắng thuyết phục quần chúng cũng như chính quyền qua các bài báo đăng trên nhật báo Tin Sáng, báo định kỳ Đối Diện...

Nhóm này từng ca ngợi những hoạt động của khối Ấn-Quang đòi hòa bình tức khác... tán dương các cuộc vận động hòa bình của Đức Hồng y Cardjin (Bí).

Trái lại nhóm hữu khuynh lại có chủ trương cần có một nền hòa bình công chính (không có Cộng-sản!) nên từng đã kích lời kêu gọi Hòa bình của Hồng y Cardjin là "Bình phong cho bọn nguy hòa" qua nhiều cuộc biểu tình tại các giáo xứ Biên-Hòa, Hóc-Môn...

Các cuộc biểu tình đòi hòa bình tại Âu Châu và nhất là tại Hoa Kỳ được nhóm cấp tiến ca ngợi cho đó là phản ứng chính đáng của lương tâm con người. Trong khi đó nhóm hữu khuynh lại tỏ ra bất mãn và cho đó là hành vi đều hàng, bạc nhược trước sức mạnh của tội ác.

Một điều mà chúng ta có thể xác tín rằng : đa số công giáo Việt-Nam đều có khuynh hướng bảo thủ, không muốn có hòa bình mà có bóng dáng của Cộng-sản. Điều này có thể giải thích qua nhiều lý do :

- Người công giáo có nhiều kinh nghiệm với Cộng-sản, qua lời giáo huấn của giáo hội trước kia và với sự chung đụng giữa họ và Việt-Cộng trên thực tế. Nên họ quyết tâm loại trừ Cộng-sản mặc dù phải duy trì chiến tranh tàn khốc.

- Công giáo có vẻ thân Tây phương hơn qua những liên hệ về tâm lý (giáo lý Ky tô giáo được truyền qua Việt-Nam từ Tây phương), cũng như có nhiều liên hệ về kinh tế (quyền lợi giáo hội, quyền lợi các tín đồ dưới thời Pháp thuộc hay dưới chính sách viện trợ của Hoa Kỳ). Do đó tín đồ công-giáo dễ chấp nhận sự hiện diện tây phương trong những cố gắng của họ chống lại Cộng sản (thực tế các quốc gia Tây-phương đã hướng dẫn cuộc chiến tranh tại Việt-Nam : trước kia là Pháp bây giờ là Hoa-Kỳ). Đây cũng là đối tượng cho sự chỉ trích từ bên ngoài.

Ngược lại theo nhận định của giáo sư Nguyễn-van-Trung thì người Phật giáo tỏ ra có thiện cảm với nhóm Công giáo cấp tiến : các linh mục Trương-bá-Cần, Nguyễn-ngọc-Lan, Lý chánh trung, Nguyễn-van-Trung có mặt trong các cuộc biểu tình, lễ cầu siêu hòa bình do khối Ấn Quang tổ chức. Ngược lại người ta thấy một số bài nhận định thời cuộc của thượng tọa Nhất-Hạnh trên báo Đối-Diện (tờ báo của nhóm Công-giáo cấp tiến). Về lập trường hòa bình giữa nhóm công giáo cấp tiến và Phật giáo Ấn Quang có vẻ trùng hợp cho nên thường hay đề cao quan điểm của nhau. Sự hòa hợp này đã phần nào chứng tỏ có những dấu hiệu cho sự hợp tác của những người khác màu áo nhưng cùng sống chung trên một trận tuyến.

\*  
\* \*

Qua những nét chính về hoạt động chính trị của Công giáo và Phật giáo được trình bày theo hai phương pháp : lịch sử và phân tích (theo những dữ kiện trong quá khứ). Trong tương lai các tôn giáo này còn giữ vai trò chính trị nữa hay không ? Phần kết luận của chúng tôi sẽ trả lời câu hỏi này.



## CHƯƠNG KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chính trị hiện đại tại Việt-Nam, với một thể chế chưa hoàn toàn ổn định, với tầm lực yếu ớt của các đảng phái chính trị, trong một tương lai gần, tôn giáo có lẽ còn phải tiếp tục sứ mạng của mình trong địa hạt chính trị. Trong quá khứ Công-giáo và Phật-giáo đã tạo được một thể quân bình chính-trị tại Việt-Nam : mỗi lực lượng là một cái "thăng" của lực - lượng kia và cả đối với chính quyền. Tôn giáo cũng là những động lực mạnh mẽ để cải thiện tình trạng chính trị : Công-giáo là lực lượng thúc đẩy công cuộc chống Cộng. Phật giáo cũng là lực lượng thúc đẩy cải thiện chế độ dân chủ. Kết quả tại Việt-Nam Cộng-Hòa đã tiến từ chế độ quả đầu tiến bộ đến dân chủ bảo hộ (1) và chế độ này đang đeo đuổi chính sách chống Cộng.

Tuy nhiên tôn giáo tỏ ra hữu hiệu trong quá khứ, không hẳn sẽ trở thành cần thiết và ích lợi cho quốc gia trong tương lai nếu thiếu sự thích ứng với những biến chuyển chính trị và nhu cầu phát triển quốc gia.

Trước những đòi hỏi mới, tôn giáo cần phải có những đóng góp đáng kể vào công đồng quốc gia để có thể

(1) Tạ-văn-Tài - "Sự thành lập các vấn đề chính yếu tại các Tân quốc-gia Á Phi" - Quốc phong... trang 151.

tạo một thể chế dân chủ và ổn cố tại miền Nam Việt-Nam này. Sự góp mặt của tôn giáo theo chúng tôi có thể là :

- Tạo cơ hội để giúp sự gia tăng đoàn kết giữa các đoàn thể trong quốc gia (trong đó có sự hợp tác chân thành giữa các tôn giáo hay ngay trong nội bộ một tôn giáo).

- Khuyến khích sự tạo dựng các chính đảng có thực lực để tạo sự chuyển quyền một cách nhẹ nhàng, không cần sử dụng tới bạo lực.

Thực hiện những điểm trên, tôn giáo được coi đã hoàn tất sứ mạng cao cả của họ, trước khi họ từ bỏ mọi hoạt động chính trị trên chính trường để trở về với địa vị thuần túy của họ.

### 1) - Tôn giáo và vấn đề đoàn kết quốc gia :

Hai vấn đề hiện tại được coi là những trở ngại cho sự đoàn kết quốc gia : đó là vấn đề địa phương và sự tìm kiếm một thỏa hiệp chung cho mọi phần tử quốc gia.

a) - Vấn đề địa phương : Yếu tố Nam, Bắc, Trung đã là duyên cớ cho các cuộc phân ly không những giữa các công dân Việt-Nam, mà còn là những mầm mống chứa nê tiềm lực tôn giáo : Công giáo Nam, Công giáo da đỏ, Phật giáo Vĩnh Nghiêm, Phật giáo An-Quang... và bây giờ chỉ có niềm tin (trong một tôn giáo) là những sợi dây vô hình thúc đẩy sự liên kết của các lực lượng ly tâm.

b)- Vấn đề thỏa hiệp :

- Đối với chính quyền : Thái độ hợp lý là các tôn giáo nên chấp nhận sinh hoạt trong khuôn khổ pháp lý hiện hữu. Việc theo đuổi chính sách không đả kích chung với chính quyền đã trở thành lỗi thời. Sự thay đổi đường lối của Phật giáo An Quang đã tỏ ra hợp lý và hữu ích cho giáo hội hơn là thái độ chống đối đến cùng như trước.

- Giữa các đoàn thể tôn giáo : Sự từ bỏ những mặc cảm tự tôn, phủ nhận sự hiện diện các đoàn thể khác là một thái độ cần điều chỉnh. Những tham vọng biến tôn giáo thành quốc giáo cần phải gạt bỏ. Điều hiện tại là các tôn giáo nếu có thể cũng có những nỗ lực chung trong mục tiêu phụng sự quốc gia - hay ít ra trong phạm vi riêng từng tôn giáo nếu chưa tìm ra những công thức cho sự hợp tác. Nhưng một điều các tôn giáo cần phải tránh việc đào sâu những mâu thuẫn hay khơi dậy những sự tranh chấp trong quá khứ. Sự kiện này mới có thể tạo những cơ hội cho sự tìm kiếm những thỏa hiệp chung của các tôn giáo trong mục tiêu phụng sự quốc gia dân tộc.

2)- Tôn giáo và đảng phái :

Một câu hỏi thường đặt ra là liệu có thể lấy một tôn giáo làm căn bản cho hoạt động chính trị của một đảng phái không ? Trong quá khứ cũng có một số chính đảng hoạt động nhờ vào các tổ chức tôn giáo như Lực Lượng Địa Đoàn Kết, Phật giáo dân chủ xã hội... Nhưng kết quả như chúng ta biết không lấy gì đáng khích lệ ! mà có thể tạo nhiều sự khó khăn trong việc đoàn kết giữa các tôn giáo khi mà trình độ dân trí chưa phát triển đầy đủ như tại Tây phương,

để người ta có thể phân biệt rõ rệt đâu là thế quyền đâu là giáo quyền. Khi sự phát triển quốc gia về mọi phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa việc tạo lập một chính đảng theo kiểu các đảng "dân chủ Thiên Chúa giáo Tây-phương" mới có đủ điều kiện phát triển mà không nguy hại cho quốc gia.

Vấn đề hiện hữu chúng ta nên từ bỏ mọi ý định thành lập một chính đảng dựa vào một tôn giáo nhất định. Ngày nay chúng ta cần phải khuyến khích sự hợp tác giữa mọi công dân không phân biệt tôn giáo theo đúng như sự nhận định thực tiễn của Hội đồng giám mục Việt-Nam.

Điều hợp lý đối với chúng tôi trong những dòng kết luận :

1)- Cần có sự thế tục hóa sinh hoạt chính trị; quyền lợi chính trị của một tôn giáo cũng cần thích ứng với quyền lợi quốc gia để có thể gia tăng sự dung nạp các tổ chức khác nhau trong mục tiêu tạo dựng ích lợi quốc gia.

2)- Chuyển giao trách nhiệm lãnh đạo chính trị từ các tu sĩ cho các tín đồ : vì theo nhận định của Linh mục Hoàng Quỳnh : chính trị "không phù hợp với thiên chức (các tu sĩ)". Với "sự cởi bỏ gánh nặng này" các giáo sĩ sẽ đưa giáo hội tách khỏi địa hạt chính trị, lúc đó các tăng sĩ chỉ còn đóng vai trò cố vấn để hướng dẫn các tín hữu của mình trong các hoạt động chính trị để phục vụ quốc gia. -



# THU TỊCH

## SÁCH THAM KHẢO

- Duverger, Maurice - "Les partis politiques" A Colin 1958.
- St. Thomas d'aquin - "Political Ideas of St Thomas d'aquin" New York 1963.
- Key, Waldimer orlando - "Politics and pressure groups" Newyork 1968.
- Nguyễn van Bông - "Luật Hiến Pháp và Chính trị học" Saigon 1971.
- Trần thị Hoài Trân - "Định chế chính trị và Hành chánh" Giảng van Cao học Công pháp niên khóa 1969-1970.
- Vũ-quốc-Thông - "Lịch trình học thuyết chính trị" Giảng van Cử nhân Luật khoa năm 4 (1968-1969).
- Nguyễn ngọc Huy - "Lịch sử tư tưởng chính trị" - Cấp Tiến 1971.
- Hoàng Phương - "Tôn giáo và Cộng sản" - Saigon 1967.
- Nguyễn van Cẩn - "Công giáo và Cộng sản" Paris 1960.
- Thích Thiện Ân - "Phật giáo xưa và nay" Đông Phương 1965.
- Story Francis - "Phật giáo và Maxit (Buddhism answers the Marxist challenge). Trần quang Thuận dịch - Đất Tổ - 1965.

Trần Trọng Kim - "Việt-Nam sử lược" I, II - Bộ giáo dục  
1971.

Phan Phát Huồn - "Việt-Nam giáo sử" II - Cứu thế tùng thư  
1962.

Lý-chánh-Trung - "Ba năm xáo trộn" - Nam Sơn 1967.

Morris-L-West - "Ông Đại Sứ" - Chu Việt dịch Saigon 1967.

Lương Khải Minh và Cao vị Hoàng - "Làm thế nào để giết một  
Tổng Thống" - Xây Dựng - 1971.

Suzan Labin - "Việt-Nam, an eye-witness account" - Chân lý  
dịch - Saigon 1964.

Lê-Ngọc-Diệp "Tương quan tôn giáo và chính trị" - Luận văn  
tốt nghiệp Cao học I, 1967.

Đình-Sơn-Huy - "Hoạt động chính trị của người Công giáo  
Việt-Nam" - Luận văn tốt nghiệp Cao học II, 1969.

## TẠP CHÍ

### BÁO ĐỊNH KỲ

#### - NHÀ CHÚA

Đỗ xuân Quế - "Vài suy nghĩ về vấn đề chính trị" - Nhà  
Chúa tháng 10-1969 trang 4-25.

Nguyễn huy Lịch O.P - "Có nên tái lập biện pháp thập tự  
quân" - Nhà Chúa tháng 10-1969 trang 48-64.

Đỗ-xuân-Quế - Cảm nghĩ về chiến cuộc hiện nay" Nhà Chúa  
tháng 8 năm 1969 trang 3-14.

Dương liên Mỹ O.F.M. - "Nhân cuộc chiến tại Việt-Nam"  
Nhà Chúa tháng 8-1969, trang 15-27.

Hương Sơn - "Lương tâm công giáo trước chiến tranh" -  
Nhà Chúa tháng 8-1969, trang 28-36.

\*  
- ĐỐI DIỆN

Lý Chánh Trung - "Người Công giáo và Chính trị ở Việt-Nam" - Đối Diện tháng 1-1971, trang 3-12.

Lưu Hồng Khanh - "Kitô giáo và Maxit chủ nghĩa" - Đối Diện, tháng 3-1971, trang 34-51.

- VẤN ĐỀ

Tùy Anh - "Quo Vedis?" - Vấn đề số 91 tháng 12-1970,  
trang 1-15.

Tùy Anh - "Con đường thế trị của người Phật tử" - Vấn đề số 53 tháng 12-1971, trang 1-15.

- BÁCH KHOA

Trần Ngọc Ninh - "Ánh sáng của Đạo Phật trong đời sống cộng đồng" - Bách Khoa 351 - 15.8.1971, trang 23-30  
Bách Khoa 352 - 1.9.1971, trang 23-28.

Trần Ngọc Ninh - "Phật giáo và Xã hội" - Bách Khoa 15.9.1971, Bách Khoa 1.10.1971.

Nguyễn Văn Trung "Thiên tử, Cấp tiến..." (trả lời phỏng vấn của báo Bách Khoa), Bách Khoa số 341 ngày 15.3.1971.

- NGHIÊN CỨU HÀNH CHÍNH

Nguyễn duy Thanh - "Tìm hiểu Thượng-nghị-viện Việt-Nam  
Cộng Hòa".

NCHC 1/1971, trang 16-48

NCHC 3/1971, trang 71-96.

Tạ van Tài - "Thái độ cử tri trong cuộc bầu cử bán phần  
Thượng-nghị-viện 1970" - NCHC 1/1971, trang 63-106.

- CẤP TIẾN

Nguyễn-hữu-lành - "Các đoàn thể áp lực trong chế độ dân  
chủ ngày nay" - Cấp Tiến 10 tháng 10/1969, trang  
5-15.

- QUỐC PHÒNG

Tạ van Tài - "Sự thành lập và các vấn đề chính yếu của  
các tân quốc gia Á Phi" Quốc Phòng số 9 tháng  
3/1971, trang 126-153.

- CÁC NHẬT BÁO

Trần Triệu Việt - "Từ chính sách hòa bình của Thiên chúa  
giáo... đến lập trường hòa bình của Ấn Quang" -  
Chính Luận các số ngày 13, 14, 15, 16 tháng 1 năm  
1971.

Trần Kim Tuyến - "Vinh nhục của ngày 1.11.1963 - Hòa Bình  
các số trong tháng 10 năm 1971.

Trần Triệu Việt - "Một biến cố lớn : đường chiến lược mới  
của Ấn Quang" - Chính Luận ngày 11.9.1971.

- TUẦN BÁO

Nguyễn Cần - "Vạch áo cho người xem lưng" - Tháng Tiến  
số 428 ngày 26.9.1971.



- MỘT SỐ TÀI LIỆU KHÁC

"Hòa bình cho Quê Hương" - Chọn số 5 tháng 1.1971.

"Công giáo và Cộng sản từ lên án tới đối thoại" - Chọn số 7 tháng 3/1971.

"Đại hội các giám mục Á Châu" - Tuyên ngôn và quyết nghị  
Chọn số 4 tháng 12/1970. —

Việt-Nam Cộng Hòa - Hiến pháp 1.4.1967.

Tổng Giám Mục Saigon - Thư luân lưu 16.6.1963.

Phật giáo tranh đấu - Tuyên ngôn ngày 10.5.1963.

Ủy ban liên bộ và Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo.  
Thông cáo chung 16.6.1963.

Liên Hiệp Quốc - "Vi phạm nhân quyền" - Võ-đình-Cương  
dịch, Saigon 1965.

